**Thông điệp**

**BÁCH CHU NIÊN**

*Centesimus Annus*

**của Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II**

gửi chư huynh trong hàng Giám Mục, các linh mục, các Gia đình tu trì, các tín hữu thuộc Giáo hội Công giáo và mọi người thiện chí.

Nhân dịp kỷ niệm 100 năm ban hành thông điệp RN.

Gioan Phaolô II, giáo hoàng, kính chào và gửi phép lành Tòa thánh đến chư huynh đáng kính và các con thân mến !

**Nhập đề**

*1. Tầm quan trọng lịch sử của thông điệp RN.*

Bách chu niên kỷ niệm ngày ban hành thông điệp bắt đầu bằng những từ *“Tân sự”* (RN)[[1]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn1) của vị tiền nhiệm của tôi, Đức Cố Giáo hoàng khả kính Lêô XIII, đánh dấu một thời điểm rất quan trọng trong thông điệp hiện nay của lịch sử Giáo hội cũng như trong triều đại Giáo hoàng của tôi. Thực vậy, thông điệp đó đã được đặc biệt lưu ý kỷ niệm trong thời gian từ giáp năm 40 cho đến 90, qua các văn kiện long trọng của các vị Giáo hoàng: có thể nói vận mệnh lịch sử của thông điệp RN đã được đánh dấu từng giai đoạn qua các văn kiện khác, hướng sự chú ý đến RN và đồng thời hiện đại hóa thông điệp đó[[2]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn2).

Cũng thế, nhân kỷ niệm 100 năm, thể theo nguyện vọng của đông đảo Giám Mục, các cơ quan của Giáo hội, các trung tâm đại học, các vị lãnh đạo nghiệp đoàn và người lao động với tư cách cá nhân, hoặc như phần tử của các hiệp hội trước tiên tôi muốn cùng với toàn thể Giáo hội tuyên dương công nghiệp của vị Giáo hoàng khả kính này và “văn kiện bất tử”[[3]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn3) của Người. Tôi cũng muốn nói lên rằng dòng nhựa sống dồi dào dâng lên từ gốc rễ đó đã không cạn khô theo năm tháng, nhưng ngược lại, trở nên phong phú hơn. Điều đó được minh chứng qua các sáng kiến thuộc nhiều lãnh vực khác nhau được thực hiện trước, đồng thời, hoặc theo sau cuộc lễ này, những sáng kiến của các Hội đồng Giám Mục, các tổ chức quốc tế, các đại học và các viện hàn lâm, các nghiệp đoàn và các tổ chức hay các nhân khác trong nhiều miền trên trái đất.

*2. Kỷ niệm bách chu niên.*

Thông điệp này góp phần vào các cuộc lễ đó để tạ ơn Thiên Chúa, Đấng mà *“mọi ân huệ tốt lành, mọi phúc lộc hoàn hảo từ Người ban xuống”* (Gc 1,17), vì Người đã sử dụng một văn kiện Tòa Thánh Phêrô cách đây 100 năm để thực hiện nhiều việc tốt lành và tỏa chiếu nhiều luồng sáng trên Giáo hội cũng như trên thế giới. Cuộc lễ chúng ta cử hành hôm nay liên hệ tới thông điệp của Đức Lêô XIII, nhưng đồng thời cũng liên hệ tới các thông điệp và các văn kiện khác của các vị tiền nhiệm của tôi, đã góp phần hướng sự chú ý tới thông điệp đó và khai triển ảnh hưởng của nó qua nhiều năm, tạo thành một học thuyết được gọi là *“học thuyết xã hội”*, *“giáo huấn xã hội”* hay còn được gọi là *“huấn giáo về xã hội”* của Giáo hội.

Hai thông điệp được ban hành trong triều đại giáo hoàng của tôi đã qui hướng về giáo huấn đó, giáo huấn vẫn giữ được giá trị của nó: Laborem exercens về lao động của con người, và Sollicitudo rei socialis về những vấn đề hiện nay trong việc phát triển con người và của dân tộc[[4]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn4).

*3. Đọc lại thông điệp RN.*

Giờ đây tôi muốn đề nghị *“đọc lại”* thông điệp của Đức Lêô XIII, và mời gọi *“nhìn lại quá khứ”* về chính bản văn thông điệp để tái khám phá các nguyên tắc nền tảng phong phú đã được thành hình trong thông điệp này nhằm giải quyết những vấn đề người lao động. Nhưng tôi cũng mời gọi giờ đây hãy nhìn về những *“sự việc mới”* quanh chúng ta và, có thể nói, chúng ta đang chìm ngập trong đó. Những sự việc mới này rất khác với những *“sự việc mới”* ở thập niên cuối thế kỷ trước. Sau cùng tôi mời gọi *“hướng về tương lai”* khi mà chúng ta đã thoáng thấy thiên niên kỷ thứ ba của kỷ nguyên kitô giáo, tuy đầy dẫy những ẩn số, nhưng cũng đầy hứa hẹn. Những ẩn số, những điều còn chưa hiểu và những hứa hẹn mời gọi chúng ta vận dụng trí tưởng tượng và sáng tạo, đồng thời thúc đẩy chúng ta, các môn đệ Chúa Kitô, Đấng là người *“Thầy duy nhất”*
(x. Mt 23,8), lãnh nhận trách nhiệm tỏ bày con đường công bố sự thật, và thông ban sự sống là chính Người (x. Ga 14,6).

Làm như thế, chúng ta không chỉ tái khẳng định giá trị vĩnh cửu của giáo huấn đó, nhưng còn cho thấy ý nghĩa đích thực của truyền thống Giáo hội, một truyền thống luôn sống động và tích cực, xây dựng trên nền tảng bởi các tổ phụ của chúng ta trong đức tin, và đặc biệt trên điều mà *“các tông đồ truyền lại cho Giáo hội”*[[5]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn5) nhân danh Đức Kitô: Người là nền tảng, và *“không ai có thể đặt nền tảng nào khác”* (x. 1Cr 3,11).

Chính vì ý thức sứ vụ kế vị Thánh Phêrô mà Đức Lêô XIII đã quyết định lên tiếng, và cũng chính ý thức đó ngày hôm nay đang thúc đẩy kẻ kế vị Người. Cũng như Người và các Đức Giáo hoàng trước và sau Người, tôi cảm hứng từ hình ảnh trong Tin Mừng về *“người kinh sư trở nên môn sinh Nước Trời”* mà Đức Kitô ví *“như chủ nhà kia lấy ra từ trong kho mình cả cái cũ lẫn cái mới”* (Mt 13,52). Kho tàng đó là dòng chảy cuồn cuộn của truyền thống Giáo hội chứa đựng những *“điều cũ”* luôn được đón nhận và truyền lại, nhờ đó hiểu được *những “điều mới”*, trong đó đang diễn ra đời sống của Giáo hội và của thế giới.

Những điều mới này khi hội nhập vào truyền thống, trở thành kỳ cựu và cung cấp chất liệu và cơ hội để phong phú hóa truyền thống cũng như phong phú hóa đời sống đức tin. Góp phần vào đó, còn có hoạt động phong phú của hàng triệu triệu con người được khích lệ bởi giáo huấn của Giáo hội về vấn đề xã hội, đã cố gắng cảm hứng từ giáo huấn đó để dấn thân vào thế giới. Khi hành động một cách cá nhân, hay qui tụ bằng nhiều cách khác nhau thành những nhóm, hiệp hội và tổ chức, họ đã làm thành một phong trào lớn bênh vực con người và bảo vệ phẩm giá của con người. Qua những thăng trầm của lịch sử, điều đó đã góp phần làm nên một xã hội công bằng hơn, hay ít là chặn đứng và hạn chế những bất công.

Thông điệp này nhằm làm sáng tỏ sự phong phú của các nguyên tắc mà Đức Lêô XIII đã diễn tả, những nguyên tắc này thuộc về gia sản đạo lý của Giáo hội, và theo danh nghĩa đó, có thế giá của quyền giáo huấn. Nhưng mặt khác, ưu tư mục vụ cũng khiến tôi đưa ra việc phân tích mấy sự kiện lịch sử gần đây. Không cần phải nhấn mạnh rằng việc cẩn thận nhận định những nhu cầu mới của sứ vụ loan báo Tin mừng là trách nhiệm của người mục tử. Tuy nhiên, khi khai triển những nhận định đó, chúng tôi không nhằm trình bày những phán quyền dứt khoát bởi vì tự nó, các nhận định này không thuộc phạm vi riêng của quyền giáo huấn.

**CHƯƠNG I**

**NHỮNG NÉT TIÊU BIỂU CỦA THÔNG ĐIỆP TÂN SỰ**

*4. Một kiểu thức xã hội mới.*

Khoảng cuối thế kỷ trước, Giáo hội phải đối diện với một tiến trình lịch sử đã bắt đầu từ ít lâu trước đó và đang lên tới mức độ nguy kịch. Trong các yếu tố xác định tiến trình này, có một tổng thể những thay đổi từ căn bản xảy ra trong lãnh vực chính trị, kinh tế và xã hội, và cả trong khuôn khổ khoa học và kỹ thuật, ngoài ra, còn có nhiều thứ ảnh hưởng của các ý thức hệ bá chủ. Trong lãnh vực chính trị, những thay đổi này làm nẩy sinh một quan niệm mới về xã hội và nhà nước, và do đó cả về quyền bính nữa. Một xã hội truyền thống đã biến mất trong khi một xã hội mới bắt đầu xuất hiện, được ghi dấu bằng niềm hy vọng những quyền tự do mới, nhưng đồng thời cũng có nguy cơ sa vào những hình thức bất công và nô lệ mới.

Trong lãnh vực kinh tế, nơi hội tụ những khám phá và ứng dụng khoa học, người ta dần dần đạt được những cơ cấu mới trong việc sản xuất của cải tiêu dùng. Người ta đã chứng kiến sự xuất hiện một hình thức tư hữu mới, tức là nguồn vốn, và một hình thức lao động mới, lao động trả lương, lao động này được xác định bằng nhịp độ làm việc cực nhọc, không lưu ý đến mọi khác biệt về phái tính, tuổi tác hay tình trạng gia đình mà chỉ căn cứ vào hiệu năng để gia tăng lợi nhuận.

Như thế, lao động trở thành một món hàng có thể được tự do mua bán trên thị trường, và giá cả của nó chỉ được qui định tùy vào luật cung cầu, mà không để ý tới nhu cầu tối thiểu trong cuộc sống của người công nhân và gia đình họ. Hơn nữa, người lao động thậm chí không chắc có bán được *“món hàng”* của mình hay không, và họ thường xuyên bị đe dọa thất nghiệp; nếu không có xã hội bảo trợ, họ sẽ lâm vào nguy cơ chết đói.

Hậu quả của việc biến đổi đó là *“chia cắt xã hội thành hai giai cấp cách nhau một trời một vực”*[[6]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn6). Tình trạng này thêm vào những biến đổi thuộc lãnh vực chính trị đã nhấn mạnh ở trên. Như vậy, lý thuyết chính trị nổi bật ở thời đại đó có khuynh hướng cổ võ sự tự do tuyệt đối về kinh tế bằng những luật lệ được thích nghi cho phù hợp, hay ngược lại cố ý tranh mọi sự can thiệp. Đồng thời, dưới hình thức có tổ chức và bằng cách thức nhiều khi có bạo lực, đã bắt đầu xuất hiện một quan niệm khác về tư hữu và đời sống kinh tế, kéo theo một cơ câu mới về chính trị và xã hội.

Ở thời điểm cực độ của sự đối kháng này, khi mà sự bất công trở nên trầm trọng trong thực tại xã hội ở nhiều nơi, và nguy cơ một cuộc cách mạng được cổ võ bởi những ý tưởng mà lúc đó được gọi là *“xã hội chủ nghĩa”*, đã xuất hiện rõ ràng, thì Đức Lêô XIII đã can thiệp bằng cách ban hành một văn kiện bàn về *“vấn đề thợ thuyền”* một cách có hệ thống. Thông điệp này đã được chuẩn bị bằng những thông điệp khác đề cập nhiều hơn đến những giáo huấn về chính trị, và còn có những thông điệp khác ban hành sau đó nữa[[7]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn7). Trong bối cảnh như vậy, đặc biệt nên nhắc lại thông điệp Libertas Praestantissimum, trong đó nhắc tới mối liên hệ thiết yếu giữa tự do của con người với chân lý, mối liên hệ này bền chặt đến nỗi nếu tự do từ chối nối liền với chân lý, nó sẽ trở thành độc tài, và cuối cùng, chính mình sẽ lệ thuộc những đam mê hạ đẳng nhất và sẽ tự hủy diệt. Thực vậy, tất cả những điều tệ hại mà thông điệp RN muốn loại trừ đó phát xuất từ đâu, nếu không phải là từ một thứ tự do mà trong lãnh vực hoạt động kinh tế và xã hội, đã xa rời chân lý về con người?

Mặt khác, Đức Lêô XIII đã cảm hứng từ giáo huấn của các vị tiền nhiệm cũng như từ các văn kiện khác của các Đức Giám Mục, từ những nghiên cứu có tính khoa học của người giáo dân, từ hoạt động của các phong trào và các hiệp hội Công giáo và từ những thực hiện cụ thể trong lãnh vực xã hội đã ghi đậm nét trên đời sống Giáo hội trong hậu bán thế kỷ XIX.

*5. Giải đáp của Giáo hội.*

Những *“sự việc mới”* được Đức Giáo hoàng nghiên cứu đều là những vấn đề không tích cực chút nào. Đoạn đầu của thông điệp trình bày bằng những từ ngữ mạnh mẽ về những *“sự việc mới”* đó cũng là tên gọi của thông điệp: *“Vào thời điểm phát triển ước vọng những sự việc mới mà từ lâu đã khuấy động các nhà nước, phải chú ý nhận ra nỗi khát vọng thay đổi, chuyển từ lãnh vực chính trị sang lãnh vực kế cận là kinh tế. Thực vậy, nền kỹ nghệ đã phát triển và các phương pháp kỹ nghệ cũng đã được canh tân hoàn toàn. Nhưng tương quan giữa chủ nhân và thợ thuyền đã thay đổi, tiền bạc, của cải tập trung vào tay một thiểu số, còn đa số sống trong nghèo đói. Người thợ đã có ý thức cao hơn về chính mình và đã liên kết với nhau chặt chẽ hơn. Tất cả những điều đó, không kể sự suy đồi về thuần phong mỹ tục, rốt cuộc đã làm bùng nổ một cục xung đột”*[[8]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn8).

Đức Giáo hoàng và Giáo hội cũng như xã hội dân sự đang đối diện với một xã hội bị chia cắt do sự xung đột ngày càng gay gắt và bất nhân, đến nỗi nó không còn biết đến lề luật, qui tắc nào nữa, đó là sự xung đột giữa tư bản và lao động, hay theo kiểu nói của thông điệp, đó là vấn đề thợ thuyền. Đức Giáo hoàng không ngần ngại đưa ra phán quyết về chính cuộc xung đột này trong những hoàn cảnh bi đát mà người ta đã nhận thấy thời đó.[[9]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn9)

Ở đây tôi muốn đưa ra suy nghĩ đầu tiên mà thông điệp gợi ra cho thông điệp chúng ta. Đối diện với cuộc xung đột giữa con người với nhau, có thể nói là giữa những *“con chó sói”*, ngay chính trên bình diện những điều kiện vật chất tối thiểu đủ sống của những người này và sự giàu có dư thừa của những người khác, Đức Giáo hoàng không ngần ngại can thiệp nhân danh *“trách vụ tông đồ”*, nghĩa là nhân danh sứ vụ người đã lãnh nhận nơi chính Đức Giêsu Kitô để *“chăn dắt đoàn chiên”*(x Ga 21,15-17), để cầm buộc và tháo cởi dưới đất *“vì nước trời”* (x Mt 16,19). Ý định của Người rõ ràng là để tái lập hòa bình, và độc giả ngày nay phải nhận ra sự kết án nghiêm khắc không khoan nhượng của Người chống lại cuộc đấu tranh giai cấp[[10]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn10). Nhưng Người rất ý thức sự kiện là hòa bình được xây dựng trên nền tảng công lý: rõ ràng nội dung chủ yếu của thông điệp là công bố những điều kiện nền tảng của công lý trong bối cảnh kinh tế và xã hội của thời đó[[11]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn11).

Như thế, tiếp theo các vị tiền nhiệm, Đức Lêô XIII đã thiết lập một mô hình vững bền cho Giáo hội. Thực vậy, đứng trước những tình huống cụ thể của con người, cá nhân và cộng đoàn, từng quốc gia và quốc tế, Giáo hội lên tiếng, và vì họ, Giáo hội công bố một giáo lý đích thực, một học thuyết giúp Giáo hội phân tích những thực tại xã hội, cũng như đề ra những nhận định của mình về các thực tại đó, và đưa ra những đường hướng để giải đáp một cách chính đáng các vấn đề do những thực tại đó đặt ra.

Vào thời Đức Lêô XIII, một quan niệm như thế về quyền hạn và trách nhiệm của Giáo hội chưa hề được mọi người chấp nhận. Thực vậy, có hai khuynh hướng nổi bật: một là hướng về trần thế và cuộc sống đời này mà đức tin không được can thiệp vào; khuynh hướng thứ hai hướng về ơn cứu độ hoàn toàn đặt ở đời sau, và ơn cứu độ đó không đem lại áng sáng hay hướng đi nào cho cuộc sống trần thế này cả. Khi ban hành thông điệp Tân Sự, có thể nói là Đức Giáo hoàng đã trao cho Giáo hội *“quyền công dân”* trong những thực tại đang thay đổi của đời sống công cộng. Điều này sẽ được xác định rõ hơn nữa trong các văn kiện sau đó. Thực vậy, giáo huấn của Giáo hội về vấn đề xã hội cũng như việc truyền bá giáo huấn đó thuộc về sứ vụ loan báo tin mừng của Giáo hội; đó là một phần cốt yếu của sứ điệp Kitô giáo, bởi vì giáo lý này đưa ra những hệ luận trực tiếp của sứ điệp đó trong đời sống xã hội, và đặt lao động thường nhật và cuộc đấu tranh cho công bằng vào khung cảnh việc làm chứng cho Đức Kitô, Đấng cứu độ. Giáo lý đó đồng thời cũng là nguồn hiệp nhất và hòa bình trước những xung đột không tránh khỏi trong lãnh vực kinh tế và xã hội. Như vậy ta có thể hòa mình vào những tình trạng mới mà không làm giảm bớt phẩm giá siêu việt của con người nơi chính bản thân mình, cũng như nơi những đối thủ của mình, và tìm được con đường dẫn tới những giải quyết đúng đắn.

Sau 100 năm, giá trị của một đường hướng như vậy đã tạo cho tôi cơ hội đóng góp vào việc soạn thảo một giáo lý kitô giáo về xã hội. Trong số những yếu tố cốt yếu của việc *“tái loan báo tin mừng”*, hiện đang hết sức cần thiết cho thế giới, và nhiều lần tôi đã nhấn mạnh, phải kể đến việc loan báo một giáo lý của Giáo hội về vấn đề xã hội thích hợp, hôm nay cũng như thời Đức Lêô XIII, hầu đưa ra một hướng đi tốt đẹp giải đáp được những thách đố lớn lao của thời đại hiện nay trong bối cảnh các ý thức hệ đang dần dần mất đi ảnh hưởng. Cũng như thời đó, hiện nay phải lập lại rằng không có một giải pháp đích thực cho *“vấn đề xã hội”* ở ngoài tin mừng, và mặt khác, *“những vấn đề mới”* có thể tìm được trong tin mừng, là môi trường sự thật cho mình và sự thẩm định luân lý thích hợp.

*6. Quyền lợi của người lao động.*

Khi chủ trương chiếu một ánh sáng vào cuộc xung đột giữa tư bản và lao động, Đức Lêô XIII khẳng định những quyền căn bản của người lao động. Vì thế, chìa khóa để đọc bản văn của Đức Giáo hoàng là chính phẩm giá của người lao động, và do đó phẩm giá của lao động được định nghĩa là *“hoạt động của con người nhằm thỏa mãn những nhu cầu của cuộc sống, đặc biệt để duy trì sự sống”*[[12]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn12). Đức Giáo hoàng xác định tính cách *“cá vị”* của lao động, bởi vì *“sức mạnh của lao động gắn liền với con người, và thuộc riêng về con người thực hiện lao động đó, và là sở hữu của họ”*[[13]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn13). Như thế, lao động nằm trong ơn gọi của mọi người, con người tự bày tỏ và tự thể hiện qua hoạt động lao tác, đồng thời lao động có một chiều kích xã hội, do mối tương quan mật thiết với gia đình cũng như với công ích, *“bởi vì người ta có thể khẳng định không sai lầm rằng lao động của thợ thuyền là nguồn gốc sự giàu có của nhà nước”*[[14]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn14). Đó là những điều mà tôi đã lấy lại và khai triển trong thông điệp LE (lao động)[[15]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn15).

Chắc chắn có một nguyên tắc quan trọng khác, đó là nguyên tắc về *“quyền tư hữu”*[[16]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn16). Thông điệp đã khai triển nhiều về vấn đề này, điều đó cho thấy vấn đề có tầm quan trọng riêng. Đức Giáo hoàng ý thức rõ ràng quyền tư hữu không phải là một giá trị tuyệt đối và Người không quên công bố những nguyên tắc bổ sung không thể thiếu, chẳng hạn nguyên tắc tài nguyên trái đất phải dành cho mọi người[[17]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn17).

Vả lại, nếu thực sự kiểu tư hữu mà Đức Giáo hoàng đã đặc biệt đề cập đến là sở hữu đất đai[[18]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn18), thì ngày nay, các lý lẽ đưa ra để bảo vệ quyền tư hữu, vẫn giữ được giá trị của nó, nghĩa là để khẳng định quyền chiếm hữu những gì cần thiết cho việc phát triển cá nhân và gia đình, cho dù hình thức thực sự của quyền này như thế nào. Phải khẳng định quyền đó một lần nữa trước những thay đổi mà chúng ta đang chứng kiến trong những hệ thống xã hội đã chấp nhận nguyên tắc sở hữu tập thể các phương tiện sản xuất, và cả trước những tình trạng ngày càng gia tăng tình trạng nghèo khổ, hay đúng hơn, trước những sự chối bỏ quyền tư hữu tại nhiều miền trên thế giới. Kể cả những miền trong đó những hệ thống xã hội xây dựng trên sự khẳng định quyền tư hữu đang chiếm ưu thế. Tiếp theo những thay đổi đó, và sự nghèo khổ triền miên, cần phải có sự phân tích vấn đề một cách sâu xa hơn, điều này sẽ được đề cập đến sau.

*7. Sự cần thiết của các nghiệp đoàn*

Thông điệp của Đức Lêô XIII cũng khẳng định những quyền khác tương quan mật thiết với quyền tư hữu, khi Đức Giáo hoàng quả quyết chúng vốn có trong con người và bất khả di nhượng. Trong số những quyền này, *“quyền tự nhiên của con người”* trong các việc lập các hiệp hội tư chiếm địa vị hàng đầu, vì Đức Giáo hoàng đã khai triển rộng rãi quyền đó và dành cho nó một tầm mức quan trọng, trước hết, đó là quyền sáng lập các nghiệp đoàn giữa các chủ nhân xí nghiệp và thợ thuyền hay giữa các thợ thuyền mà thôi[[19]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn19). Ở đây, người ta nắm được động lực khiến Giáo hội bênh vực và phê chuẩn việc sáng lập những tổ chức quen gọi là nghiệp đoàn, chắc chắn không do thành kiến mang tính ý thức hệ hay chiều theo não trạng giai cấp, nhưng vì liên hiệp với nhau là một quyền tự nhiên của con người, và do đó, là một quyền có trước khi được xã hội chính trị nhìn nhận. Thực vậy, *“nhà nước được lập ra là để bảo vệ, chứ không phải để tiêu diệt quyền tự nhiên. Khi ngăn cấm những Hiệp hội như thế, nhà nước tự chống lại chính mình”*[[20]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn20).

Ngoài việc đã minh nhiên nhìn nhận quyền nói trên – nên nhấn mạnh điều này – đối với người thợ, hay nói theo từ ngữ của Đức Giáo hoàng: *“dành cho những người vô sản”*, Đức Giáo hoàng còn khẳng định rõ rệt những quyền như *“giới hạn giờ lao động”*, nghỉ ngơi chính đáng và đối xử đặc biệt đối với trẻ em và phụ nữ[[21]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn21) trong những gì liên hệ đến loại công việc và thời gian làm việc.

Nếu chúng ta nhớ lại những gì lịch sử đã cho chúng ta biết về những thực hành đã được chấp nhận, hay ít là không bị luật pháp ngăn cấm trong lãnh vực các khế ước đã được thông qua, mà không chút bảo đảm về thời khóa biểu, về điều kiện vệ sinh của công việc, cũng không tôn trọng tuổi tác hay phái tính của những ứng viên xin việc làm, thì chúng ta sẽ hiểu rõ những nghiêm khắc trong lời của Đức Giáo Hoàng. Người viết: *“Thật không công bình, cũng chẳng có nhân bản, nếu đòi hỏi con người một công việc làm cho lý trí đần độn và có thể ra yếu nhược do mệt mỏi quá sức”*. Và một cách chi tiết hơn, khi bàn đến khế ước có mục đích thể hiện *“những tương quan lao động”* nói trên, Người quả quyết: *“Trong mọi hợp đồng giữa chủ và thợ, cần phải ghi điều kiện minh nhiên hay mặc nhiên”* rằng cần sắp xếp một thời gian nghỉ ngơi thích hợp tương ứng *với “sức lực tiêu hao trong lao động”*, rồi Người kết luận: *“Một khế ước đi ngược lại sẽ là vô luân”*[[22]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn22).

*8. Quyền có đồng lương chính đáng.*

Ngay sau đó, Đức Giáo hoàng công bố một quyền khác của người lao động với tư cách là con người. Đó là quyền có *“đồng lương chính đáng”*, quyền này không thể để tùy *“sự tự do đồng ý của các bên đến nỗi người chủ thuê thợ, sau khi đã trả tiền lương như đã thỏa thuận, dường như đã xong hợp đồng và không còn trách nhiệm nào khác nữa”*[[23]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn23). Nhà nước – như thời đó người ta nói – không có quyền can thiệp vào việc quyết định các khế ước đó, ngoài việc bắt thực hiện những gì đã thỏa thuận rõ ràng. Một quan niệm như thế trong tương quan giữa chủ và thợ, hoàn toàn có tính cách thực dụng và bị thúc đẩy do cá nhân chủ nghĩa hẹp hòi đã bị thông điệp phê phán nặng nề là đi ngược lại hai đặc tính của lao động, tức là có tính cá vị và cần thiết. Thực vậy, nếu lao động xét như của con người, thì thuộc về khả năng và sức lực mà mọi người được tự do sử dụng; xét như là điều cần thiết, lao động được chi phối do bổn phận nặng nề của mỗi người là *“duy trì sự sống”*; *“từ bổn phận này, Đức Giáo hoàng kết luận, thiết yếu nảy sinh quyền tìm kiếm những gì giúp mình có thể sống, những cái mà người nghèo chỉ có thể kiếm được nhờ đồng lương do lao động của mình”*[[24]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn24).

Tiền lương phải đủ để nuôi sống người thợ và gia đình của họ. Nếu người lao động *“bị ép buộc do sự cần thiết hay bị thúc đẩy do sợ hãi một điều xấu hơn, phải chấp nhận những điều kiện rất khắc nghiệt, mà họ không thể từ chối vì những điều kiện do ông chủ hay người tạo công ăn việc làm cho họ áp đặt, khi ấy, họ phải chịu cưỡng bức ngược với lẽ công bằng”*[[25]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn25).

Ước mong rằng những dòng chữ đó, được viết vào lúc đang phát triển cái mà người ta gọi là *“chủ nghĩa tư bản dã man”*, ngày nay không cần phải lấy lại và lặp lại với cùng một giọng nghiêm khắc ! Đáng tiếc, cả ngày hôm nay nữa, vẫn còn những bản khế ước giữa ông chủ và thợ không biết đến sự công bằng sơ đẳng nhất trong vấn đề lao động của người thợ vị thành niên hay của phụ nữ về thời gian làm việc, về những điều kiện vệ sinh trong nơi làm việc và về đồng lương chính đáng. Điều đó vẫn xảy ra cho dù đã có các tuyên ngôn và các công ước quốc tế[[26]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn26), và cả luật pháp của nhiều nhà nước. Đức Giáo hoàng đã quy cho *“chính quyền”* *“bổn phận khắt khe”* phải chăm sóc phúc lợi của người lao động cho chu đáo, bởi vì nếu chính quyền không thực hiện điều đó, sẽ xúc phạm đến công lý, và Người không ngần ngại gọi là *“công bằng phân phối”*[[27]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn27).

*9. Quyền tự do tôn giáo*

Thêm vào những quyền đó, Đức Lêô XIII còn nêu ra một quyền khác nữa, vẫn luôn liên quan đến thân phận người lao động mà tôi muốn nhắc lại do tầm quan trọng của nó: quyền tự do thi hành nhiệm vụ tôn giáo của mình. Đức Giáo hoàng đã tuyên bố rõ ràng quyền này trong bối cảnh những quyền lợi và nhiệm vụ khác của thợ thuyền, cho dù, trong bầu không khí chung, ngay từ thời đó, người ta đã cho rằng có một số vấn đề hoàn toàn thuộc về lãnh vực đời sống riêng tư. Đức Thánh cha khẳng định sự cần thiết của việc nghỉ ngày chủ nhật, để nhắc cho con người nhớ tới những thiện hảo thiêng liêng và trách nhiệm tôn thờ Đấng Tối Cao[[28]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn28). Không ai được tước quyền đó của con người, một quyền bắt nguồn từ giới luật nền tảng, Người viết: *“Không một ai được xúc phạm tới phẩm giá đó của con người mà không bị trừng phạt, một phẩm giá mà chính Thiên Chúa cũng đã hết sức tôn trọng”*. Vì thế, Nhà Nước phải bảo đảm cho thợ thuyền được thể hiện quyền tự do đó[[29]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn29).

Trong khẳng định rõ ràng trên đây, người ta không lầm khi nhận thấy hàm chứa nguyên lý về quyền tự do tôn giáo, là quyền mà kể từ đó đã trở thành đối tượng của nhiều tuyên ngôn và công ước quốc tế trang trọng[[30]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn30), không kể Tuyên ngôn nổi tiếng của Công Đồng Vat.II và nhiều giáo huấn của tôi[[31]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn31). Về điều này, chúng ta phải tự hỏi những qui định luật pháp hiện hành và các thực hành trong các xã hội kỹ nghệ hôm nay có giúp thực sự bảo đảm thi hành quyền căn bản được nghỉ ngày chủ nhật hay không?

*10. Vai trò của nhà nước.*

Một dữ kiện quan trọng khác là, rất phong phú về giáo huấn cho thời đại chúng ta, đó là quan niệm về tương quan giữa Nhà nước và các công dân. Thông điệp Tân Sự phê phán hai hệ thống xã hội và kinh tế, tức là chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tự do. Thông điệp dành phần mở đầu để phê phán chủ nghĩa xã hội khi tái khẳng định quyền tư hữu. Ngược lại không có đoạn nào dành riêng cho chủ nghĩa tự do, nhưng – và điều này đáng cho chúng ta lưu ý – những phê phán về chủ nghĩa tự do nằm ở phần bàn về đề tài những bổn phận của Nhà Nước[[32]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn32). Nhà Nước không thể chỉ quan tâm đến việc *“bảo vệ một số công dân”*, những người giàu có và sung túc, mà bỏ rơi *“số công dân khác”*, là những người chắc chắn đại diện cho đa số lớn lao trong xã hội. Nếu không sẽ làm tổn thương đến sự công bằng đã phải trả cho mọi người những gì thuộc về họ. *“Nhưng trong khi bảo vệ quyền lợi riêng phải quan tâm đặc biệt đến những người hèn kém, nghèo khổ. Giới giàu có, mạnh thế về của cải, ít cần sự bảo vệ của chính quyền hơn; còn giới nghèo, vì không có tiền bạc để che chở cho mình, nên nương tựa nhiều vào sự che chở của nhà nước. Vì thế, Nhà nước phải chăm sóc và lưu tâm đặc biệt đến những người lao động thuộc đám đông những người thua thiệt”*[[33]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn33).

Những đoạn văn này ngày nay vẫn giữ nguyên giá trị, nhất là khi đối diện với những hình thức nghèo nàn mới đang hiện hữu trong thế giới, vì lẽ những khẳng định quan trọng như thế hoàn toàn không tùy thuộc vào một quan niệm nhất định về nhà nước, cũng không lệ thuộc vào một lý thuyết chính trị đặc thù nào. Đức Giáo hoàng nhắc lại nguyên lý sơ đẳng của mỗi tổ chức chính trị lành mạnh: trong một xã hội, cá nhân nào càng dễ tổn thương thì họ càng cần được những người khác giúp đỡ và lưu tâm, nhất là được sự giúp đỡ của chính quyền.

Như thế, Nguyên tắc liên đới, như người ta thường nói ngày nay, mà trong thông điệp SRS tôi đã nhắc tới[[34]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn34), giá trị của nó trong trật tự của mỗi quốc gia cũng như trật tự quốc tế, là một trong những nguyên tắc nền tảng của quan niệm kitô giáo về tổ chức chính trị và xã hội. Nguyên tắc đã nhiều lần được Đức Lêô XIII phát biểu với từ ngữ *“tình bạn”*, mà chúng ta đã thấy trong triết học Hy lạp. Đức Piô XI đã gọi bằng một danh từ ý nghĩa không kém là *“bác ái xã hội”*, trong lúc Đức Giáo hoàng Phaolô VI, khi mở rộng quan điểm đó theo những chiều kích hiện đại khác nhau của vấn đề xã hội, đã gọi là *“văn minh của tình yêu”*[[35]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn35).

*11. Giáo hội đứ*n*g về phía người nghèo.*

Khi đọc lại thông điệp RN trong bối cảnh thời đó chúng ta có thể lưu ý đến mối quan tâm cũng như hành động liên lỷ của Giáo hội nhằm nâng đỡ những lớp người được Chúa Giêsu yêu thương hơn. Nội dung của bản văn này là một chứng từ tuyệt vời về tính liên tục trong Giáo hội, của điều mà người ta gọi là *“lựa chọn ưu tiên về phía người nghèo”*, một sự lựa chọn được định nghĩa như là một *“hình thức ưu tiên đặc biệt trong thực hành Đức Ái kitô giáo”* [[36]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn36). Như thế, thông điệp về *“vấn đề thợ thuyền”* là một thông điệp về người nghèo, và về điều kiện thê thảm mà tiến trình mới trong kỹ nghệ hóa thường là tàn bạo, đã dồn một số rất đông con người vào tình trạng đó. Cả ngày nay nữa, trong phần lớn thế giới, những tiến trình như thế trong biến chuyển kinh tế, xã hội, chính trị vẫn nảy sinh ra những tai ương tương tự.

Nếu Đức Lêô XIII phải lêu gọi tới nhà nước để cứu vãn hoàn cảnh của người nghèo theo sự công bằng, thì Người làm điều đó cũng vì Người nhìn nhận một cách chính đáng rằng Nhà Nước có bổn phận lo lắng cho công ích, và liệu sao cho mỗi lãnh vực trong sinh hoạt xã hội, kể cả lãnh vực kinh tế, đều góp phần vào việc cổ võ công ích, trong khi vẫn tôn trọng sự tự lập chính đáng của mỗi lãnh vực. Tuy nhiên, theo Đức Lêô XIII, không nên kết luận rằng, giải pháp cho vấn đề xã hội trong mọi trường hợp đều do nhà nước. Ngược lại, Đức Giáo hoàng nhiều lần nhấn mạnh tới những giới hạn cần thiết trong sự can thiệp của nhà nước, và nhấn mạnh tới bản chất công cụ của nhà nước, vì cá nhân, gia đình và xã hội là những thành phần có trước nhà nước, và Nhà Nước hiện hữu là để bảo vệ những quyền lợi riêng của họ mà không khi nào được đàn áp họ[[37]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn37).

Ai cũng biết tính cách thời sự của những suy tư này. Cần bàn lại đề tài quan trọng này liên quan đến những giới hạn vốn thuộc về bản chất của nhà nước ở một đoạn sau. Các điểm được nhấn mạnh, mặc dù không phải là những điểm duy nhất được thông điệp bàn tới, nằm trong tính liên tục của giáo huấn Giáo hội về vấn đề xã hội, và được soi sáng do một quan niệm lành mạnh về quyền tư hữu, về lao động, về phát triển kinh tế, về bản chất của nhà nước, và nhất là về chính con người. Những đề tài khác sẽ được đề cập tiếp theo khi bàn đến một số khía cạnh của thực tại hiện nay, nhưng ngay bây giờ, cần lưu ý rằng, điều làm nên cái nền, và một cách nào đó, hướng dẫn cho thông điệp RN và cho toàn bộ giáo lý của Giáo hội về vấn đề xã hội, đó là quan niệm đúng đắn về con người, về giá trị độc nhất của họ, trong tầm mức con người là tạo vật duy nhất trên trái đất được Thiên Chúa muốn vì chính họ[[38]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn38). Trong con người, Thiên Chúa đã khắc ghi hình ảnh của Người, tạo dựng họ giống như Người (x St 1,26) khi ban cho con người một phẩm giá vô song, thông điệp nhiều lần nhấn mạnh tới điều đó. Thực vậy, bên trên những quyền lợi mà con người được hưởng khi làm việc còn có những quyền lợi không tương ứng với bất cứ hoạt động nào của con người, nhưng phát xuất từ phẩm giá chính yếu của con người.

**Chương II**

**HƯỚNG TỚI NHỮNG ĐIỀU MỚI MẺ CỦA NGÀY HÔM NAY**

*12. Những dữ kiện của Đức Giáo hoàng Lêô****XIII***

Thông điệp RN sẽ không được kỷ niệm một cách xứng hợp nếu chúng ta không để ý đúng mức đến hoàn cảnh hiện tại. Nội dung của thông điệp đã gợi lên suy tư đó; thực vậy, bối cảnh lịch sử và những dữ kiện của thông điệp đã tỏ ra chính xác lạ lùng, dưới ánh sáng của những biến cố sau này.

Những dữ kiện xảy ra vào những tháng cuối năm 1989 và đầu năm 1990 đã đặc biệt xác nhận điều đó. Những sự kiện này kể cả những biến đổi triệt để theo sau, chỉ có thể giải thích được nhờ dựa vào những hoàn cảnh có trước, là những hoàn cảnh đã cô đọng hay thể chế hóa cách nào đó, những tiên liệu của Đức Lêô XIII và những dấu chỉ ngày càng gây lo ngại mà các Vị kế nghiệp của Người đã nhận ra. Quả thật, Đức Giáo hoàng Lêô XIII đã thấy trước những hậu quả tiêu cực dưới mọi khía cạnh: chính trị, xã hội và kinh tế – của một cơ chế xã hội như *“chủ thuyết xã hội”* đề nghị; chủ thuyết này lúc bấy giờ còn là một triết thuyết xã hội và một phong trào ít nhiều cơ cấu hóa. Người ta có thể ngạc nhiên vì Đức Giáo hoàng đã khởi đầu từ *“chủ thuyết xã hội”* để phê bình những giải pháp được đề nghị về *“vấn đề thợ thuyền”*, lúc mà chủ thuyết xã hội chưa có được hình thức một nhà nước mạnh mẽ và đầy thế lực, có quyền sử dụng mọi tài nguyên như sau này. Tuy nhiên Đức Giáo hoàng đã lượng định rất đúng mối nguy cơ đối với quần chúng, do lối trình bày hấp dẫn về một giải pháp vừa đơn giản vừa triệt để cho *“vấn đề thợ thuyền”* thời ấy. Điều đó càng đúng hơn nữa nếu để ý đến tình trạng bất công đang dồn ép những đám đông quần chúng vô sản tại những quốc gia mới được kỹ nghệ hóa.

Ở đây cần ghi nhận hai điều: một đàng là sự sáng suốt đặc biệt để có thể nhận thức một cách sâu sắc, tình cảnh thực sự của những người vô sản gồm đàn ông, đàn bà và trẻ em…; đàng khác là một nhận định không kém phần minh bạch, để có thể phân biệt được cái xấu trong một giải pháp mà bên ngoài là đảo ngược tình trạng người giàu người nghèo, nhưng trong thực tế lại gây thiệt hại cho chính những người mà người ta hứa giúp đỡ. Hóa ra vị thuốc còn tệ hơn căn bệnh. Khi nêu rõ bản tính của chủ thuyết xã hội thời ấy vốn chủ trương tước bỏ quyền tư hữu, Đức Lêô XIII đã đề cập đến trọng tâm của vấn đề.

Chúng ta chú ý đọc lại lời Đức Giáo hoàng: *“Để sửa chữa một điều xấu là việc phân phối các của cải một cách bất công, và sự khốn cùng của những người vô sản, những người chủ trương thuyết xã hội đã thúc đẩy người nghèo đến chỗ ghen tị với những người giàu có. Họ chủ trương dẹp bỏ quyền tư hữu, của cải đều là của chung mọi người… Thế nhưng một lý thuyết như vậy nếu được áp dụng, thay vì có thể chấm dứt sự xung đột, thì lại làm hại cho người thợ thuyền. Vả lại chủ trương này cũng hoàn toàn bất công, vì xâm phạm đến những sở hữu chủ hợp pháp, làm biến tính chức năng của nhà nước và đảo lộn tận gốc rễ toàn bộ cơ cấu xã hội”*[[39]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn39). Không thể nào vạch rõ hơn nữa những tai họa xảy ra do việc thiết lập loại chủ thuyết xã hội này như một hệ thống nhà nước, với tên gọi là *“chủ thuyết xã hội hiện thực”*.

*13. Sai lầm căn bản của chủ thuyết xã hội.*

Bây giờ chúng ta đào sâu suy tư và cũng quy chiếu với tất cả những gì đã được đề cập đến trong các thông điệp LE và SRS, ta phải thêm rằng sai lầm căn bản của *“chủ thuyết xã hội”* là ở quan niệm về con người. Thực vậy, chủ thuyết này coi cá nhân chỉ đơn giản là một yếu tố, một phần tử trong cấu trúc xã hội, đến nỗi điều thiện hảo của mỗi người hoàn toàn tùy thuộc vào hoạt động của bộ máy kinh tế và xã hội, trong khi mặt khác, chủ thuyết đó cho rằng chính thiện hảo cá nhân ấy cũng có thể có được mà không cần đến lựa chọn tự do của cá nhân, không cần quyết định duy nhất, tuyệt đối và có trách nhiệm trước điều thiện hay điều ác. Như thế, con người chỉ còn là một tổng hợp những tương quan xã hội, và lúc ấy không còn quan niệm con người như một chủ thể có quyền tự quyết về luân lý, nhờ đó con người xây dựng nên trật tự xã hội. Từ quan niệm sai lầm về con người như thế đã đi đến sự lầm lạc về luật xác định lãnh vực thực hiện tự do, cũng như phủ nhận quyền tư hữu. Thực vậy, con người bị tước mất những gì có thể gọi là *“của mình”*, mất khả năng mưu sinh nhờ sáng kiến của mình, đi đến chỗ lệ thuộc vào bộ máy xã hội và vào những người kiểm soát bộ máy đó, điều này khiến cho con người gặp rất nhiều khó khăn trong việc nhận thức phẩm giá của mình và cản trở việc tiến tới sự thiết lập một cộng đồng nhân loại đích thực.

Ngược lại, quan niệm của kitô giáo về con người tất yếu đưa đến cái nhìn đúng đắn về xã hội. Theo thông điệp RN và toàn bộ học thuyết của Giáo hội về xã hội, thì tính chất xã hội của con người không bị tiêu tan đi trong nhà nước nhưng được thể hiện trong những nhóm trung gian khác nhau, từ gia đình đến những nhóm kinh tế, xã hội, chính trị và văn hóa. Những nhóm này, phát xuất từ chính bản chất con người, vẫn có quyền tự quyết riêng – luôn luôn trong khuôn khổ lợi ích chung. Đó là điều chúng tôi gọi là tính *“ngôi vị”* của xã hội, tính cách này đã bị *“chủ nghĩa xã hội hiện thực”* xóa bỏ cùng với tính ngôi vị của cá nhân[[40]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn40).

Nếu sau đó, người ta hỏi từ đâu nảy sinh quan niệm sai lầm như thế về tính cách ngôi vị của con người và tính cách ngôi vị của xã hội, thì phải trả lời rằng nguyên nhân đầu tiên là thuyết vô thần. Chính qua việc đáp trả lời mời gọi của Thiên Chúa hàm ngụ trong các sự vật, mà con người ý thức được phẩm giá siêu việt của mình. Mỗi người phải đáp trả vì trong lời đáp trả ấy con người đạt tới đỉnh cao nhân tính của mình, và không một bộ máy xã hội hay một chủ thể cộng đồng nào có thể thay thế được. Việc phủ nhận Thiên Chúa cắt đứt con người khỏi gốc rễ của mình, và vì vậy khuyến khích việc tổ chức lại trật tự xã hội mà không đếm xỉa gì đến phẩm giá và trách nhiệm của ngôi vị.

Vả lại thuyết vô thần mà ta nói đến ở đây, có liên hệ mật thiết với chủ trương duy lý của nền triết học ánh sáng, chủ trương này quan niệm thực tại con người và xã hội một cách máy móc. Như vậy người ta phủ nhận trực giác chung cuộc về tầm mức vĩ đại thực sự của con người, phủ nhận siêu việt tính của con người trong tương quan với thế giới sự vật, phủ nhận sự mâu thuẫn con người cảm thấy trong tâm hồn giữa ước vọng sự thiện sung mãn và sự bất lực của mình để đạt được sự thiện đó, và nhất là phủ nhận sự cần thiết của ơn cứu độ phát xuất từ đó.

*14. Thuyết vô thần là nguồn gốc đấu tranh giai cấp.*

Cũng chính do nguồn gốc thuyết vô thần này đã phát sinh sự lựa chọn những phương thế riêng biệt của chủ nghĩa xã hội mà thông điệp RN đã lên án. Đó là cuộc đấu tranh giai cấp. Dĩ nhiên, Đức Giáo hoàng không chủ trương kết án mọi xung đột xã hội dưới bất cứ hình thức nào: Giáo hội hiểu rằng những xung đột về quyền lợi giữa những nhóm xã hội khác nhau vốn không thể tránh được trong lịch sử, và kitô hữu phải thường xuyên coi lập trường về vấn đề đó một cách dứt khoát và hợp lý. Vả lại, thông điệp LE đã công nhận vai trò tích cực của xung đột khi nó mang tính chất của một *cuộc “đấu tranh vì công bình xã hội”*[[41]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn41), và trong thông điệp Quadragesimo anno (năm thứ 40) chúng ta đọc thấy: *“Thật thế, sự đấu tranh giai cấp, khi gạt bỏ những hành vi bạo lực và thù ghét lẫn nhau, sẽ dần dần biến thành một cuộc tranh luận chính đáng, đặt nền tảng trên việc tìm kiếm công lý”*[[42]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn42).

Đúng hơn, điều bị kết án trong cuộc đấu tranh giai cấp đó là quan niệm về sự xung đột, mà không lưu ý đến đạo đức hay pháp lý, từ chối tôn trọng phẩm giá người khác (và vì thế không tôn trọng phẩm giá của chính mình); do đó loại trừ sự dung hòa hợp lý, không tìm điều thiện chung của xã hội, mà chỉ tìm kiếm lợi ích của đảng phái, và muốn triệt hạ những ai chống đối mình. Tóm tắt, đó là lập lại trong lãnh vực xung đột nội bộ giữa các nhóm xã hội – chủ trương *“chiến tranh toàn diện”* mà chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa đế quốc đã đề cao trong lãnh vực các mối tương giao quốc tế. Chủ thuyết này thay vì tìm kiếm sự quân bình chính đáng giữa lợi ích của các quốc gia khác nhau, thì lại tìm kiếm ưu thế tuyệt đối cho phe đảng của mình bằng cách tiêu diệt sức đề kháng của đối phương, dùng đủ mọi phương thế, kể cả dối trá khủng bố thường dân và những vũ khí hủy diệt (được chế tạo vào đúng những năm ấy). Vậy đấu tranh giai cấp theo thuyết Mác – xít và chủ nghĩa quân phiệt có chung một nguồn gốc: vô thần và chủ trương khinh miệt nhân vị, vốn đề cao nguyên tắc sức mạnh hơn lẽ phải và quyền lợi.

*15. Bổn phận của nhà nước*

Như đã nói, thông điệp RN chống lại việc quốc hữu hóa các phương tiện sản xuất vì làm cho mọi công dân chỉ còn là một bộ phận trong guồng máy nhà nước, thông điệp cũng dứt khoát phê phán quan niệm nhà nước chủ trương đặt lãnh vực kinh tế hoàn toàn ra ngoài phạm vi quan tâm và hoạt động của mình. Chắc chắn có một phạm vi hợp pháp để các hoạt động kinh tế co quyền tự trị, nhà nước không nên can dự vào đó. Tuy nhiên, nhà nước có bổn phận xác định khuôn khổ pháp luật giúp triển khai các tương giao kinh tế, và như thế bảo vệ được những điều kiện tiên quyết của nền kinh tế tự do, một nền kinh tế gia đình và sự bình đẳng giữa các thành phần, làm sao để thành phần này không vượt trổi hơn thành phần kia đến độ trong thực tế biến nó thành nô lệ[[43]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn43).

Về vấn đề này, thông điệp RN đề ra những cải tổ chính đáng, khả dĩ phục hồi giá trị cho lao động như một hoạt động tự do của con người. Những cải cách này giả thiết rằng xã hội và nhà nước lãnh trách nhiệm của mình đặc biệt là để bảo vệ người lao động thất nghiệp trong một lịch sử điều này được thực hiện theo hai được đồng quy: hoặc do những chính sách kinh tế nhằm bảo đảo một sự phát triển quân bình và hoàn cảnh có công ăn việc làm đầy đủ, hoặc bằng những bảo đảm chống lại nạn thất nghiệp và những chính sách thất nghiệp thích hợp, để các công nhân trong những ngành nghề đang bị khủng hoảng dễ dàng chuyển sang những hoạt động khác đang trên đà phát triển.

Ngoài ra, xã hội và nhà nước phải bảo đảm mức lương cân xứng để người lao động và gia đình họ có thể sống được, cũng như có thể dành dụm để tiết kiệm. điều này đòi hỏi phải nỗ lực bồi dưỡng cho công nhân nâng cao kiến thức và khả năng, giúp cho công việc của họ thêm chất lượng và tăng sản phẩm hơn nhưng cũng phải thường xuyên giám sát và có biện pháp thích hợp và pháp luật để ngăn chặn những hiện tượng bóc lột đáng xấu hổ, nhất là gây thiệt hại cho những người lao động thiếu thốn nhất, những người di cư hay những người sống bên lề xã hội. Trong lãnh vực này, vai trò của các nghiệp đoàn có tính cách quyết định, vì đoàn có nhiệm vụ thương thảo mức lương tối thiểu và những điều kiện lao động.

Sau cùng, phải tôn trọng thời khóa biểu sinh sống của *“con người”* trong việc lao động và nghỉ ngơi cũng như quyền bày tỏ nhân cách của họ trong những môi trường lao động mà không được xâm phạm đến lương tâm và phẩm giá của họ bất cứ cách nào. Cũng nên nhắc đến vai trò của các nghiệp đoàn, không chỉ là những phương thế để thương lượng, mà còn là những *“môi trường”* bày tỏ nhân cách: các nghiệp đoàn hữu ích cho việc phát triển một nền văn hóa đích thực về lao động, và giúp cho người lao động tham gia vào sinh hoạt của xí nghiệp một cách hoàn toàn nhân bản[[44]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn44).

Nhà nước phải góp phần vào việc thực thi những mục tiêu này các trực tiếp hoặc gián tiếp. Cách gián tiếp và theo nguyên tắc hỗ trợ, là tạo điều kiện thuận lợi cho tự do hoạt động kinh tế, nhờ đó có thể tạo ra nhiều công ăn việc làm và nguồn tài sản phong phú. Cách trực tiếp và theo nguyên tắc liên đới, để bảo vệ những người yếu kém nhất, là hạn chế phần nào quyền tự trị của các thành phần nắm quyền quyết định về những điều kiện làm việc, và trong mỗi trường hợp, bảo đảm cho người lao động thất nghiệp mức sống tối thiểu[[45]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn45).

Thông điệp và giáo huấn về xã hội sau thông điệp đã gây nhiều ảnh hưởng khác nhau và những năm cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Ảnh hưởng này là nguồn gốc cho nhiều cuộc canh tân trong lãnh vực dự phòng xã hội, nghỉ hưu, bảo hiểm, dự phòng tai nạn, tất cả đều nằm trong bối cảnh nhằm tôn trọng quyền của người lao động nhiều hơn nữa[[46]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn46).

*16. Hoạt động của phong trào công nhân.*

Các nhà nước đã thực hiện được một phần những cuộc cải tổ, nhưng trong cuộc đấu tranh để đạt được những cải tổ ấy, hoạt động của phong trào công nhân có một vai trò quan trọng. Phát sinh từ phản ứng của ý thức luân lý chống lại những tình trạng bất công và tác hại, phong trào ấy phát triển thành một hoạt động nghiệp đoàn và canh tân rộng rãi. Phong trào đó không phải là những ý thức hệ xa vời, nhưng thiết thực đối với những nhu cầu thường ngày của người lao động, và trong lãnh vực này nỗ lực của họ thường liên kết với nỗ lực của kitô hữu nhằm nâng cao điều kiện sống của những người lao động.

Về sau, trong một mức độ nào đó, phong trào nói trên rõ ràng đã bị ý thức hệ Mác – xít chi phối, thông điệp RN đã chống lại ý thức hệ này.

Chính những cuộc cải tổ này cũng là kết quả của một tiến trình tự do nhằm tự tổ chức xã hội, với việc điều chỉnh những phương thế tăng cường sự liên đới, thích hợp để nâng đỡ một sự tiến triển kinh tế tôn trọng những giá trị của con người nhiều hơn. Ở đây, cần nhắc lại những hoạt động đa dạng, với phần đóng góp đáng kể của các kitô hữu, từ đó đã đưa đến việc thành lập những hợp tác xã sản xuất, tiêu thụ và tín dụng, thúc đẩy việc giáo dục cho dân chúng và huấn nghệ, thử nghiệm những hình thức khác nhau để tham gia vào sinh hoạt của xí nghiệp, và nói chung của xã hội.

Như vậy, khi nhìn lại quá khứ, nếu như có những lý do để tạ ơn Thiên Chúa vì thông điệp quan trọng đã có âm hưởng mạnh mẽ nơi các tâm hồn, và đã thúc đẩy tới lòng quảng đại tích cực, thì cũng phải nhìn nhận rằng, lời tiên báo có tính ngôn sứ mà thông điệp phát biểu đã không được con người thời ấy đón nhận trọn vẹn, và do đó đã phát sinh nhiều tai họa rất lớn lao.

*17. Quan niệm về tự do.*

Khi nối kết thông điệp này với toàn bộ giáo huấn phong phú của Đức Giáo hoàng Lêô XIII[[47]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn47), người ta sẽ thấy, từ ăn bản, thông điệp vạch rõ những hậu quả do sự sai lầm có tầm mức rất lớn trên lãnh vực kinh tế và xã hội. Như đã nói, sai lầm đó hệ tại một quan niệm về tự do của con người muốn trốn tránh bổn phận tôn trọng quyền lợi của người khác. Khi ấy, ý nghĩa tự do được hiểu là lòng yêu chính mình, đi đến việc khinh thường Thiên Chúa và tha nhân, đó là một thứ tình yêu hướng đến sự khẳng định lợi ích riêng tư vô giới hạn, và không để mình bị chi phối bởi bất cứ nghĩa vụ nào về công lý.[[48]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn48)

Những hệ quả ghê gớm của sai lầm này hiện rõ trong chu kỳ bi đát của những cuộc chiến tranh làm rung chuyển cả Châu âu và cả thế giới từ 1914-1945. Đó là những cuộc chiến do chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa quốc gia quá khích, và do những hình thức của chế độ cực quyền có liên cất với những chủ nghĩa trên gây nên, đó là những cuộc chiến phát sinh từ cuộc đấu tranh giai cấp, những cuộc nội chiến và chiến tranh ý thức hệ. Không có tác động ghê gớm của lòng ghen ghét và thù hận, tích tụ do biết bao bất công trên bình diện quốc tế, lẫn bên trong các quốc gia, thì đã không xảy ra những cuộc chiến khốc liệt như thế, trong đó các cường quốc tham gia với tất cả sức mạnh, trong đó người ta không ngần ngại xâm phạm đến các quyền thiêng liêng nhất của con người, và trong đó người ta thảo kế hoạch và thực hiện việc tận diệt nhiều dân tộc và toàn bộ những nhóm xã hội. Ở đây chúng ta đặc biệt nhớ đến Dân tộc Do thái mà số phận kinh hoàng của họ đã trở thành một biểu tượng của sự điên rồ mà con người có thể sa vào khi họ chống lại Thiên Chúa.

Tuy nhiên, thù hận và bất công chỉ bao trùm toàn thể các quốc gia, và chỉ thúc đẩy họ hành động một khi chúng được hợp thức hóa và được tổ chức do các ý thức hệ đặt nền tảng trên chúng hơn là trên sự thật về con người[[49]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn49). Thông điệp RN chống lại các ý thức hệ chủ trương thù hận, và đã trình bày các cách thức dùng công lý để chấm dứt bạo lực và oán giận. Ước mong ký ức về những biến cố khủng khiếp ấy hướng dẫn hoạt động của tất cả mọi người, nhất là của các vị lãnh đạo các dân tộc ở thời đại chúng ta, trong lúc những bất công khác đang nuôi dưỡng những mối thù hận mới, và ở chân trời đang xuất hiện những ý thức hệ mới đề cao bạo lực.

*18. Nguồn gốc của chiến tranh*

Chắc chắn từ 1945, trên lục địa Châu đã im tiếng súng, tuy nhiên chúng ta cần nhớ lại rằng hòa bình thực sự không bao giờ là kết quả của chiến thắng quân sự, nhưng giả thiết phải loại bỏ những nguyên nhân gây ra chiến tranh và đòi hỏi sự hòa giải đích thực giữa các dân tộc. Ngược lại trong suốt nhiều nhiều năm qua, ở Châu Âu cũng như nhiều nơi trên thế giới, có tình trạng không chiến tranh, chứ không phải là hòa bình thực sự. Một nửa lục địa này rơi vào quyền lực của chế độ độc tài cộng sản, trong khi phần còn lại tự tổ chức để bảo vệ chống lại loại nguy hiểm đó. Nhiều dân tộc mất quyền định đoạt về chính mình, bị kiềm tỏa trong những giới hạn của một đế quốc áp bức cố gắng hủy diệt ký ức lịch sử và những nền văn hóa dân tộc có nguồn gốc lâu đời. Tiếp theo sự chia cắt bạo tàn ấy, những đoàn người đông đảo bị cưỡng bách rời bỏ mảnh đất của mình và bị đi lưu đày.

Cuộc chạy đua vũ trang điên cuồng đã ngốn hết những tài nguyên cần thiết cho sự phát triển các nền kinh tế trong nước và cho việc giúp đỡ các quốc gia cùng khổ nhất. Tiến bộ khoa học và kỹ thuật đáng lẽ phải góp phần vào việc làm cho con người sống hạnh phúc hơn, lại biến thành công cụ chiến tranh. Khoa học và kỹ thuật được sử dụng để sản xuất những vụ khí luôn hoàn hảo hơn và có khả năng hủy diệt nhiều hơn, trong khi đó, người ta nại đến một ý thức hệ vốn là một nền triết học đích thực đã bị xuyên tạc, nhằm cung cấp những biện chứng có tính giáo điều cho một cuộc chiến tranh mới. Chiến tranh không chỉ được chờ đợi và chuẩn bị, mà thực sự đang xảy ra tại những miền khác nhau trên thế giới và gây ra những cuộc đổ máu lớn lao. Các văn kiện của Giáo hội và mới đây thông điệp SRS[[50]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn50) đã tố giác chủ trương phân chia thành các khối hay đế quốc đối nghịch. Chủ trương đó đã phóng đại và khai thác cách có hệ thống những cuộc tranh chấp và những mối bất hòa tại các nước thuộc thế giới thứ ba để gây khó khăn cho đối phương.

Những nhóm cực đoan, là những người tìm cách giải quyết những xung đột trên bằng vũ khí, lợi dụng chỗ dựa về chính trị và quân sự, nên được trang bị vũ khí và huấn luyện về chiến tranh, trong khi những người nỗ lực tìm kiếm những giải pháp hòa bình và nhân bản bằng cách tôn trọng lợi ích hợp pháp của tất cả mọi phe nhóm, lại bị cô lập và trở thành nạn nhân của các phe nhóm đối nghịch. Nền hòa bình bấp bênh sau thế chiến II là một trong những lý do chính của việc quân sự hóa nhiều quốc gia thuộc thế giới thứ ba và những cuộc chiến huynh đệ tương tàn tại những quốc gia đó, sự lan tràn phong trào khủng bố và những hành động ngày càng man rợ hơn của cuộc chiến tranh quân sự, chính trị. Sau cùng, một cuộc chiến tranh nguyên tử đang đe dọa toàn thể thế giới có thể dẫn đến việc hủy diệt nhân loại. Khoa học, khi được sử dụng vào những mục tiêu quân sự, khoa học đã trao vũ khí tuyệt đối cho sự thù hận vốn được khuếch đại bởi các ý thức hệ. Thế nhưng, chiến tranh có thể được kết thúc trong một cuộc tự sát của nhân loại mà không có kẻ thắng người bại, và như thế, phải loại bỏ lối lý luận đưa đến sự tự sát trên, tức là ý tưởng cho rằng đấu tranh tiêu diệt đối phương, sự mâu thuẫn và cả chiến tranh nữa là những yếu tố làm nên sự tiến bộ và đưa lịch sử tiến lên phía trước[[51]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn51). Nếu người ta chấp nhận sự loại bỏ đó là cần thiết, thì sự lý luận về *“cuộc chiến tranh toàn diện”* cũng như về *“sự đấu tranh giai cấp”* cần thiết phải được xét lại.

*19. Hậu quả của chiến tranh*

Nhưng vào cuối thế chiến II, một tiến trình như thế vẫn đang thành hình trong tâm trí con người, và sự kiện đáng chú ý là sự bành trướng của chế độ chuyên chế cộng sản trên hơn một nửa Châu Âu và một phần thế giới. Chiến tranh, lẽ ra phải tái lập tự do và khôi phục quyền lợi của các dân tộc, thì lại kết thúc mà không đạt được những mục tiêu ấy, nhưng ngược lại hiển nhiên phản lại các mục tiêu ấy đối với nhiều dân tộc, nhất là những dân tộc đã phải chịu đựng nhiều nhất trong chiến tranh. Có thể nói rằng, tình trạng như vậy đã gợi lên những phản ứng khác nhau.

Trong nột số quốc gia và theo một vài quan điểm, người ta tham gia vào một nỗ lực tích cực nhằm tái thiết, sau những hủy diệt của chiến tranh, một xã hội dân chủ được gợi hứng bởi công bình xã hội, làm cho chủ nghĩa cộng sản mất đi tiềm lực cách mạng phát xuất từ đám người bị bóc lột và áp bức. Cách chung những cố gắng này tìm cách duy trì những bộ máy của thị trường tự do bằng cách bảo đảm những điều kiện của một sự tiến triển kinh tế vững chắc và lành mạnh, nhờ sự ổn định tiền tệ và an toàn trong những tương quan xã hội, nhờ đó con người có thể dùng lao động mà kiến tạo một tương lai tốt đẹp cho chính mình và cho con cái. Đồng thời, người ta tìm cách để những cơ cấu thị trường không còn là điểm quy chiếu duy nhất của đời sống xã hội, và người ta muốn bắt những bộ máy ấy phải phục tùng sự kiểm soát công khai được gợi hứng từ nguyên tắc của cải trần thế được dành cho mọi người. Công ăn việc làm dồi dào, hệ thống an ninh xã hội vững chắc, huấn nghệ, tự do lập hội và hoạt động mạnh mẽ của các nghiệp đoàn, sự bảo trợ xã hội trong trường hợp thất nghiệp, những phương tiện tham gia dân chủ vào đời sống xã hội, tất cả những điều ấy, trong bối cảnh như thế làm cho lao động tránh khỏi hoàn cảnh trở thành một *“hàng hóa”* và bảo đảm khả năng hoàn thành lao động cách xứng đáng.

Thứ đến, còn những thế lực xã hội khác và những trường phái tư tưởng khác chống lại thuyết Mác – xít bằng việc thiết lập những hệ thống *“an ninh quốc gia”*, những hệ thống này kiểm soát chặt chẽ toàn thể xã hội, để ngăn cản sự xâm nhập của chủ thuyết Mác – xít. Bằng cách đề cao và gia tăng quyền lực của nhà nước, những chế độ đó cố gắng bảo vệ dân tộc mình khỏi chủ nghĩa cộng sản, nhưng, khi thực hiện việc đó, họ gặp phải nguy cơ trầm trọng là tiêu hủy tự do và những giá trị của con người qua danh nghĩa chống cộng.

Sau cùng, một hình thức đáp ứng thực tiễn khác được đại diện bởi xã hội sung túc, hay xã hội tiêu thụ. Hình thức này cố gắng vượt chủ thuyết Mác–xít trên lãnh vực hoàn toàn duy vật, chứng tỏ rằng một xã hội thuộc thị trường tự do có thể làm thỏa mãn những nhu cầu vật chất cách hoàn hảo hơn là chủ nghĩa cộng sản đã đảm bảo, nhưng đồng thời lại loại bỏ những giá trị thiêng liêng. Trong thực tế, một phần, nếu thực sự, kiểu mẫu xã hội này cho thấy thuyết Mác-xít không có khả năng kiến tạo một xã hội mới và tốt đẹp hơn, phần khác, khi chối từ đạo đức, quyền lợi, văn hóa và tôn giáo có thực tại và giá trị riêng của mình, kiểu mẫu xã hội này cũng giống thuyết Mác-xít khi hoàn toàn giản lược con người vào lãnh vực kinh tế và sự thỏa mãn những nhu cầu vật chất.

*20. Chấm dứt chế độ thuộc địa.*

Cũng trong thời gian này diễn ra một tiến trình gây xúc động là *“việc chấm dứt chế độ thuộc địa”*, nhờ đó nhiều quốc gia đạt được hay tái lập nền độc lập và chủ quyền tự quyết về chính mình. Tuy nhiên, với việc chính thức chinh phục lại uy quyền tối thượng của quốc gia, những quốc gia này thường mới chỉ ở khởi điểm của con đường xây dựng một nền độc lập thực sự. Thật vậy, những lãnh vực kinh tế có tính quyết định vẫn còn nằm trong tay những xí nghiệp lớn của ngoại quốc, những xí nghiệp này không chấp nhận liên kết bền vững với việc phát triển của quốc gia đã tiếp đón họ, và chính sinh hoạt chính trị vẫn còn bị các thế lực ngoại bang kiểm soát, đang khi đó bên trong biên giới quốc gia, vẫn còn có những nhóm chủng tộc chưa hội nhập hoàn toàn vào một cộng đồng quốc gia đích thực. Ngoài ra, còn thiếu một tập thể những công chức tài năng, có khả năng quản trị guồng máy quốc gia cách đúng đắn và công bằng, đồng thời cũng thiếu cán bộ quản lý kinh tế hữu hiệu và có trách nhiệm.

Trong hoàn cảnh đó, nhiều người nghĩ rằng thuyết Mác–xít có thể cống hiến một con đường tắt để xây dựng dân tộc và quốc gia, và do đó đã thấy xuất hiện những mẫu xã hội chủ nghĩa có đặc tính quốc gia riêng biệt. Những mẫu này hòa lẫn với nhiều ý thức hệ được hình thành cách khác nhau tùy trường hợp: những đòi hỏi chính đáng của việc bảo vệ quốc gia, những hình thức của chủ nghĩa quốc gia, và cả của chế độ quân phiệt, những nguyên tắc rút ra từ những nền văn hóa dân gian cổ truyền, đôi khi phù hợp với học thuyết xã hội của kitô giáo, và những quan điểm của thuyết Mác–xít Lê–nin–nít.

*21. Tổ chức Liên Hiệp quốc.*

Cuối cùng cần phải nhắc lại là sau thế chiến thứ II, và cũng để phản ứng chống lại những điều khủng khiếp của nó, đã phổ biến một tâm thức mạnh hơn về quyền con người, tâm thức này đã được nhìn nhận trong nhiều văn kiện quốc tế khác nhau[[52]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn52) và có thể nói, trong việc kiến tạo một luật pháp quốc tế về quyền con người. Nòng cốt của sự phát triển đó là tổ chức Liên Hiệp Quốc. Không chỉ có ý thức về quyền của cá nhân được phát triển, mà cả ý thức về quyền của các quốc gia, trong khi đó người ta thấy rõ hơn cần phải hành động để đem lại phương thức giải quyết những bất quân bình trầm trọng giữa những vùng địa dư khác nhau trên thế giới, mà theo một nghĩa, những bất quân bình này đã chuyển trọng tâm vấn đề xã hội từ bối cảnh quốc gia sang bình diện quốc tế[[53]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn53).

Trong lúc hài lòng về sự phát triển này, người ta cũng không thể bỏ quên sự kiện là bản tổng kết toàn bộ những chính sách viện trợ khác nhau cho việc phát triển không luôn luôn có tính cách tích cực. Ngoài ra, tại Liên Hiệp Quốc cho đến nay, người ta vẫn chưa thành công trong việc tạo ra những cách thức hữu hiệu, ngoài chiến tranh, để giải quyết những xung đột quốc tế, và có lẽ đây là vấn đề cấp bách nhất mà cộng đồng quốc tế vần phải giải quyết.

**Chương III: Năm 1989**

*22. Vai trò của Giáo hội*

Căn cứ vào tình hình thế giới như chúng tôi vừa mô tả và đã được trình bày cặn kẽ trong thông điệp SRS, chúng ta mới hiểu được tầm quan trọng bất ngờ và đầy hứa hẹn của các biến cố xảy ra trong những năm gần đây. Mặc dù các biến cố đó rõ rệt đạt tới cao điểm vào năm 1989 tại các quốc gia ở Trung và Đông âu, nhưng chúng còn bao trùm cả một thời gian và không gian rộng hơn. Vào những năm 80, tại nhiều quốc gia ở Châu Mỹ La tinh cũng như Châu Phi và Châu âu người ta chứng kiến những chế độ độc tài và áp bức lần lượt sụp đổ. Những trường hợp khác lại là mở đầu cho một chuyển biến, tuy khó khăn nhưng hiệu quả, hướng tới các chính thể đề cao sự cộng tác và công lý nhiều hơn. Giáo hội đã góp phần quan trọng, thậm chí có tính quyết định qua thái độ cổ võ bảo vệ việc thăng tiến nhân quyền tại những môi trường chịu ảnh hưởng sâu đậm của một hệ tư tưởng, trong đó những lập trường triệt để làm lu mờ ý thức chung về phẩm giá con người, thì Giáo hội khẳng định rõ ràng và mạnh mẽ rằng, mỗi người dù xác tín cá nhân thế nào đi nữa, vẫn mang nơi mình hình ảnh Thiên Chúa, và như vậy họ đáng được tôn trọng. Đại đa số dân chúng thường chấp nhận khẳng định này, và điều đó đưa đến việc tìm kiếm những hình thức đấu tranh và những giải pháp chính trị tôn trọng phẩm giá con người hơn.

Từ tiến trình lịch sử đó phát sinh những hình thức dân chủ mới đem lại hy vọng một sự thay đổi trong những cơ cấu chính trị và xã hội bấp bênh, đang gánh chịu hàng loạt những đau khổ do vô số bất công và hận thù, thêm vào đó là một nền kinh tế thảm hại và những xung đột xã hội gay gắt. Cùng toàn thể Giáo Hội, chúng tôi cảm tạ Thiên Chúa vì những chứng tá đôi khi rất anh dũng của nhiều mục tử, nhiều cộng đoàn kitô giáo cũng như nhiều tín hữu, và nhiều người thiện chí khác đã nêu lên trong những hoàn cảnh khó khăn đó; tôi nguyện xin Chúa nâng đỡ những nỗ lực của mọi người nhằm xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn. Thực tế, đó là trách nhiệm không những của các công dân trong các quốc gia nói trên, mà còn là của tất cả mọi kitô hữu và những người thiện chí. Điều đó chứng tỏ rằng những vấn đề phức tạp nơi các dân tộc đó có thể giải quyết được thông qua đối thoại và liên đới, mà không cần đến tranh đấu để triệt tiêu đối phương, cũng chẳng cần đến chiến tranh.

*23. Sự sụp đổ của các chế độ áp bức.*

Trong số các nhân tố làm cho các chế độ áp bức bị sụp đổ có những nhân tố đáng được nhắc đến đặc biệt. Chắc chắn, nhân tố có tính cách quyết định đưa đến những thay đổi, đó là sự vi phạm quyền lao động. Không nên quên rằng cuộc khủng hoảng cơ bản của các hệ thống chính trị tự coi mình là đại diện cho giới thợ thuyền để nắm quyền cai trị, kể cả nền chuyên chính của giới công nhân, bắt đầu từ những phong trào lớn ở Balan dưới danh nghĩa đoàn kết. Chính quần chúng công nhân là những người đã khai trừ tính hợp pháp của hệ tư tưởng cho là mình phát biểu nhân danh họ, và từ kinh nghiệm sống động và cực khổ trong lao động và áp bức, chính họ là những người tìm lại được hầu như tái khám phá những phát biểu và những nguyên tắc trong học thuyết xã hội của Giáo hội.

Một sự kiện khác cần nhấn mạnh, đó là hầu như khắp nơi người ta có thể làm cho một *“khối”* hay một đế quốc đi đến chỗ sụp đổ bằng những cuộc đấu tranh ôn hòa chỉ dùng sự thật và công lý làm khí giới. Trong khi thuyết Mác–xít cho rằng chỉ cần đẩy những mâu thuẫn xã hội lên đến cực điểm là có thể giải quyết được những mâu thuẫn ấy bằng một cuộc đối đầu quyết liệt thì những cuộc đấu tranh đưa thuyết Mác–xít đến chỗ sụp đổ, đều kiên trì sử dụng tất cả những đường lối thương lượng, đối thoại và làm chứng cho sự thật, kêu gọi lương tri của đối phương, và tìm cách thức tỉnh nơi họ ý thức chung về phẩm giá con người.

Cứ theo bề ngoài thì chỉ có một cuộc chiến tranh khác mới có thể đảo lộn trật tự ở Âu Châu có từ thế chiến thứ hai, và đã được hiệp ước Ya-va phê chuẩn. Thế nhưng, điều đó đã không cần nữa, nhờ hoạt động bất bạo động của những người, dù không bao giờ chịu khuất phục bạo lực, nhưng vẫn biết tìm ra trong mọi trường hợp đường lối hiệu nghiệm minh chứng cho sự thật. Điều đó đã vô hiệu hóa đối phương, vì bạo lực bao giờ cũng dùng dối trá để biện minh cho mình, và làm bộ, kể cả giả dối, là bảo vệ quyền lợi hay đối phó với mọi đe dọa của người khác[[54]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn54). Một lần nữa chúng tôi tạ ơn Thiên Chúa đã nâng đỡ tâm hồn con người giữa những thử thách khó khăn, và cũng nguyện xin cho gương mẫu đó được phổ biến ở những miền khác và trong những hoàn cảnh khác. Ước mong con người học biết đấu tranh cho công lý mà không cần đến bạo động, bằng cách từ khước đấu tranh giai cấp trong những xung đột nội bộ, và từ khước chiến tranh trong những xung đột quốc tế.

*24. Những nguyên nhân của sự sụp đổ này.*

Nhân tố thứ hai gây ra khủng hoảng chắc chắn là do hệ thống kinh tế thiếu hiệu năng, và không nên coi đây chỉ là vấn đề kỹ thuật, mà đúng hơn, là hệ quả của sự vi phạm nhân quyền: quyền có sáng kiến, quyền tư hữu và quyền tự do trong lãnh vực kinh tế. Thêm vào đó là chiều kích văn hóa và quốc gia: không thể hiểu biết con người, nếu chỉ dựa trên lãnh vực kinh tế, cũng như không thể xác định con người là gì nếu chỉ căn cứ vào việc họ thuộc về một giai cấp nào đó. Ta hiểu biết con người một cách hoàn hảo hơn, nếu đặt con người vào trong bối cảnh văn hóa của họ, bằng cách lưu ý đến ngôn ngữ, lịch sử của họ, quan điểm của họ trước các biến cố nền tảng của đời sống, chẳng hạn như việc chào đời, tình yêu, lao động, sự chết. Trọng tâm của mọi nền văn hóa là thái độ của con người khi đối diện với mầu nhiệm vô cùng lớn lao: mầu nhiệm Thiên Chúa. Tự căn bản, những nền văn hóa khác nhau của các dân tộc là những cách thức khác nhau để giải quyết vấn đề ý nghĩa cuộc nhân sinh. Nếu loại bỏ vấn đề này, thì nền văn hóa và đời sống luân lý của các quốc gia sẽ bị băng hoại. Vì thế, cuộc đấu tranh bảo vệ lao động tự nó liên kết với cuộc đấu tranh cho nền văn hóa và quyền lợi quốc gia.

Tuy nhiên nguyên nhân đích thực của những điều mới mẻ đó là sự trống rỗng tâm linh do chủ thuyết vô thần gây ra, chủ thuyết này bỏ mặc những thế hệ trẻ trong tình trạng vô phương hướng, và thường đưa họ – trong khi tất yếu phải tìm kiếm căn tính và ý nghĩa cuộc đời của mình – đến chỗ tái khám phá cội rễ tôn giáo trong nền văn hóa quốc gia của họ, thậm chí nhận ra được chính con người Đức Kitô, như một câu trả lời đáp ứng một cách hiện thực lòng khao khát chân lý và sự sống vốn có nơi thâm tâm con người. Sự tìm kiếm đó được khích lệ nhờ chứng tá của những người – dù trong hoàn cảnh khó khăn và bị ngược đãi – vẫn giữ lòng trung thành với Thiên Chúa. Thuyết Mác–xít quyết tâm tiêu diệt khát vọng về Thiên Chúa nơi con người, nhưng kết quả cho thấy không thể làm như thế mà không làm cho tâm hồn con người xáo trộn.

*25. Cuộc giao tranh giữa thiện và ác.*

Các biến cố xảy ra trong năm 1989 là một thí dụ nói lên thành công của chủ trương dùng đường lối thương thuyết và tinh thần Tin Mừng trước một đối phương nhất định bất chấp các nguyên tắc luân lý. Các biến cố đó là một lời cảnh tỉnh cho những ai nhân danh chủ nghĩa hiện thực chính trị, muốn loại trừ luật pháp và luân lý ra khỏi lãnh vực chính trị. Chắc chắn cuộc tranh đấu dẫn đến các đổi thay trong năm 1989 đòi phải có sự sáng suốt, ôn hòa đau khổ và hy sinh; theo một nghĩa nào đó, cuộc tranh đấu ấy phát sinh từ cầu nguyện, và có lẽ không thể nghĩ tới nếu không có niềm tín thác vô biên vào Thiên Chúa, Chúa tể của lịch sử, Đấng làm chủ cõi lòng con người. Chính vì biết liên kết những đau khổ của riêng mình trong việc tìm kiếm chân lý và tự do, với đau khổ của Đức Kitô trên thập giá mà con người có thể thực hiện được phép lạ hòa bình, và có khả năng khám phá ra con đường, thường là chật hẹp, giữa một bên là sự hèn nhát muốn đầu hàng sự dữ, và một bên là bạo lực tưởng là chiến đấu chống lại sự dữ, nhưng kỳ thực chỉ làm cho sự dữ thêm trầm trọng.

Tuy nhiên, không thể không biết đến vô số hoàn cảnh chi phối cá nhân trong việc sử dụng tự do để hành động; chắc chắn những hoàn cảnh ấy tác động đến tự do, nhưng không định đoạt tự do. Chúng gây khó dễ cho việc sử dụng tự do, nhưng không thể hủy diệt tự do. Theo quan điểm đạo đức, không những người ta không được coi thường bản chất con người vốn được tạo dựng nên để hưởng tự do, mà trên thực tế, cũng không thể làm như vậy được. Ở đâu xã hội được tổ chức theo kiểu tùy tiện hạn chế hoặc thậm chí tước bỏ bầu khí thể hiện tự do một cách hợp pháp, thì kết quả là đời sống xã hội dần dần tan rã và đi đến chỗ suy xụp.

Hơn nữa, tuy được sáng tạo để hưởng tự do, nhưng con người lại mang nơi bản thân mình thương tích của tội nguyên tổ luôn luôn lôi kéo con người hướng về điều ác, vì thế con người cần đến ơn cứu độ. Giáo lý này không những là một thành phần toàn vẹn trong mạc khải kitô giáo, mà còn có giá trị quan trọng để khám phá chân lý, vì giúp ta hiểu được thực tại con người. Con người hướng về điều thiện, nhưng cũng có thể làm điều ác. Con người có thể vượt lên trên lợi lộc trước mắt, mà vẫn gắn bó với nó. Trật tự xã hội càng được ổn định, khi càng lưu ý đến sự kiện này, và không đặt quyền lợi cá nhân đối nghịch với quyền lợi xã hội xét như đoàn thể, nhưng đúng hơn tìm cách hòa hợp với quyền lợi xã hội một cách hiệu quả. Thật vậy, nơi đâu quyền lợi cá nhân bị xã hội tước đoạt, thì thay vào đó là một chế độ hà khắc nắm quyền kiểm soát một cách quan liêu, làm cạn kiệt nguồn sáng kiến và sáng tạo. Khi người ta nghĩ rằng mình nắm được bí quyết tổ chức một xã hội hoàn hảo không còn điều ác thì họ cũng tưởng là có thể sử dụng mọi phương tiện, kể cả bạo lực và lừa dối, để thực hiện tổ chức đó. Khi ấy chính trị trở thành một thứ *“tôn giáo thế tục”*, có tham vọng xây dựng thiên đàng ngay ở trần gian này. Nhưng không có một xã hội chính trị nào có quyền tự quyết và pháp luật của mình[[55]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn55), lại có thể lẫn lộn với Vương Quốc của Thiên Chúa. Trong Tin mừng, dụ ngôn hạt giống tốt và cỏ lùng (xc Mt 13,24-30.36-43) dạy rằng chỉ có Thiên Chúa mới có quyền tách biệt những thần dân của Nước Trời khỏi những tôi tớ của ác thần, và điều phân xử ấy sẽ xảy ra vào ngày thế mạt. Ngay lúc này, nếu tự cho mình là người có quyền phán xét ấy, thì con người đã tiếm quyền Thiên Chúa và chống lại sự kiên nhẫn của Người.

Nhờ hy lễ của Đức Kitô trên thập giá, chiến thắng của Nước Thiên Chúa đã thành tựu một lần và có giá trị mãi mãi. Tuy nhiên, người kitô hữu vẫn phải chiến đấu chống lại cám dỗ và sức mạnh của sự dữ. Chỉ khi nào lịch sử kết thúc Chúa mới trở lại trong vinh quang để phán xét lần cuối cùng (x. Mt 25,31), và thiết lập trời mới đất mới (x. 2Pr 3,13; Kh 21,1). Nhưng bao lâu còn thời gian, cuộc chiến giữa thiện và ác vẫn còn tiếp diễn ngay trong tâm hồn con người.

Những gì Kinh thánh dạy cho ta biết về thiên chức của nước Thiên Chúa không phải là không có hệ quả đối với đời sống các xã hội trần thế, những xã hội này – như tên gọi – thuộc về những thực tại trong thời gian, và vì thế, bất toàn và tạm thời. Nước Thiên Chúa hiện diện trong thế gian và không thuộc về thế gian, nước ấy soi sáng trật tự con người, trong khi sức mạnh ân sủng thấm nhập và làm cho trật tự đó sống động. Như thế, một khi hiểu rõ những đòi hỏi của một xã hội xứng đáng với con người, thì sửa chữa được những sai lầm, tăng cường lòng can đảm hành động vì điều thiện. Cùng với các người thiện chí, các kitô hữu, nhất là giáo dân, được kêu gọi thi hành trách vụ làm cho tin mừng sinh động nơi thực tại của con người.[[56]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn56)

*26. Giáo hội và phong trào thợ thuyền.*

Các biến cố trong năm 1989 chủ yếu xảy ra ở các nước Đông và Trung Âu. Tuy nhiên, các biến cố đó cũng có tầm mức hoàn cầu vì đem lại những hệ quả tích cực lẫn tiêu cực liên quan đến toàn thể gia đình nhân loại. Những hệ quả này không có tính cách máy móc hay tất định, nhưng đúng hơn là những cơ hội để từ đó nhân loại cộng tác với ý định thương xót của Thiên Chúa, Đấng hành động trong lịch sử.

Tại một số quốc gia, hệ quả đầu tiên là sự gặp gỡ giữa Giáo hội và phong trào thợ thuyền phát sinh từ phản ứng trong lãnh vực luân lý và rõ rệt có tính cách kitô giáo, chống lại tình trạng bất công lan tràn. Khoảng một thế kỷ nay, phong trào này phần nào đã rơi vào quyền thống trị của thuyết Mác–xít, họ xác tín rằng để đấu tranh chống áp bức một cách hữu hiệu, giai cấp vô sản phải chấp nhận những lý thuyết duy vật và duy kinh tế của chủ thuyết ấy.

Trong cuộc khủng hoảng của thuyết Mác–xít, lại nói lên tiếng nói tự nhiên của lương tâm thợ thuyền đòi hỏi công lý và nhìn nhận phẩm giá của lao động phù hợp với học thuyết xã hội của Giáo hội.[[57]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn57) Phong trào thợ thuyền trở thành một phong trào rộng lớn hơn của những người lao động và những người thiện chí, nhằm giải phóng con người và khẳng định quyền con người; ngày nay phong trào ấy lan tràn tại nhiều quốc gia và thay vì chống lại Giáo hội công giáo, lại quan tâm nhìn về Giáo hội.

Cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa Mác–xít không loại trừ khỏi thế giới những tình trạng bất công và áp bức mà chính chủ thuyết này đã khai thác và lợi dụng. Hiện nay, với những người tìm kiếm một lý thuyết và một thực hành giải phóng mới mẻ và đích thực, không những Giáo hội cung cấp cho họ giáo thuyết xã hội, và một cách tổng quát giáo huấn của Giáo hội về con người được Đức Kitô cứu chuộc, mà còn dấn thân và đóng góp cụ thể vào cuộc chiến đấu chống lại sự kỳ thị và đau khổ.

Trong quá khứ gần đây, khát vọng chân thành muốn đứng về phía những kẻ bị áp bức, và không muốn bị cắt rời khỏi dòng lịch sử, đã khiến nhiều tín hữu dùng những cách thức khác nhau để tìm kiếm một thỏa hiệp ảo tưởng giữa chủ nghĩa Mác–xít và Kitô giáo. Giai đoạn hiện tại đã vượt thắng tất cả những gì là lỗi thời trong những cố gắng này đồng thời khuyến khích tái khẳng định giá trị tích cực của một nền thần học đích thực nhằm giải phóng toàn diện con người.[[58]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn58) Xét dưới góc độ này, các biến cố 1989 tỏ ra cũng quan trọng đối với các nước thế giới thứ ba, là những nước đang tìm kiếm con đường phát triển riêng, cũng như đối với các quốc gia Trung và Đông Âu.

*27. Sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các dân tộc.*

Hệ quả thứ hai có liên quan đến chính các dân tộc Châu Âu. Người ta đã vi phạm nhiều bất công ở cấp độ cá nhân, xã hội, khu vực quốc gia, trong và cả trước những năm chủ nghĩa cộng sản thống trị; người ta đã tích lũy biết bao sự thù nghịch và căm hờn. Sau khi chế độ độc tài sụp đổ, những điều ấy có nguy cơ bùng nổ mạnh kèm theo bạo lực gây nên những xung đột trầm trọng và những tang tóc, nếu thiếu nỗ lực đạo đức và lòng dũng cảm để làm chứng cho chân lý một cách có ý thức, những đức tính đã nuôi dưỡng những cố gắng trong quá khứ. Ước chi sự thù nghịch và bạo lực không còn thống trị trong các tâm hồn, nhất là nơi những người đấu tranh cho công lý, và ước chi mọi dân tộc sẽ lớn lên trong tinh thần hòa bình và tha thứ.

Nhưng phải biện pháp cụ thể để kiến tạo hoặc để củng cố những cơ cấu quốc tế có khả năng can thiệp, bằng cách phân xử thích đáng những xung đột giữa các quốc gia, sao cho mỗi quốc gia có thể giữ gìn quyền lợi riêng của mình và tiến tới một hiệp định công bằng cũng như một sự dàn xếp hòa bình đối với quyền lợi của các quốc gia khác. Điều này đặc biệt cần thiết cho các quốc gia Châu Âu, vốn hiệp nhất một cách mật thiết trong mối dây liên hệ văn hóa chung và một lịch sử đã có hàng nghìn năm. Cần phải có một cố gắng lớn lao để tái thiết về luân lý và kinh tế cho những quốc gia đã từ bỏ chủ nghĩa cộng sản. Trong một thời gian dài, những tương quan kinh tế rất cơ bản đã bị bóp méo và cả những đức tính nền tảng trong đời sống kinh tế, như lương thiện, tín nhiệm thích đáng hăng say làm việc đều bị coi thường. Cần phải kiên trì tái thiết vật chất và luân lý, đương lúc các dân tộc đã kiệt quệ vì bị bóc lột lâu dài đang đòi hỏi nơi chính quyền những kết quả trông thấy và tức khắc cho họ được thoải mái sung túc, cũng như thỏa mãn những khát vọng hợp pháp của họ.

Thất bại của chủ nghĩa xã hội tự nhiên tác động lớn lao trong những gì liên quan đến việc phân chia hành tinh thành những thế giới đóng kín đối nghịch nhau trong sự cạnh tranh hiềm khích. Điều đó càng làm nổi bật thực tại phụ thuộc lẫn nhau giữa các dân tộc, cũng như sự kiện lao động của con người tự bản chất là để hợp nhất, chứ không phải là để phân rẽ các dân tộc. Thực vậy, hòa bình và thịnh vượng là những thiện hảo thuộc về toàn thể nhân loại, đến nỗi không thể hưởng những cái đó một cách chính đáng và lâu dài nếu người ta dành được, và duy trì bằng cách gây thiệt hại cho các dân tộc hay các quốc gia khác, bằng cách xâm phạm đến quyền lợi của họ, hoặc bằng cách loại trừ họ khỏi những nguồn phúc lợi.

*28. Sự giúp đỡ đối với Đông Âu và thế giới thứ ba.*

Đối với một số quốc gia Châu Âu, thì, theo một nghĩa nào đó, đúng là bắt đầu một thời kỳ hậu chiến. Việc sắp đặt lại từ căn bản những hệ thống kinh tế cho đến lúc đó vẫn còn tập thể hóa, tạo nên các khó khăn, và đòi hỏi nhiều hy sinh, có thể sánh được với hy sinh mà các quốc gia Tây Âu đã phải đương đầu để tái thiết đất nước sau thế chiến thứ II. Trong những khó khăn hiện nay, điều công bằng là các quốc gia trước kia theo chủ nghĩa cộng sản phải được nâng đỡ bởi nỗ lực liên đới của các quốc gia khác. Hiển nhiên, chính họ phải là những tác nhân đầu tiên trong việc phát triển quốc gia, nhưng phải cho họ cơ may hợp lý để hoàn thành mục tiêu đó, điều không thể xảy ra được nếu các quốc gia khác không giúp đỡ họ. Đàng khác, hoàn cảnh hiện tại, nổi bật với các khó khăn và thiếu thốn, là kết quả của một tiến trình lịch sử trong đó các quốc gia trước kia theo chủ nghĩa cộng sản thường là nạn nhân, chứ không phải là những người có trách nhiệm; bởi vậy họ lâm vào hoàn cảnh hiện tại không phải vì tự do lựa chọn hay lầm lỗi, nhưng là vì những biến cố lịch sử bi thảm đã áp đặt trên họ một cách thô bạo, và cản trở họ theo đuổi những con đường phát triển kinh tế và xã hội.

Sự giúp đỡ của các quốc gia khác, đặc biệt là các quốc gia Châu Âu là những quốc gia có cùng một lịch sử và cùng gánh chịu trách nhiệm về lịch sử đó, biểu thị một món nợ phải trả theo lẽ công bằng. Nhưng sự trợ giúp đó cũng đáp ứng lợi ích và thịnh vượng chung của toàn thể Châu Âu, vì Châu Âu không thể sống trong hòa bình, nếu những cuộc xung đột khác nhau bộc phát như kết quả của quá khứ, lại trở nên gay gắt hơn do tình trạng mất ổn định về kinh tế, bất mãn tâm linh và thất vọng.

Tuy nhiên một đòi hỏi như thế không được đưa đến một sự giảm bớt những cố gắng nâng đỡ các quốc gia thuộc thế giới thứ ba, là những quốc gia đang phải chịu đựng những hoàn cảnh thiếu thốn và nghèo khó nặng nề hơn[[59]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn59). Điều cần thiết, đó là một nỗ lực phi thường để huy động các nguồn tài nguyên mà toàn thể thế giới không thiếu, nhằm tăng tiến kinh tế và phát triển chung, bằng cách tái xác định những ưu tiên và những bậc thang giá trị, dựa vào đó người ta sẽ quyết định chọn lựa kinh tế và chính trị. Những nguồn tài nguyên bao la có thể đem ra sử dụng nhờ việc giải trừ vũ khí của những bộ máy quân sự khổng lồ được xây dựng cho cuộc đối đầu giữa Đông và Tây. Những nguồn tài nguyên đó có thể còn dồi dào hơn nữa, nếu thay vì chiến tranh, người ta thiết lập những đường lối đáng tin cậy, để giải quyết những xung đột, rồi phổ cập nguyên tắc kiểm soát và giải trừ vũ khí, cả ở các nước thuộc thế giới thứ ba, bằng cách ấn định những hạn chế cần thiết chống lại việc mua bán vũ khí[[60]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn60). Nhưng nhất là phải từ bỏ não trạng coi người nghèo – cá nhân lẫn dân tộc – như một gánh nặng, như những kẻ quấy rầy phiền phức, chỉ biết tiêu thụ những gì người khác sản xuất được. Những người nghèo đòi hỏi quyền có phần trong những của cải vật chất và quyền phát triển khả năng lao động của họ để kiến tạo một thế giới công bằng hơn và thịnh vượng hơn cho mọi người. Sự tiến bộ của người nghèo là một cơ may quan trọng cho sự phát triển luân lý, văn hóa và cả kinh tế của toàn thể nhân loại.

*29. Một sự phát triển con người toàn diện.*

Cuối cùng không nên chỉ hiểu sự phát triển trong lãnh vực kinh tế, nhưng còn trong ý nghĩa con người toàn diện[[61]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn61). Vấn đề không phải là chỉ nâng cao các dân tộc lên trình độ mà các quốc gia giàu có hiện đang hưởng, nhưng đúng hơn là xây dựng – bằng lao động liên đới – một đời sống xứng đáng hơn, là thực sự làm tăng trưởng phẩm giá và tính sáng tạo của mọi người, cũng như khả năng đáp trả ơn gọi của mỗi người và cũng là lời kêu mời của Thiên Chúa. Tột đỉnh của sự phát triển là việc thực hiện quyền và bổn phận tìm kiếm Thiên Chúa, nhận biết Người và sống theo sự hiểu biết này[[62]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn62). Trong các chế độ độc tài và chuyên quyền, người ta đã đẩy nguyên tắc đề cao sức mạnh hơn lý trí lên tới cực điểm. Con người miễn cưỡng chấp nhận một quan niệm về thực tại do sức mạnh áp đặt, chứ không phải đạt được bằng nỗ lực của lý trí và quyền sử dụng tự do của mình. Cần phải đảo ngược nguyên tắc này và nhìn nhận toàn diện những quyền lợi của lương tâm nhân loại, lương tâm này chỉ lệ thuộc chân lý tự nhiên và chân lý mạc khải. Nền tảng đầu tiên của toàn bộ trật tự chính trị tự do đích thực nằm trong chính sự nhìn nhận những quyền lợi này[[63]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn63). Điều quan trọng là tái khẳng định nguyên tắc này, vì những lý do sau đây:

**1.** Những thể thức độc tài và chuyên quyền cũ chưa bị triệt hạ hoàn toàn và vẫn còn nguy cơ là những thể thức đó sẽ phục hồi được sức mạnh: tình trạng này đòi hỏi một cố gắng mới trong việc cộng tác và liên đới giữa tất cả các quốc gia.

**2.** Tại những quốc gia phát triển, đôi khi người ta truyền bá một cách quá đáng những giá trị thuần túy thực dụng, bằng cách kích thích bản năng và khuynh hướng hưởng thụ trực tiếp, điều này làm cho việc nhận thức và kính trọng phẩm trật những giá trị thực sự của đời sống con người trở nên khó khăn.

**3.** Trong một số quốc gia xuất hiện những hình thức mới của chủ trương bảo thủ tôn giáo, những hình thức này úp mở hoặc công khai từ chối chấp nhận cho các công dân có một niềm tin khác với đa số quần chúng được thực thi đầy đủ các quyền công dân hoặc tôn giáo của họ, ngăn cấm họ tham dự vào các cuộc tranh luận văn hóa, hạn chế quyền của Giáo hội được rao giảng Tin mừng, và quyền của con người được đón nhận lời đã được nghe và trở lại với Đức Kitô. Không thể có sự tiến bộ đích thực nào nếu không tôn trọng quyền tự nhiên căn bản là nhận thức chân lý và sống theo chân lý. Việc thực hiện và đào sâu quyền đó bao hàm cả quyền khám phá và tự do đón nhận Đức Giêsu Kitô, Đấng là thiện hảo thực sự của con người[[64]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn64).

**Chương IV**

**Vấn đề tư hữu và của cải dành cho mọi người**

*30. Quyền tư hữu và những giới hạn của nó*

Trong thông điệp RN, Đức Lêô XIII đã xác quyết mạnh mẽ về tính chất tự nhiên của quyền tư hữu, chống lại chủ nghĩa xã hội thời đó, và Người dựa trên nhiều lý chứng khác nhau[[65]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn65). Quyền này có tính cách nền tảng đối với sự tự lập và phát triển của cá nhân, vẫn luôn được Giáo hội bảo vệ cho tới ngày nay. Giáo hội cũng dạy rằng sở hữu các tài sản không phải là quyền tuyệt đối, nhưng trong chính bản chất quyền con người của nó, nó cũng có những giới hạn riêng.

Khi công bố quyền tư hữu, Đức Giáo Hoàng cũng xác quyết rõ ràng rằng việc sử dụng của cải, dù là quyền tự do của con người, nhưng phải tùy thuộc vào mục đích nguyên thủy của nó là được sáng tạo dành cho mọi người và đó cũng là ý muốn của Đức Giêsu Kitô như được diễn tả trong Tin mừng. Quả vậy, Đức Giáo Hoàng đã viết: *“Các người giàu có thế gian này được khuyến cáo (…) rằng họ phải run sợ trước những ngăm đe khác mà Đức Giêsu đã đưa ra để chống lại những người giàu; rằng sau cùng sẽ tới một ngày họ sẽ phải trả lẽ gắt gao với Thiên Chúa, là Đấng xét xử họ, về việc sử dụng tài sản của mình”*; và trích dẫn thánh Toma, Đức Giáo Hoàng còn thêm: “Nhưng nếu người ta hỏi việc sử dụng của cải hệ tại điều gì, Giáo hội không ngần ngại trả lời: *“Về điều này, con người không được coi những của bên ngoài như của riêng, nhưng phải coi là của chung”*, bởi vì *“bên trên những xét đoán và luật lệ của con người, còn luật lệ và sự xét xử của Đức Giêsu Kitô”*[[66]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn66).

Các Đấng kế vị Đức Lêô XIII cũng đã nhắc lại hai xác quyết đó: – Sự cần thiết và do đó tính hợp pháp của quyền tư hữu, và – quyền tư hữu cũng phải có giới hạn của nó[[67]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn67). Công đồng Vat.II cũng đã đưa ra học thuyết truyền thống này bằng những từ ngữ cần phải trích lại nguyên văn như sau: *“Khi sử dụng của cải, con người phải coi của cải vật chất mà mình làm chủ một cách chính danh không chỉ như của riêng mình, nhưng còn là của chung nữa: nghĩa là, của cải đó có thể sinh lợi không những cho riêng mình mà còn cho cả người khác nữa”*. Sau đó, Công đồng viết: *“Quyền tư hữu cũng như quyền làm chủ của cải bảo đảm cho mọi người một lãnh vực cần thiết để cá nhân và gia đình được tự trị; phải coi các quyền đó như sự mở rộng phạm vi quyền tự do của con người (…) Tự bản chất, quyền tư hữu có tính cách xã hội. Tính cách này đặt nền tảng trên định luật của cải dành cho mọi người”*[[68]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn68). Tôi cũng đã nhắc lại học thuyết này, trước tiên trong diễn văn khai mạc Hội nghị lần thứ III các Giám Mục Châu Mỹ La Tinh tại Puebla, rồi sau đó trong thông điệp LE, và gần đây, trong thông điệp SRS[[69]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn69).

*31. Mục đích của của cải là phục vụ con người.*

Khi đọc lại giáo huấn này về quyền tư hữu và về vấn đề mục đích của cải là phục vụ mọi người trong bối cảnh thời đại chúng ta, người ta có thể đặt ra vấn đề về nguồn gốc các của cải đang nâng đỡ đời sống con người, thỏa mãn các nhu cầu con người và là đối tượng của các quyền của họ.

Nguồn gốc đầu tiên của mọi thiện hảo là hành động của chính Thiên Chúa, Đấng đã sáng tạo trái đất và con người, Đấng đã ban trái đất cho con người để con người làm chủ bằng lao động và hưởng thụ các hoa lợi của nó (x. St 1,28-29). Thiên Chúa đã ban trái đất cho cả nhân loại để trái đất nuôi sống mọi phần tử của nhân loại, không loại trừ cũng không dành đặc quyền cho một cá nhân nào. Đó là nguồn gốc của việc sở hữu chung của cải trái đất. Vì chính sự phong nhiêu của trái đất và vì những khả năng của nó thỏa mãn các nhu cầu của con người, trái đất là quà tặng đầu tiên của Thiên Chúa để cho con người được tồn tại. Thế mà, trái đất không nẩy sinh hoa trái nếu không có sự đáp ứng đặc biệt của con người đối với ân huệ của Thiên Chúa, nghĩa là nếu không có lao động. Nhờ lao động và nhờ sử dụng trí khôn cũng như tự do của mình con người thống trị trái đất, biến trái đất thành nơi cư ngụ thích hợp cho mình. Như vậy, con người chiếm hữu một phần đất, phần mà con người dành được do lao động của mình. Đó là nguồn gốc của quyền tư hữu cá nhân. Hiển nhiên con người cũng có trách nhiệm không được cản trở những người khác chiếm hữu được phần của họ từ hồng ân của Thiên Chúa; trái lại, họ phải cộng tác với người khác để cùng nhau thống trị toàn thể trái đất.

Trong lịch sử, hai yếu tố này, lao động và trái đất, luôn có ngay ở khởi đầu của mọi xã hội nhân loại, tuy nhiên giữa hai yếu tố đó, không phải luôn luôn có cùng một quan hệ. đã có thời sự phong nhiêu tự nhiên của trái đất có vẻ là, và thực sự là yếu tố chính của sự giàu có, trong khi mà lao động, một cách nào đó chỉ là sự trợ giúp và nâng đỡ cho sự phong nhiêu này mà thôi. Vào thời đại chúng ta, vai trò của lao động con người trở thành một yếu tố mỗi ngày một quan trọng hơn trong việc sản xuất ra của cải tinh thần và vật chất; ngoài ra còn thấy rõ ràng lao động của một con người đan kết một cách hết sức tự nhiên với lao động của những người khác. Hơn lúc nào hết, ngày nay, lao động là lao động với người khác và lao động cho người khác: nghĩa là làm cái gì cho ai đó. Việc lao động càng phong phú và sản xuất được nhiều khi con người càng có khả năng nhận biết các nguồn tài nguyên sản xuất của trái đất và nhận ra đâu là những nhu cầu sâu xa của người khác mà mình phục vụ.

*32. Kỹ thuật và kiến thức*

Tuy nhiên, ở thời đại chúng ta, có một hình thức tư hữu khác và hình thức này có một tầm quan trọng không kém hình thức tư hữu đất đai: đó là tư hữu về trí thức, kỹ thuật và kiến thức. Sự giàu có của các quốc gia kỹ nghệ hóa dựa trên kiểu tư hữu này nhiều hơn là tư hữu những nguồn lợi tư nhiên.

Người ta đã gợi ra sự kiện con người làm việc với những người khác, khi họ tham dự vào *“lao động xã hội”*, ngày càng mở rộng thêm những lãnh vực lớn lao hơn. Theo nguyên tắc chung, một người sản xuất ra một đồ vật tức là làm ra vật đó không chỉ để sử dụng cho cá nhân mình, nhưng cũng còn để các người khác có thể sử dụng, sau khi đã trả một giá tương xứng, được thỏa thuận trong thương lượng tự do. Thế mà khả năng nhận ra đúng lúc những nhu cầu của người khác và toàn bộ các yếu tố sản xuất thích ứng nhất để thỏa mãn các nhu cầu ấy chính là một nguồn mạch quan trọng khác của sự giàu có trong xã hội ngày nay. Hơn nữa, có nhiều của cải không thể sản xuất được bằng cách thức thích hợp bằng công việc của một cá nhân, nhưng đòi hỏi sự cộng tác của nhiều người vào cùng một mục tiêu. Tổ chức một nỗ lực sản xuất như vậy, lên chương trình về thời gian, lưu tâm để áp dụng đúng các nhu cầu phải thỏa mãn, chấp nhận những mạo hiểm cần thiết, tất cả những điều đó cũng làm nên một nguồn mạch sự giàu có trong xã hội hiện nay. Như vậy, lao động có tổ chức và sáng tạo, cũng như khả năng sáng kiến và quản trị là những yếu tố có một vai trò luôn hiển nhiên và quyết định hơn[[70]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn70).

Cần phải chú ý nhiều để nhận xét về tiến trình đã đưa ra ánh sáng một cách cụ thể, giáo huấn về con người mà kitô giáo vẫn không ngừng xác quyết. Thực vậy, cùng với trái đất, tài nguyên chính yếu của con người là chính con người. Đó là trí thông minh của con người, nó làm cho con người khám phá được những khả năng sản xuất của trái đất cũng như nhiều cách thức nhờ đó nhu cầu của con người có thể được thỏa mãn. Chính nhờ lao động có điều khiển, trong sự cộng tác liên đới đã giúp tạo nên những cộng đồng lao động mở rộng và đảm bảo hơn để hoàn thành việc biến đổi môi trường tự nhiên và chính môi trường nhân bản. Trong tiến trình này, có những đức tính quan trọng như sự chuyên chăm, nhiệt tâm làm việc, sự khôn ngoan trước các nguy cơ hợp lý phải chấp nhận, sự tín nhiệm xứng đáng và sự trung thành trong các quan hệ hỗ tương, sự cương quyết trong việc thi hành các quyết định khó khăn và đau lòng, nhưng là những quyết định cần thiết cho công việc chung của xí nghiệp và cần thiết để đối đầu với các tình thế hỗn loạn có thể xảy ra.

Việc quản trị hiện nay trong việc kinh doanh bao gồm các khía cạnh tích cực mà nguồn mạch của nó là sự tự do cá nhân được thể hiện trong lãnh vực kinh tế cũng như trong nhiều lãnh vực khác. Thực vậy, kinh tế là một lãnh vực trong nhiều hình thức hoạt động của con người và trong lãnh vực này cũng như trong các lãnh vực khác, luôn có quyền được tự do cũng như nghĩa vụ sử dụng tự do một cách có trách nhiệm. Tuy nhiên, cần phải ghi nhận rằng, có nhiều tính chất khác nhau giữa các khuynh hướng của xã hội hiện tại và của xã hội quá khứ, ngay cả trong thời gian vừa qua. Nếu, ngày trước, yếu tố quyết định việc sản xuất là đất đai, và nếu, sau đó, là yếu tố tư bản, hiểu như là toàn bộ máy móc và các dụng cụ sản xuất, thì ngày nay yếu tố càng lúc càng có tính quyết định lại là chính con người, nghĩa là khả năng hiểu biết của con người thể hiện trong kiến thức khoa học, khả năng tổ chức liên kết và khả năng nắm bắt cũng như thỏa mãn các nhu cầu của người khác.

*33. Thế giới thứ ba bị gạt ra bên lề*

Tuy nhiên cũng phải vạch rõ các nguy cơ và các vấn đề gắn liền với những mẫu phát triển này. Thực vậy, nhiều người và chắc chắn đó là đa số, ngày nay không có phương tiện để gia nhập một cách hữu hiệu và xứng đáng với con người, vào trong hệ thống doanh nghiệp, trong đó lao động thực sự chiếm một vị trí trọng tâm. Họ không có khả năng đạt được kiến thức căn bản giúp họ thể hiện khả năng sáng tạo và phát triển khả năng của mình, cũng không thể gia nhập vào hệ thống các kiến thức cũng như các mạng lưới thông tin giúp họ được thấy tư cách của mình như được đánh giá và sử dụng. Tóm lại, nếu không bị bóc lột thì họ cũng bị gạt ra bên lề; và sự phát triển kinh tế có thể nói cứ tiếp tục diễn ra ở trên đầu họ, nếu không đi đến chỗ thu hẹp hơn nữa lãnh vực kinh tế sinh tồn của họ trước đây vốn đã hạn hẹp rồi. Những người này không có khả năng đối phó với sự cạnh tranh của các sản phẩm do những phương pháp tồi tàn sản xuất và đáp ứng những nhu cầu mà trước đây họ đã từng đáp ứng trong khuôn khổ những tổ chức truyền thống. Bị quyến rũ do sự giàu có hào nhoáng mà mình không đạt tới được đồng thời bị thúc bắt do nhu cầu, những người này đang tràn ngập các thành phố của thế giới thứ ba; tại đây họ thường bị mất gốc về phương diện văn hóa, và sống trong tình trạng tạm bợ cưỡng bách, không có khả năng hội nhập vào xã hội. Trong thực tế người ta không nhìn nhận phẩm giá, cũng như những khả năng tích cực của họ, và đôi khi người ta tìm cách loại bỏ sự hiện diện của họ trong dòng lịch sử, bằng cách áp đặt một số hình thức kiểm soát dân số, ngược với phẩm giá con người.

Nhiều người khác, dù không hoàn toàn bị loại ra bên lề, nhưng phải sống trong những hoàn cảnh mà cuộc chiến đấu sống còn là nhu cầu trên hết, trong khi các đường lối của một chủ nghĩa tư bản thời đầu vẫn còn hoành hành trong một tình trạng mà tính cách *“dã man”* của nó chẳng hơn gì những thời kỳ đen tối nhất của giai đoạn kỹ nghệ hóa đầu tiên. Trong những trường hợp khác, đất đai vẫn còn là yếu tố trọng tâm của tiến trình kinh tế và những người canh tác đất đai bị cấm chiếm hữu đất đai, họ bị đẩy tới một cuộc sống hầu như nô dịch[[71]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn71). Trong những trường hợp như vậy, vào thời đại này cũng như thời của thông điệp RN, quả thực là một sự bóc lột bất nhân. Dù có những thay đổi nghiêm trọng trong những xã hội tiến bộ nhất, các khiếm khuyết của con người trong chủ nghĩa tư bản còn lâu mới biến mất, và hậu quả của nó là vật chất lấn lướt trên con người; hơn nữa, đối với các người nghèo, thêm vào sự khan hiếm của cải vật chất, còn có sự thiếu thốn về hiểu biết và kiến thức, điều này ngăn cản họ thoát ra khỏi tình trạng lệ thuộc nhục nhã.

Đáng tiếc thay phần lớn dân cư ở thế giới thứ ba vẫn còn sống trong những điều kiện như vậy. Tuy nhiên sẽ không còn chính xác nếu hiểu thế giới thứ ba chỉ theo nghĩa địa dư. Trong một số miền và một số thành phần xã hội của *“thế giới”* này, các tiến trình phát triển đang thể hiện, tập trung không phải trên sự khai thác các tài nguyên vật chất cho bằng trên sự khai thác *“tài nguyên con người”*.

Cách đây không lâu lắm người ta chủ trương rằng đối với các quốc gia nghèo nhất, sự phát triển giả thiết rằng các quốc gia đó phải tách khỏi thị trường thế giới và chỉ dựa vào năng lực riêng của mình. Kinh nghiệm của những năm gần đây minh chứng rằng các quốc gia tự tách mình ra khỏi những cuộc trao đổi chung trong hoạt động kinh tế ở tầm mức quốc tế đều bị đình trệ và thụt lùi, và các quốc gia hội nhập được vào trong các cuộc trao đổi đó thì tạo được một sự phát triển. Như vậy, hình như vấn đề thiết yếu là gia nhập vào thị trường quốc tế cách bình đẳng, không dựa trên nguyên lý chỉ khai khẩn các nguồn lợi thiên nhiên nhưng trên sự phát triển các tài nguyên con người[[72]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn72).

Tuy nhiên, một số khía cạnh tiêu biểu của thế giới thứ ba cũng xuất hiện trong các nước đã phát triển, tại các nước này, sự biến đổi không ngừng về cách thế sản xuất và các kiểu tiêu thụ đã làm mất giá trị các kiến thức đã đạt được cũng như các chuyên môn nghề nghiệp vững chắc, điều đó đòi hỏi phải có một nỗ lực liên tục để thích ứng và tái huấn nghệ. Những ai không thể theo được nhịp tiến sẽ dễ dàng bị loại ra ngoài lề như những người lớn tuổi, những người trẻ không có khả năng hội nhập vào đời sống xã hội, cũng như một cách chung, những người yếu kém nhất và đám người được gọi là thế giới thứ tư cũng bị loại ra như vậy. Trong những hoàn cảnh như thế, tình trạng của người phụ nữ vẫn còn rất khó khăn.

*34. Nền kinh tế thị trường.*

Trong mọi quốc gia cũng như trong các mối quan hệ quốc tế, hình như thị trường tự do là phương tiện thích dụng nhất để phân chia các nguồn lợi và đáp ứng hữu hiệu các nhu cầu cuộc sống. Nhưng điều đó chỉ đúng với các nhu cầu *“có thể thanh toán bằng tiền”*, vì người ta có khả năng mua sắm, cũng như việc các nguồn lợi *“có thể bán được”*, có thể đổi lấy nhờ trả một giá chính đáng nào đó. Tuy nhiên có nhiều nhu cầu của con người không thể thỏa mãn được trong thị trường. Đây là một nghĩa vụ nghiêm chỉnh về công bằng và chân lý là làm sao cho các nhu cầu căn bản của con người được thỏa mãn và giúp cho những người phải thiếu thốn không bị diệt vong. Ngoài ra, những người trong cảnh túng quẫn này phải được giúp đỡ để có được những kiến thức, để gia nhập vào hệ thống các mối liên hệ và để họ phát triển năng lực của mình hầu có thể phát triển những khả năng và nguồn vốn cá nhân của mình. Bên trên sự hợp lý của những trao đổi bình đẳng và những hình thức công bằng chi phối các sự trao đổi đó, còn có một món nợ với con người, bởi vì họ là con người, do phẩm giá cao quý của họ. Món nợ này bao gồm một cách không thể tách lìa cái khả năng sống còn và khả năng đem lại một sự đóng góp tích cực cho sự thiện chung của nhân loại.

Các mục tiêu đề ra trong thông điệp RN để tránh hạ thấp lao động của con người và chính con người thành một thứ hàng hóa thuần túy vẫn luôn có giá trị nguyên vẹn trong bối cảnh thế giới thứ ba, và, trong một số trường hợp, nó vẫn là mục tiêu phải đạt tới, đó là: tiền lương đủ để nuôi sống gia đình, những bảo đảm xã hội cho tuổi già và khi thất nghiệp, sự điều chỉnh các điều kiện lao động cho thích hợp.

*35. Vai trò và những giới hạn của lợi nhuận*

Tất cả những điều đó, làm nên một lãnh vực hoạt động rộng lớn, và phong phú đối với sự dấn thân và đấu tranh, nhân danh sự công bằng, của các nghiệp đoàn và các tổ chức khác của người lao động; các nghiệp đoàn và tổ chức đó bảo vệ quyền của người lao động và bảo vệ phẩm giá của họ, đồng thời cũng chu toàn một chức năng thiết yếu thuộc lãnh vực văn hóa, để làm cho người lao động được tham gia với đầy đủ quyền hạn và một cách đáng tôn trọng vào đời sống của quốc gia, cũng như giúp đỡ họ tiến bước trên con đường phát triển của họ.

Theo chiều hướng này, người ta có lý để nói về một cuộc đấu tranh chống lại một trật tự kinh tế hiểu như là phương pháp để đảm bảo ưu thế tuyệt đối của tư bản, của việc chiếm hữu các dụng cụ sản xuất và chiếm hữu đất đai, hơn là tự do và phẩm giá lao động của con người[[73]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn73). Khi chiến đấu chống lại hệ thống này, người ta không thể đề ra đối nghịch nó, như một kiểu mẫu thay thế, hệ thống chủ nghĩa xã hội, vì hệ thống này thực ra cũng là một thứ chủ nghĩa tư bản của nhà nước, nhưng người ta có thể đề ra đối nghịch nó xã hội của tự do lao động, kinh doanh và được tham dự. Xã hội này không đối nghịch với thị trường, nhưng đòi hỏi thị trường phải được kiểm soát một cách hợp lý do những sức mạnh xã hội, do nhà nước, sao cho bảo đảm được sự thỏa mãn các nhu cầu căn bản của toàn xã hội.

Giáo hội nhìn nhận vai trò thích hợp của lợi nhuận như là một chỉ dẫn cho thấy tiến hành tốt đẹp của một doanh nghiệp. Khi một doanh nghiệp làm ra lợi nhuận, thì điều đó có nghĩa là các yếu tố sản xuất đã được sử dụng thích đáng và các nhu cầu chính đáng của con người đã được thỏa mãn thích hợp. Tuy nhiên, lợi nhuận không phải là chỉ dẫn duy nhất về tình trạng của một doanh nghiệp. Có thể rằng người ta đạt được những tài khoản có giá, nhưng đồng thời những con người đã làm nên những tài sản quý báu nhất của doanh nghiệp lại bị hạ thấp và bị xúc phạm về phẩm giá của họ. Điều đó chẳng những là điều không thể chấp nhận được, xét theo khía cạnh luân lý, nhưng tất nhiên còn kéo theo những hậu quả tiêu cực đối với chính hiệu năng kinh tế của doanh nghiệp. Quả thực, mục tiêu của doanh nghiệp không phải duy chỉ là tạo ra lợi nhuận, nhưng còn là chính sự hiện hữu của doanh nghiệp như một cộng đồng các con người nữa; cộng đồng này bằng những cách thức khác nhau, tìm đạt tới sự thỏa mãn các nhu cầu nền tảng của mình và làm thành một nhóm riêng biệt để phục vụ toàn thể xã hội. Lợi nhuận là một yếu tố điều hòa của một cơ sở, nhưng đó không phải là một yếu tố duy nhất; còn phải quan tâm thêm vào đó những yếu tố khác có tính nhân bản và đạo đức, những yếu tố này về lâu về dài, ít ra cũng là những yếu tố thiết yếu cho doanh nghiệp.

Chúng ta thấy rằng người ta không thể chấp nhận sự sụp đổ của *“chủ thuyết xã hội hiện thực”*, nhưng người ta vẫn gọi nhường chỗ cho duy một mẫu chủ nghĩa tư bản trong việc tổ chức kinh tế. Phải phá đổ những rào cản và những thế lực độc quyền làm cho nhiều dân tộc bị loại ra bên lề sự phát triển, phải đảm bảo cho mọi cá nhân và mọi quốc gia có những điều kiện sơ đẳng để tham gia vào sự phát triển. Mục tiêu này đòi hỏi tất cả cộng đồng thế giới phải có nhiều nỗ lực phối hợp và có trách nhiệm. Các quốc gia hùng mạnh nhất nên biết dành cho các quốc gia nghèo nhất có những khả năng hội nhập vào đời sống quốc tế và các quốc gia thiếu thốn nhất nên biết nắm bắt lấy những khả năng này, chấp nhận những nỗ lực và những hy sinh cần thiết, bảo đảm sự vững chắc của tổ chức chính trị và nền kinh tế của mình, bảo đảm sự vững vàng trong viễn tượng tương lai của mình, bảo đảm sự gia tăng trình độ chuyên nghiệp của các người lao động, bảo đảm các người kiều khiển doanh nghiệp có được sự đào tạo hữu hiệu và có ý thức về trách vụ của mình.[[74]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn74)

Hiện nay, vấn đề nợ nần của các quốc gia nghèo nhất, một vấn đề mà phần lớn vẫn chưa được giải quyết đang đè nặng trên những nỗ lực xây dựng đã thể hiện trong lãnh vực phát triển. Nguyên tắc nợ thì phải trả, dĩ nhiên là nguyên tắc chính đáng, nhưng nếu đòi hỏi, yêu cầu phải trả khi mà điều đó đưa tới việc thực sự áp đặt những lựa chọn chính trị, mà thực chất là thúc đẩy cả một dân tộc đến chỗ nghèo đói và thất vọng thì đó là không chính đáng. Người ta không thể đòi hỏi trả những món nợ đã ký kết với cái giá những hy sinh không thể chịu đựng nổi. Trong trường hợp này, cần phải tìm những phương cách giảm bớt, gia hạn hoặc xóa bỏ tiền nợ, hợp với quyền căn bản được sống và được phát triển của các dân tộc, điều này đang được thực hiện một phần.

*36. Những thái quá của xã hội tiêu thụ*

Giờ đây, cần phải lưu ý tới các vấn đề đặc biệt và những đe dọa xảy ra trong nội bộ các nền kinh tế tiến bộ nhất và gắn liền với các đặc tính của các nền kinh tế ấy. Trong những giai đoạn trước khi phát triển, con người luôn sống trong sự nghèo khổ. Những nhu cầu của họ rất ít, một cách nào đó, giới hạn trong những cấu trúc khách quan của sự cấu tạo thể lý của họ mà thôi, và hoạt động kinh tế được quan niệm là để thỏa mãn những nhu cầu đó. Ngày nay, rõ ràng vấn đề không phải chỉ là cung cấp cho con người một lượng đủ về của cải, nhưng là đáp ứng cho nhu cầu về phẩm: phẩm chất của hàng hóa được sản xuất và tiêu thụ, phẩm chất của dịch vụ mà người ta cần đến, phẩm chất của môi trường và của đời sống nói chung.

Yêu cầu có một cuộc sống thỏa mãn hơn về phẩm chất và giàu có hơn, tự nó, là điều chính đáng. Nhưng người ta phải lưu ý tới các trách nhiệm mới và tới các nguy hiểm gắn liền với giai đoạn lịch sử này. Trong cách thức nảy sinh các nhu cầu mới và cách thức xác định các nhu cầu đó, luôn luôn có một quan niệm hơn kém chính đáng về con người, và về sự thiện đích thực của con người. Trong những chọn lựa sản xuất và tiêu thụ, xuất hiện một nền văn hóa nào đó, nó nói lên một quan niệm về toàn bộ đời sống. Chính khi đó xuất hiện hiện tượng tiêu thụ. Khi người ta xác định các nhu cầu mới, các phương pháp mới để làm thỏa mãn các nhu cầu đó, người ta cần phải cảm nhận một hình ảnh toàn diện về con người, hình ảnh tôn trọng tất cả những chiều kích của con người, và coi chiều kích thể lý, bản năng là những điều tùy thuộc vào những chiều kích nội tại và thiêng liêng. Ngược lại, nếu người ta qui chiếu trực tiếp vào các bản năng, và nếu người ta bỏ qua, cách này hay cách khác, thực tại của một con người có ý thức và tự do, thì điều đó có thể đưa tới những thói quen tiêu thụ và những kiểu sống khách quan không chính đáng và thường là tai hại cho sức khỏe thể lý và tinh thần. Một hệ thống kinh tế không bao gồm trong khuôn khổ riêng của nó những tiêu chuẩn cho phép phân biệt đúng đắn các hình thức mới và cao nhất để thỏa mãn các nhu cầu của con người cũng như các nhu cầu mới được khơi dậy ngăn cản con người đạt tới sự trưởng thành nhân cách. Như vậy cần thiết và khẩn cấp phải có một công việc rộng lớn về giáo dục và văn hóa, gồm việc huấn luyện các người tiêu thụ biết sử dụng quyền chọn lựa một cách có trách nhiệm, huấn luyện một cảm quan bén nhạy về tinh thần trách nhiệm cho những người sản xuất và nhất là cho những chuyên viên về truyền thông xã hội, chưa kể tới sự can thiệp cần thiết của chính quyền.

Ma túy là một trường hợp rõ ràng về một sự tiêu thụ giả tạo, có hại cho sức khỏe và phẩm giá con người và chắc chắn là khó kiểm soát được. Sự lan rộng của ma túy là một dấu hiệu thiếu hiệu năng của hệ thống xã hội, nó giả thiết một *“não trạng”* duy vật, và theo một nghĩa nào đó, hủy hoại các nhu cầu của con người. Như vậy, các khả năng đổi mới nền kinh tế tự do, cuối cùng, lại được thực hiện một cách độc đoán và không thích hợp. Ma túy, và cả các sách báo khiêu dâm và các hình thức tiêu thụ khác, nhằm khai thác sự dòn mỏng của những người yếu đuối, là một cách tìm lấp đầy khoảng trống tâm linh đang diễn ra.

Ước muốn sống tốt hơn không phải là xấu, nhưng điều xấu là một mẫu sống tốt hơn lại hướng tới *“cái có”* chứ không hướng tới *“cái là”*, và khi người ta muốn có nhiều hơn không phải để là nhiều hơn, nhưng là để hoàn thành cuộc sống bằng một sự hưởng thụ, coi đó như chính mục đích của cuộc đời[[75]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn75). Như vậy, cần phải nỗ lực để tạo ra một mẫu sống trong đó các yếu tố quyết định các lựa chọn tiêu thụ, tiết kiệm và đầu tư, phải là sự tìm kiếm điều chân thiện mỹ, cũng như sự thông hiệp với các người khác để tạo một sự phát triển chung. Về vấn đề này, tôi không chỉ bằng lòng với một lời kêu gọi thi hành nghĩa vụ của đức ái, nghĩa là nghĩa vụ trao tặng những cái *“dư thừa”*, và đôi khi cả những cái *“cần thiết”* của mình để trợ giúp cuộc sống của người nghèo. Tôi muốn nói tới sự kiện là ngay cả sự lựa chọn đầu tư ở nơi này hơn là nơi kia, trong một ngành sản xuất này hơn là ngành sản xuất khác, luôn là một lựa chọn có tính cách luân lý và văn hóa. Một khi có đủ một số điều kiện cần thiết trong lãnh vực kinh tế và để tạo nên một thế chính trị chắc chắn, thì quyết định đầu tư, nghĩa là trao tặng cho một dân tộc có một cơ hội để thể hiện công việc của mình cho có giá trị, cũng chịu ảnh hưởng do một thái độ thiện cảm và niềm tin tưởng nơi Đấng Quan Phòng, những thái độ này cho thấy phẩm chất nhân bản của người quyết định.

*37. Sự cần thiết của sinh thái học*

Bên cạnh vấn đề tiêu thụ, vấn đề sinh thái gắn liền với vấn đề tiêu thụ, cũng tạo nên biết bao lo ngại. Con người do bị chi phối bởi các ước muốn *“có”* và hưởng, nhiều hơn bởi ước muốn *“là”* và tăng triển, đã tiêu thụ một cách quá đáng và bừa bãi các tài nguyên của trái đất và của chính cuộc sống mình. Nguồn gốc của sự hủy hoại cách ngu ngốc môi trường thiên nhiên là một sự sai lầm về nhân học, tiếc thay, sai lầm này lan rộng trong thời đại chúng ta. Con người, khi khám phá ra khả năng biến đổi, và theo một nghĩa nào đó, khả năng sáng tạo thế giới nhờ lao động của mình, đã quên rằng điều đó luôn chỉ được hoàn thành khởi từ một hồng ân nguyên thủy do Thiên Chúa ban ra. Con người tưởng mình có quyền sử dụng trái đất một cách độc đoán, bắt nó hoàn toàn lệ thuộc ý muốn của mình, như thể trái đất không hề có một hình thức và một mục đích từ trước do Thiên Chúa định đoạt và con người có thể phát triển mà không được phản bội. Thay vì chu toàn vai trò là người cộng tác với Thiên Chúa trong công trình sáng tạo, con người tự thay thế Thiên Chúa, và như vậy đưa tới sự phản loạn của thiên nhiên, một thiên nhiên bị hà hiếp hơn là được cai quản do con người[[76]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn76).

Ở đây, chúng ta nhận thấy trước hết là sự nghèo nàn và bần tiện trong cái nhìn của con người, bị thúc đẩy do ước muốn chiếm hữu sự vật hơn là nhìn sự vật trong tương quan với chân lý. Một cái nhìn không có được một thái độ vô tư, vô vị lợi do cảm quan thẩm mỹ được gợi ra bởi sự thán phục trước sự vật, và trước vẻ huy hoàng, giúp con người nhận thấy trong các sự vật hữu hình sứ điệp của Thiên Chúa vô hình đã sáng tạo ra chúng. Trong lãnh vực này, nhân loại ngày nay phải ý thức về các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình đối với các thế hệ tương lai.

*38. Sự tàn phá môi trường*

Ngoài sự tàn phá một cách vô lý môi trường thiên nhiên còn phải nhắc tới ở đây sự tàn phá còn nặng nề hơn nữa đối với môi trường nhân loại, thế mà người ta còn chưa có một sự chú ý đúng mức về môi trường con người này. Trong khi người ta bận tâm chính đáng, mặc dù còn chưa đạt tới mức độ cần thiết, nhằm bảo vệ chỗ cư trú thiên nhiên của các chủng loại thú vật khác nhau đang bị đe dọa tuyệt chủng, bởi vì người ta nhận thức rằng mỗi loại có phần đóng góp riêng của mình cho sự quân bình chung của trái đất, thì người ta lại quan tâm quá ít trong việc bảo vệ các điều kiện luân lý của một *thứ “sinh thái con người”* đích thực. Không phải chỉ có trái đất được Thiên Chúa ban cho con người và con người phải sử dụng nó trong sự tôn trọng ý hướng nguyên thủy, tốt đẹp của Đấng Tạo Hóa, nhưng cả con người cũng được Thiên Chúa ban cho chính mình và như vậy con người phải tôn trọng cấu trúc tự nhiên và luân lý mà mình đã lãnh nhận. Trong bối cảnh này, cần phải đề cập tới các vấn đề trầm trọng do việc đô thị hóa hiện đại gây ra, tới sự cần thiết một kế hoạch đô thị hóa quan tâm tới đời sống cá nhân, và lưu ý thích đáng đến *“sinh thái xã hội”* của lao động.

Con người đón nhận từ Thiên Chúa phẩm giá thiết yếu của mình, và cùng với phẩm giá đó, cũng đón nhận khả năng vượt trên tất cả tổ chức xã hội để hướng tới chân lý và sự thiện. Tuy nhiên, con người cũng bị chi phối do cơ cấu xã hội mình đang sống, do nền giáo dục mình được hấp thụ và do môi trường của mình. Các yếu tố này có thể làm dễ dàng hoặc ngăn cản đời sống dõi theo chân lý. Các quyết định, nhờ đó môi trường nhân loại được cấu tạo có thể tạo nên những cấu trúc tội lỗi riêng biệt làm cản trở sự phát triển trọn vẹn của những người bị các cấu trúc đó chèn ép bằng nhiều cách. Việc phá hủy các cấu trúc đó và thay thế chúng bằng những hình thức đích thực hơn của sự chung sống, đó là một trách vụ đòi hỏi có sự can đảm và kiên nhẫn[[77]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn77).

*39. Gia đình: đền thánh của sự sống*

Cấu trúc căn bản đầu tiên của một nền *“sinh thái con người”* đó là gia đình; trong cuộc sống gia đình, con người đón nhận những ý niệm đầu tiên có tính cách quyết định, liên quan tới chân lý và sự thiện, trong gia đình con người học biết thế nào là yêu mến và được yêu, và do đó cũng học biết ý nghĩa cụ thể của việc là một con người. Ở đây chúng ta nghĩ đến gia đình dựa trên hôn nhân, trong đó việc dâng hiến chính mình cho nhau giữa người nam và người nữ tạo nên một môi trường sống mà đứa trẻ có thể được sinh ra và triển nở các khả năng của nó, học biết về phẩm giá của nó và chuẩn bị đối đầu với vận mệnh duy nhất bất khả thay thế của nó. Ngược lại, thường xảy ra là con người thiếu can đảm để thực hiện những điều kiện đích thực cho việc sinh ra một con người và họ đi đến chỗ tự coi mình và tự coi cuộc sống của mình như là toàn bộ các cảm giác nghiệm thấy chứ không như một công trình cần phải hoàn thành. Từ đó nảy sinh sự thiếu tự do, làm cho con người từ bỏ nghĩa vụ phải tự gắn bó với người khác trong một tình trạng vững bền và từ bỏ nghĩa vụ sinh con cái, hoặc coi các đứa con như một trong nhiều *“sự vật”* mà con người có thể có hoặc không tùy theo sở thích, và coi con cái như một thứ cạnh tranh với các khả năng khác.

Phải trở lại với quan niệm gia đình như một đền thánh của sự sống. Thực sự, gia đình được thánh hiến, đó là nơi mà sự sống, một hồng ân của Thiên Chúa, có thể được đón nhận một cách thích hợp và được bảo vệ chống lại bao nhiêu sự tấn công xảy ra, đó là nôi mà sự sống có thể triển nở theo những đòi hỏi của một sự tăng triển con người đích thực. Ngược lại với điều người ta gọi là văn hóa của sự chết, gia đình là nơi văn hóa của sự sống.

Trong lãnh vực này, hình như tài năng của con người được sử dụng nhiều để giới hạn, loại trừ hoặc tiêu hủy các nguồn mạch của sự sống, ngay cả bằng cách phá thai, điều này khốn thay lại đang lan tràn trong thế giới, hơn là để bảo vệ và mở rộng các khả năng của chính sự sống. Trong thông điệp SRS, chúng tôi đã tố cáo các phong trào tổ chức chống lại sự sinh sản, các phong trào này dựa trên một quan niệm sai lạc về vấn đề dân số, trong bầu khí *“hoàn toàn mất tôn trọng tự do quyết định của các người liên hệ”*, thường bắt con người chịu những áp lực không thể chịu nổi (…) để khuất phục họ dưới hình thức áp bức mới này[[78]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn78). Đó là những chính sách với những kỹ thuật mới, đã mở rộng lãnh vực hoạt động của mình đến mức đầu độc sự sống của hàng triệu con người không tự vệ, giống như trong một *“cuộc chiến tranh hóa học”*.

Những phê phán này không hẳn nhằm tới một hệ thống kinh tế cho bằng hệ thống đạo đức và văn hóa. Thực sự kinh tế chỉ là một khía cạnh, một chiều kích trong tổng thể phức tạp của hoạt động con người. Nếu như kinh tế trở thành một điều tuyệt đối, nếu sự sản xuất và tiêu thụ các hàng hóa, cuối cùng lại chiếm vị trí trung tâm của đời sống xã hội và trở thành giá trị duy nhất của xã hội, không tùy thuộc bất cứ giá trị nào, thì phải tìm nguyên nhân của nó không chỉ và không nhiều lắm trong chính hệ thống kinh tế, nhưng trong sự kiện là hệ thống văn hóa xã hội, khi không nhận biết chiều kích đạo đức và tôn giáo, đã trở nên yếu đuối và tự giản lược vào sự sản xuất các của cải cũng như các dịch vụ[[79]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn79).

Chúng ta có thể tóm tắt tất cả những điều đó bằng cách khẳng định một lần nữa rằng tự do kinh tế chỉ là một yếu tố của tự do con người. Khi nó trở thành độc lập, khi con người bị coi như một nhà sản xuất hoặc một người tiêu thụ của cải hơn là một chủ thể đã sản xuất và tiêu thụ để sống, khi đó tự do kinh tế mất đi mối tương quan chính đáng với ngôi vị con người và cuối cùng là tha hóa và đàn áp con người[[80]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn80).

*40. Nhà nước phải bảo vệ những tài sản tập thể.*

Nhà nước có bổn phận bảo vệ các tài sản tập thể, đó là môi trường thiên nhiên và môi trường con người, và sự gìn giữ đó không thể chỉ thực hiện được do vận hành của thị trường. Cũng như vào thời chế độ tư bản trước đây, nhà nước có nghĩa vụ bảo vệ các quyền căn bản của lao động, thì cũng thế, trong chế độ tư bản mới, nhà nước cũng như xã hội phải bảo vệ tài sản tập thể, những tài sản này và những cái khác nữa, làm nên một khuôn khổ trong đó mỗi con người có thể đạt tới mục đích cá nhân của mình một cách hợp pháp.

Ở đây chúng ta thấy một giới hạn khác của thị trường: có những nhu cầu tập thể và có tính cách phẩm chất không thể được thỏa mãn do cơ chế của thị trường; có những nhu cầu quan trọng của con người vượt ra khỏi đường lối của thị trường; có những của cải mà, do bản chất của nó, không thể bán hoặc mua được. Chắc chắn các cơ chế thị trường đem lại nhiều lợi điểm vững bền; trong đó phải kể đến việc chúng giúp sử dụng tốt hơn các nguồn lợi, chúng cổ võ những sự trao đổi sản phẩm và nhất là chúng đặt trọng tâm nơi ý muốn và sự ưa thích của con người trong hợp đồng, đáp ứng được sự ưa thích của một người khác. Tuy nhiên chúng bao gồm nguy cơ của một thứ *“bái vật”*trong thị trường, tức não trạng không biết rằng có những của cải, tự bản chất không phải là và không thể đơn giản là hàng hóa.

*41. Những nguồn gốc của sự vong thân.*

Chủ thuyết Macxit đã phê phán các xã hội tư bản tiểu tư sản, trách cứ các xã hội đó làm tha hóa con người và biến cuộc sống đó thành một thứ hàng hóa. Sự trách cứ này rõ ràng dựa trên một quan niệm sai lầm và không thích đáng về sự vong thân, quan niệm này coi sự vong thân chỉ tùy thuộc vào toàn bộ những tương quan sản xuất và chiếm hữu, nghĩa là trách cứ đó gắn cho sự vong thân một nền tảng duy vật, và hơn nữa, chối bỏ tính cách hợp pháp cũng như tính cách tích cực của những quan hệ thị trường ngay trong chính lãnh vực riêng của thị trường. Như vậy, người ta đi đến chỗ xác quyết rằng, vong thân chỉ có thể bị loại trừ trong một xã hội theo kiểu tập thể chủ nghĩa. Thế mà, kinh nghiệm lịch sử của các quốc gia xã hội chủ nghĩa, tiếc thay, lại đã minh chứng rằng chủ nghĩa tập thể không những không loại bỏ mà còn làm gia tăng sự vong thân, bởi vì chủ nghĩa đó tạo ra sự khan hiếm các của cải cần thiết cũng như sự vô hiệu năng về kinh tế.

Về thế giới Tây Phương, kinh nghiệm lịch sử đã minh chứng rằng, mặc dù phân tích theo Macxit về sự vong thân và các nền tảng của sự phân tích đó là sai lạc, sự vong thân đó đánh mất ý nghĩa đích thực của cuộc sống cũng là một thực tại trong các xã hội Tây Phương. Chúng ta nhận thấy điều đó trong phạm vi tiêu thụ, khi mà sự tiêu thụ đưa đẩy con người vào trong một hệ thống nhằm thỏa mãn các nhu cầu hời hợt và giả tạo, thay vì giúp con người có một kinh nghiệm đích thực và cụ thể về nhân cách của mình. Sự vong thân cũng xuất hiện trong lao động, khi mà lao động được tổ chức theo cách thức chỉ định giá theo sự sản xuất và các hoa lợi của lao động chứ không lưu tâm nhận biết xem qua công việc, người lao động có triển nở nhân tính của mình nhiều hay ít, tiếp theo mức độ họ tham
dự vào một cộng đoàn liên đới đích thực được gia tăng, hoặc là lại trầm trọng thêm sự cô lập của họ giữa một tổng thể các tương quan mang tính cách một sự cạnh tranh quá đáng và loại trừ lẫn nhau trong đó, con người chỉ được coi như một phương tiện, chứ không như mục đích.

Cần phải tiến tới một quan niệm vong thân theo cái nhìn kitô giáo về sự vật để có thể làm sáng tỏ những đảo lộn giữa phương tiện và mục đích: khi không nhận biết giá trị sự cao cả của con người trong chính mình và trong người khác, con người đánh mất khả năng hưởng thụ nhân tính của mình một cách thích hợp và không thể gia nhập vào các tương quan liên đới, hiệp thông với những người khác mà vì đó Thiên Chúa đã sáng tạo ra con người. Thực thế, chính nhờ sự tự do dâng hiến chính mình mà con người trở thành đích thực là mình[[81]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn81), và sự dâng hiến này có thể thực hiện được bởi vì con người thiết yếu *“có khả năng vươn lên”*. Con người không thể lao đầu vào một dự định hoàn toàn của con người đối với thực tại, vào một lý tưởng trừu tượng hoặc một ảo tưởng sai lầm. Xét như con người, họ có thể trao tặng mình cho một người khác, hoặc cho những người khác, và cuối cùng cho Thiên Chúa, Đấng là tác giả của con người và là Đấng duy nhất có thể đón nhận trọn vẹn sự dâng hiến này[[82]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn82). Con người bị vong thân khi họ từ chối vươn tới siêu việt và từ chối dâng hiến chính mình, kinh nghiệm xây dựng một cộng đồng đích thực hướng về cùng đích là chính Thiên Chúa. Một xã hội là vong thân khi mà, trong các hình thức tổ chức xã hội, các hình thức sản xuất và tiêu thụ, xã hội đó lại làm cho sự thực hiện việc dâng hiến này và việc xây dựng liên đới giữa con người với nhau trở thành khó khăn hơn.

Trong xã hội Tây Phương, sự bóc lột đã được vượt qua, ít là theo những hình thức đã được Cacmac phân tích và mô tả. Trong khi đó, sự vong thân chưa được vượt qua trong nhiều hình thức bóc lột khi mà con người trục lợi trên người khác và khi vì để thỏa mãn một cách luôn tinh vi hơn các nhu cầu riêng biệt và thứ yếu, người ta trở thành điếc trước nhu cầu thiết yếu và đích thực của họ, những nhu cầu này cũng phải chi phối các cách thức thỏa mãn các nhu cầu khác[[83]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn83). Con người không thể tự do nếu họ chỉ, hoặc trước hết bận tâm về cái *“có”* và về sự thụ hưởng đến nỗi không có khả năng làm chủ các bản năng, các đam mê, cũng không thể hợp nhất và thống trị các bản năng và đam mê bằng sự tuân phục chân lý. Tuân phục chân lý về Thiên Chúa và về con người, điều đó đối với họ, là điều kiện trước tiên của tự do và cho phép con người sắp xếp các nhu cầu, các khao khát và các cách thức thỏa mãn các điều đó theo một trật tự chính đáng, sao cho sự chiếm hữu sự vật lại là một phương tiện phát triển đối với họ. Sự phát triển này có thể bị ngăn cản do sự lèo lái của các phương tiện truyền thông, các phương tiện này nhờ một kiểu nhấn mạnh có phối trí khéo léo đã áp đặt những đường lối và những luồng dư luận, làm mất khả năng phê phán cách kỹ càng các tiền đề chúng dựa vào.

*42. Hai mặt của chủ nghĩa tư bản*

Bây giờ trở lại vấn đề sơ khởi, phải chăng chúng ta có thể nói rằng, sau khi chủ nghĩa cộng sản thất bại, chủ nghĩa tư bản là hệ thống xã hội thắng thế và các quốc gia muốn tái xây dựng nền kinh tế và xã hội của mình phải hướng về đó? Phải chăng kiểu mẫu tư bản là điều phải đề nghị cho các quốc gia thuộc thế giới thứ ba, là những quốc gia đang tìm một nẻo đường thăng tiến đích thực nền kinh tế và xã hội dân sự của mình?

Câu trả lời hiển nhiên là phức tạp. Nếu người ta hiểu từ ngữ *“chủ nghĩa tư bản”* là một hệ thống kinh tế nhìn nhận vai trò căn bản và đích thực của doanh nghiệp, của thị trường, của quyền tư hữu và trách nhiệm mà quyền đó bao hàm trong các phương tiện sản xuất, của sự sáng tạo tự do của con người trong ngành kinh tế, thì câu trả lời rõ ràng là tích cực, mặc dù có thể nói một cách thích hợp rằng đó là một thứ *“kinh tế doanh nghiệp*” hoặc *“kinh tế thị trường”*, hoặc đơn giản là *“kinh tế tự do”*. Nhưng nếu hiểu *“chủ nghĩa tư bản”* là một hệ thống, trong đó sự tự do trong lãnh vực kinh tế không bị chi phối do một khuôn khổ luật pháp vững chắc, luật pháp này nhằm để phục vụ tự do toàn vẹn của con người và coi tự do là một chiều kích đặc biệt của con người mà trọng tâm là trật tự đạo đức và tôn giáo, thì khi đó câu trả lời rõ ràng là tiêu cực.

Giải pháp Macxit đã thất bại, nhưng các hiện tượng như con người bị loại ra bên lề, hiện tượng bóc lột vẫn còn trong thế giới, đặc biệt trong thế giới thứ ba, cũng như các hiện tượng vong thân của con người, đặc biệt trong các quốc gia tân tiến nhất, tiếng nói của Giáo hội đã mạnh mẽ chống lại hiện tượng này. Một số đông dân chúng còn sống trong hoàn cảnh hết sức cùng khổ về vật chất và luân lý. Chắc chắn sự thất bại của hệ thống cộng sản đã loại bỏ được, trong nhiều quốc gia, một trở ngại trong việc nghiên cứu một cách thích đáng và hiện thực các vấn đề này, nhưng điều đó không đủ để giải quyết chung. Còn có một nguy cơ là sự lan tràn một ý thức hệ triệt để theo kiểu tư bản chủ nghĩa, từ chối cả việc lưu ý xem xét các vấn đề trên, chấp nhận tiên thiên rằng mọi cố gắng đối phó chỉ đưa tới thất bại, và chủ nghĩa đó theo nguyên tắc, chờ đợi một giải pháp từ sự phát triển tự do các sức mạnh của thị trường.

*43. Định hướng của Giáo hội về xã hội*

Giáo hội không đề ra một khuôn mẫu nào cả. Các khuôn mẫu đích thực và thực sự có hiệu quả chỉ có thể quan niệm được trong khung cảnh của các tình huống lịch sử khác nhau, do nỗ lực của mỗi người có trách nhiệm, những người này phải đối đầu với các vấn đề cụ thể dưới tất cả mọi khía cạnh xã hội, chính trị, kinh tế, văn hóa bao hàm lẫn nhau[[84]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn84). Đứng trước các trách nhiệm này, Giáo hội đưa ra học thuyết xã hội của mình, như một định hướng tri thức không thể bỏ qua; học thuyết này như đã trình bày, nhìn nhận tính cách tích cực của thị trường của doanh nghiệp, nhưng đồng thời cũng nhấn mạnh tới sự cần thiết phải hướng tới công ích. Học thuyết này cũng nhìn nhận sự hợp pháp của các nỗ lực của người lao động để có được một sự tôn trọng đầy đủ đối với phẩm giá của mình và được tham dự nhiều hơn vào sinh hoạt doanh nghiệp, sao cho trong khi làm việc cùng với những người khác và dưới sự hướng dẫn của những người khác nữa, họ có thể, theo một nghĩa nào đó, làm việc *“vì lợi ích của mình”*[[85]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn85), bằng cách sử dụng trí thông minh và tự do của mình.

Sự phát triển toàn vẹn một con người trong lao động, không chống lại, nhưng đúng hơn cổ võ sức sản xuất tốt hơn và hiệu năng nhiều hơn của chính lao động ngay cả khi điều đó có thể làm suy yếu các trung tâm quyền lực đã được thiết lập. Doanh nghiệp không thể chỉ được coi như một *“xã hội nguồn vốn”*, doanh nghiệp cũng đồng thời là một *“xã hội các con người”* trong đó, với những cách thức khác nhau và với những trách nhiệm chuyên biệt, có sự tham gia của những người đóng góp vốn cần thiết cho doanh nghiệp hoạt động, và những người cộng tác bằng lao động của mình. Để đạt được các mục tiêu này, vẫn còn cần thiết có một phong trào rộng lớn quy tụ các người lao động mà mục đích của nó là để giải phóng và thăng tiến toàn vẹn con người.

Dưới ánh sáng của *“các sự việc mới”* ngày nay, chúng ta đọc lại mối liên hệ giữa các tài sản cá nhân hoặc tư hữu và tài sản dành cho mọi người. Con người được triển nở do trí thông minh và sự tự do. Và khi triển nở như vậy, con người sử dụng các yếu tố của thế giới và chiếm hữu chúng như là đối tượng và như dụng cụ. Nền tảng của quyền có sáng kiến và có tư hữu nằm trong bản chất hoạt động con người. Nhờ lao động, con người ra sức làm việc không những cho chính mình, nhưng còn cho các người khác và với các người khác: mỗi người cộng tác vào lao động và vào thiện hảo của người khác. Con người làm việc để cung cấp cho các nhu cầu của gia đình mình, của cộng đoàn mình, của quốc gia mình, và của toàn thể nhân loại[[86]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn86). Ngoài ra họ cộng tác vào lao động của những người khác, những người hoạt động trong cùng doanh nghiệp, cũng như cộng tác vào công việc của những người cung cấp và vào sự tiêu thụ của khách hàng, trong một dây chuyền liên đới mỗi ngày mỗi lan rộng. Quyền sở hữu các phương tiện sản xuất trong lãnh vực kỹ nghệ cũng như trong lãnh vực nông nghiệp, là điều chính đáng và hợp lý, nếu như nó giúp lao động sinh lợi ích; ngược lại, quyền đó là không chính đáng khi nó không phát huy được giá trị, hoặc được dùng để ngăn cản lao động của người khác hầu có được một lợi lộc, không phát sinh do sự phát triển đồng thời của lao động và của nguồn phong phú xã hội, mà là do từ sự đặt giới hạn, do bóc lột bất chính, do sự đầu cơ và cắt đứt tình liên đới thế giới lao động[[87]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn87). Cách thức tư hữu này không chính đáng một chút nào và tạo nên một sự lạm dụng đối với Thiên Chúa và đối với con người.

Sự bó buộc phải đổ mồ hôi để kiếm bánh ăn, đồng thời cũng giả thiết một quyền lợi. Trong một xã hội mà quyền này có thể bị chối bỏ một cách hệ thống và trong đó các biện pháp chính trị, kinh tế không cho phép người lao động có đủ việc làm thì xã hội đó không thể có tính cách hợp pháp về đạo đức và cũng không bảo đảm được sự yên lành trong xã hội[[88]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn88). Cũng như con người tự thực hiện mình một cách trọn vẹn trong sự tự do ban tặng chính mình, thì quyền tư hữu cũng là hợp lý xét theo tính cách luân lý, khi nó tạo ra được, theo những cách thức và những nhịp điệu thích hợp, nhiều công việc làm và sự phát triển nhân bản cho mọi người.

**Chương Năm**

**Nhà Nước và văn hóa**

*44. Nguồn gốc của chủ nghĩa cực quyền hiện đại*

Không phải Đức Lêô XIII không biết rằng cần phải có một lý thuyết đúng đắn về nhà nước để đảm bảo cho những hoạt động tinh thần và những hoạt động thể chất của con người được phát triển bình thường; cả hai đều là những hoạt động không thể không có[[89]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn89). Về vấn đề này, trong một đoạn văn của thông điệp RN, Đức Giáo Hoàng đã trình bày việc tổ chức xã hội gồm ba quyền – lập pháp, hành pháp và tư pháp – và đối với lúc bấy giờ, đây là điều mới mẻ trong giáo huấn của Giáo hội[[90]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn90). Một cơ cấu như thế phản ánh một quan niệm thực tiễn về bản chất xã hội của con người, bản chất đó đòi hỏi phải có một pháp chế thích hợp để bảo vệ sự tự do của mọi người. Theo chiều hướng này, tốt hơn mỗi một quyền cần phải được những quyền khác và những thẩm quyền khác giữ cho quân bình, giữ cho được ở trong những giới hạn chính đáng. Đó là nguyên tắc *“nhà nước pháp trị”*, trong đó, luật pháp chứ không phải những ý muốn độc đoán của con người có quyền tối cao.

Thời này, đi ngược lại quan niệm trên là chủ nghĩa cực quyền (totalitarisme), chủ nghĩa này, dưới hình thức Macxit Leninit, cho rằng có một số người nhờ hiểu biết sâu xa hơn về những quy luật phát triển xã hội, hoặc nhờ thuộc về một giai cấp riêng biệt và nhờ tiếp xúc nhiều hơn với những nguồn mạch sâu sắc nhất của ý thức tập thể, nên không mắc phải sai lầm, và vì thế, tự cho mình là những người nắm quyền hành tuyệt đối. Cần thêm rằng chủ nghĩa cực quyền phát xuất từ việc chối bỏ chân lý, hiểu theo nghĩa khách quan. Nếu như không có chân lý siêu việt, nhờ vâng phục chân lý đó, con người đạt tới chân tính trọn vẹn của mình, thì chẳng có một nguyên tắc nào chắc chắn có thể bảo đảm cho những tương quan đúng đắn giữa con người với nhau. Những lợi ích riêng tư của giai cấp, phe nhóm hoặc dân tộc khiến họ khó lòng tránh khỏi đối chọi với nhau. Nếu chân lý siêu việt không được nhìn nhận, thì sức mạnh của quyền bình sẽ làm bá chủ, và mọi người đều có khuynh hướng tận dụng tối đa những phương tiện mình đang có để làm cho những lợi ích hoặc những tư kiến của mình thắng thế, không thèm đếm xỉa đến những quyền lợi của người khác. Lúc đó, con người chỉ được tôn trọng tùy theo mức độ họ có thể được sử dụng vào những mục tiêu có ưu thế vị kỷ. Như thế, phải nói rằng gốc rễ của chủ nghĩa cực quyền hiện đại nằm ở thái độ chối bỏ phẩm giá siêu việt của ngôi vị con người, hình ảnh hữu hình của Thiên Chúa vô hình và chính vì thế, do chính bản tính của mình, con người là chủ thể những quyền mà không một ai, dù là cá nhân, đoàn thể, giai cấp, dân tộc hay nhà nước có thể xâm phạm. Ngay cả đa số trong một đoàn thể xã hội cũng không thể xâm phạm các quyền đó bằng cách chống lại một thiểu số nhằm gạt họ ra ngoài lề, đàn áp, khai thác hoặc tìm cách triệt tiêu họ[[91]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn91)

*45. Giáo hội, một trở ngại đối với nhà nước độc tài*

Chủ trương và thực hành của chủ nghĩa cực quyền cũng gồm việc chối bỏ Giáo hội. Nhà nước hoặc Đảng cho rằng mình có thể thực hiện điều thiện tuyệt đối trong lịch sử và tự đặt mình lên trên mọi giá trị, nên nhà nước hoặc đảng không chịu để cho người ta bênh vực một tiêu chuẩn khách quan về thiện và ác khác với ý muốn của những người cầm quyền, và trong một số trường hợp, tiêu chuẩn ấy còn được dùng để phê phán thái độ của những người ấy. Điều đó giải thích tại sao chủ nghĩa cực quyền tìm cách triệt hạ Giáo hội, hoặc ít là bắt Giáo hội phải chịu lệ thuộc, biến Giáo hội thành một công cụ phục vụ cho ý thức hệ riêng của mình[[92]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn92).

Đàng khác, nhà nước theo chế độ cực quyền còn có khuynh hướng nuốt trọn dân tộc, xã hội, gia đình, cộng đồng tôn giáo và ngay cả những cá nhân con người. Khi bênh vực quyền tự do của mình, Giáo hội cũng bênh vực con người, là những kẻ phải vâng phục Thiên Chúa hơn là vâng phục người phàm (x. Cv 5,29), đồng thời bênh vực gia đình, những tổ chức xã hội khác nhau và các dân tộc, là những thực tại được hưởng quyền tự trị và quyền tối cao trong những phạm vi riêng của mình.

*46. Nền dân chủ đích thực*

Giáo hội đánh giá cao hệ thống dân chủ, xét như một hệ thống bảo đảm cho người công dân được quyền tham gia vào các lựa chọn chính trị, đồng thời bảo đảm cho những người ở dưới quyền cai trị vừa được quyền chọn lựa và kiểm soát những người cai trị mình, vừa được quyền thay đổi họ bằng những phương thế ôn hòa khi điều đó thuận lợi[[93]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn93). Như vậy, Giáo hội không thể tán thành thể chế chỉ có một nhóm người lãnh đạo giới hạn, nắm hết quyền nhà nước nhằm phục vụ lợi ích riêng tư hoặc những mục tiêu ý thức hệ.

Chỉ có thể có dân chủ thực sự trong một nhà nước pháp trị và dựa trên một quan niệm đúng đắn về ngôi vị con người. Một nền dân chủ thực sự đòi hỏi phải tạo điều kiện cần thiết cho việc phát triển *“phẩm cách riêng”* của xã hội, thông qua việc sáng tạo những cơ cấu để mỗi người có thể tham gia và đồng lãnh trách nhiệm. Ngày nay, có khuynh hướng khẳng định rằng chủ nghĩa bất khả tri và chủ nghĩa tương đối hoài nghi là tượng trưng của triết lý và của thái độ căn bản hợp với các hình thức dân chủ trong sinh hoạt chính trị cũng như khẳng định rằng những người xác tín mình biết chân lý và gắn bó chặt chẽ với chân lý là những người không đáng tín nhiệm xét về quan điểm dân chủ, bởi vì những người đó không nhận rằng chân lý được quy định bởi đa số, hoặc chân lý có thể biến chuyển tùy theo những thế quân bình chính trị khác nhau. Về vấn đề này, cần nhận định rằng nếu không có một chân lý tối hậu chỉ đạo và hướng dẫn hoạt động chính trị, thì những tư tưởng và những xác tín có thể bị khai thác dễ dàng nhằm phục vụ quyền bính. Một nền dân chủ không tôn trọng những giá trị, sẽ dễ dàng biến thành một chủ nghĩa cực quyền công khai hoặc được ngụy trang kín đáo, như lịch sử từng minh chứng.  Cũng không phải Giáo hội không biết đến nguy cơ của thái độ cuồng tín hoặc chủ trương bảo thủ tôn giáo của những người nhân danh một ý thức hệ tự nhận là có tính khoa học hay tôn giáo, cho rằng có thể áp đặt cho người khác quan niệm của mình về chân lý và sự thiện. Chân lý của kitô giáo không thuộc loại này. Vì không phải là một ý thức hệ, nên đức tin kitô giáo không hề tìm cách giam hãm những thực tại xã hội và chính trị, là những thực tại hay thay đổi, vào một khuôn mẫu cứng ngắc, nhưng đức tin kitô giáo nhìn nhận rằng cuộc đời con người diễn ra trong lịch sử bằng những cách thế khác nhau và không hoàn hảo. Nhưng khi Giáo hội thường xuyên tái khẳng định phẩm giá siêu việt của con người, qui luật hành động của Giáo hội bao giờ cũng là tôn trọng tự do[[94]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn94).

Thế nhưng tự do chỉ đạt tới mức độ phát triển trọn vẹn nhờ biết đón nhận chân lý. Trong một thế giới không có chân lý tự do sẽ không có nền tảng bền vững và con người phải chịu khuất phục bạo lực xuất phát từ những đam mê và những thủ đoạn rõ ràng kín đáo. Người kitô hữu sống tự do (x. Gl 8,31-32), và dấn thân phục vụ tự do, kiên trì giới thiệu chân lý mình đã khám phá đúng theo bản chất của ơn gọi truyền giáo của mình. Nhờ lưu tâm đến mọi yếu tố của chân lý mà họ đã khám phá qua kinh nghiệm trong đời sống và văn hóa của những con người và những dân tộc khi đối thoại với người khác, họ sẽ không ngần ngại khẳng định những gì họ đã biết nhờ niềm tin và nhờ dùng lý trí một cách đúng đắn[[95]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn95).

47. Nền dân chủ và sự tôn trọng nhân quyền  Sau khi chủ nghĩa cực quyền cộng sản cũng như nhiều chế độ cực quyền khác và các chế độ *“an ninh quốc gia”* sụp đổ, hiện nay ta đang chứng kiến thành công của lý tưởng dân chủ trong thế giới, tuy không phải là không có những dấu hiệu xung đột, song song với mối quan tâm lớn lao và mối ưu tư mãnh liệt đối với các quyền con người. Nhưng muốn đi theo chiều hướng này, các dân tộc đang trên đà cải tổ thể chế của mình cần phải dành cho thể chế dân chủ một nền tảng đích thực và chắc chắn nhờ biết nhìn nhận rõ rệt các quyền này[[96]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn96). Trong số những quyền chính yếu, phải nói đến quyền được sống; thành phần toàn vẹn của quyền được sống là quyền được lớn lên trong lòng mẹ sau khi thụ thai; tiếp đến là quyền được sống trong một gia đình hòa thuận và trong một môi trường đạo đức thuận tiện cho việc phát triển nhân cách; quyền được phát triển về trí tuệ và tự do qua việc tìm kiếm và nhận biết chân lý; quyền được tham gia vào việc khai thác những tài nguyên của trái đất và làm sản sinh ra của nuôi sống mình và nuôi sống những người thân của mình; quyền được tự do xây dựng một gia đình, đón nhận và dưỡng dục con cái bằng cách sử dụng tính dục một cách có trách nhiệm. Theo một nghĩa nào đó, nguồn mạch và tổng hợp các quyền trên, chính là quyền tự do tôn giáo, hiểu như quyền được sống trong chân lý của niềm tin của mình và phù hợp với phẩm giá siêu việt của con người[[97]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn97).

Ngay tại những quốc gia đã có những hình thức chính quyền dân chủ, các quyền trên không phải lúc nào cũng được tôn trọng hoàn toàn. Ở đây ta không chỉ nghĩ đến tệ nạn phá thai, nhưng còn cả những khía cạnh khác của cuộc khủng hoảng các hệ thống dân chủ mà dường như đôi lúc đã làm biến chất khả năng đưa ra những quyết định nhằm phục vụ công ích. Những yêu cầu của xã hội không phải lúc nào cũng được cứu xét theo những tiêu chuẩn công bằng và đạo đức, nhưng đúng hơn được cứu xét theo ảnh hưởng của việc bầu cử hoặc theo thế lực tài chính của những nhóm ủng hộ những yêu cầu đó. Với thời gian, những sai lạc như thế trong đường lối chính trị sẽ gây ra ngờ vực và lãnh đạm, đồng thời kéo theo thái độ không thèm tham gia chính trị và làm giảm sút tinh thần công dân của quần chúng, một quần chúng cảm thấy bị lợi dụng và lường gạt. Hậu quả là càng ngày càng không thể xác định những lợi ích riêng tư trong khung cảnh một quan niệm hợp lý về công ích. Quả vậy, công ích không phải chỉ là tổng số những lợi ích riêng tư, nhưng nó giả thiết người ta phải đánh giá và hòa hợp những lợi ích riêng tư theo bậc thang giá trị quân bình, và nói cho cùng, theo một quan niệm đúng đắn về phẩm giá và các quyền của con người[[98]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn98).

Giáo hội tôn trọng sự độc lập chính đáng của thể chế dân chủ và Giáo hội không có tư cách để bảo rằng giải pháp thể chế hoặc lập hiến này hơn giải pháp thể chế hoặc lập hiến kia. Đóng góp của Giáo hội đối với lãnh vực chính trị chỉ là đóng góp quan điểm của mình về phẩm giá của con người, phẩm giá được mạc khải trọn vẹn trong mầu nhiệm Ngôi Lời Nhập Thể[[99]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn99).

*48. Vai trò của nhà nước trong lãnh vực kinh tế*

Những nhận xét tổng quát trên đây cũng được áp dụng cho vai trò của nhà nước trong lãnh vực kinh tế. Không thể triển khai hoạt động kinh tế, nhất là kinh tế thị trường, trong một môi trường không có thể chế pháp lý và chính trị. Trái lại, hoạt động ấy giả thiết các quyền tự do cá nhân và quyền tư hữu phải được bảo đảm, ấy là chưa kể đến một hệ thống tiền tệ ổn định và các dịch vụ công cộng hữu hiệu. Như vậy, nhiệm vụ chính yếu của nhà nước là bảo đảm những vấn đề trên, để những người lao động sản xuất có thể hưởng kết quả do sức lao động họ đã bỏ ra, và nhờ đó họ cảm thấy được khích lệ để làm việc một cách có hiệu quả và lương thiện. Một trong những trở ngại chính cho việc phát triển và trật tự kinh tế tốt đẹp, đó là tình trạng bất ổn kèm theo sự băng hoại của công quyền và sự gia tăng những cách làm giàu trái phép và chạy theo lợi nhuận dễ dãi bằng những hoạt động phi pháp hay thuần túy có tính cách đầu cơ.

Một nhiệm vụ khác của nhà nước là giám sát và hướng dẫn việc thi hành các quyền con người trong khu vực kinh tế; tuy nhiên trong lãnh vực này, trách nhiệm hàng đầu không thuộc về nhà nước, nhưng thuộc về cá nhân, các nhóm hoặc các tập thể khác nhau tạo nên xã hội. Nếu nhà nước trực tiếp bảo đảm cho mọi công dân quyền có công ăn việc làm thì sẽ phải kiểm soát toàn bộ sinh hoạt kinh tế, và như vậy cản trở quyền tự do sáng kiến của cá nhân (hoặc nhà nước không thể đứng ra bảo đảm trực tiếp cho mọi công dân quyền có công ăn việc làm, mà không kiểm soát toàn bộ sinh hoạt kinh tế…). Thế nhưng, như thế không có nghĩa là nhà nước không có một thẩm quyền nào trong khu vực này như chủ trương của những người cho rằng tuyệt đối không nên có những luật lệ trong lãnh vực kinh tế. Ngược lại, nhà nước có bổn phẩn nâng đỡ hoạt động của các xí nghiệp bằng cách tạo những điều kiện giúp thêm việc làm, bằng cách thúc đẩy các hoạt động ấy trong trường hợp còn yếu kém hoặc nâng đỡ trong những thời kỳ khủng hoảng.

Nhà nước cũng có quyền can thiệp khi những hoàn cảnh đặc thù do tình trạng độc quyền gây ra, có thể làm trì hoãn hoặc làm cản trở việc phát triển. Nhưng ngoài vai trò điều hợp và hướng dẫn việc phát triển trong những hoàn cảnh đặc biệt, nhà nước còn có thể thi hành những chức năng bổ sung, trong những hoàn cảnh bất thường khi những nhóm xã hội hoặc các tổ hợp quá yếu hoặc đang trong thời kỳ thành lập không đạt tới tầm vóc xứng với nhiệm vụ của mình. Những can thiệp bổ sung này, được biện minh bằng những lý do cần hành động khẩn cấp vì công ích, cần phải giới hạn về thời gian, càng ngắn càng tốt, để không tước đi thẩm quyền của những nhóm hay những xí nghiệp ấy và để đừng mở rộng quá đáng phạm vi can thiệp của nhà nước, có thể làm phương hại đến quyền tự do kinh tế hoặc tự do dân sự.

Những năm gần đây, ta đã thấy những can thiệp này mở rộng phạm vi một cách đáng kể, đến độ tạo ra một kiểu nhà nước mới gọi là *“nhà nước vì sung túc”* (L’État du bien être). Chuyện này đã diễn ra tại một số quốc gia nhằm đáp ứng nhiều nhu cầu một cách tốt hơn, bằng cách sửa chữa những hình thức nghèo khổ và thiếu thốn, không xứng đáng với ngôi vị con người. Tuy nhiên đặc biệt trong những năm gần đây, đã có nhiều thái quá và lạm dụng khiến người ta phê bình nghiêm khắc nhà nước vì sung túc mà người ta gọi là *“nhà nước bao cấp”* (L’État de l’assistance). Tình trạng rối loạn chức năng và những sai lầm về cứu trợ xã hội xuất phát từ một quan niệm không thích hợp về những bổn phận riêng của nhà nước. Trong bối cảnh này cần tôn trọng nguyên tắc bổ trợ: Một đoàn thể cấp trên không được can thiệp vào sinh hoạt nội bộ của một đoàn thể cấp dưới, bằng cách lấy mất những thẩm quyền của họ; đúng hơn, phải nâng đỡ đoàn thể đó khi cần và giúp đoàn thể đó phối hợp hoạt động của mình với hoạt động của những thành phần khác tạo nên xã hội, nhằm phục vụ công ích[[100]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn100).

Khi can thiệp trực tiếp và lấy mất trách nhiệm của xã hội, nhà nước bao cấp làm hao tổn năng lực của con người, làm cho bộ máy công cộng ra cồng kềnh do cách lý luận quan liêu hơn là do quan tâm phục vụ quần chúng, cũng như làm cho chi phí gia tăng kinh khủng. Thực vậy, có lẽ chính những người đang gần gũi với nhu cầu hơn hoặc những người biết tiếp cận với nhu cầu phải là người biết rõ nhu cầu hơn và chính họ phải là những người có khả năng đáp ứng hơn. Cần thêm là thường thường một số loại nhu cầu đòi một sự đáp ứng không chỉ trên lãnh vực vật chất, nhưng là sự đáp ứng biết nhận ra những đòi hỏi thâm sâu hơn của con người. Ta cũng cần nghĩ đến điều kiện của những người tị nạn, di cư, những người già lão hoặc bệnh tật và tất cả những người đang ở trong hoàn cảnh cần được giúp đỡ, ví dụ những người nghiện ma túy: đó là tất cả những người chỉ có thể được giúp đỡ một cách hữu hiệu nhờ những người không những chỉ mang lại cho họ sự chăm sóc cần thiết, nhưng còn cả sự nâng đỡ chân thành.

*49. Tình liên đới và bác ái*

Trong lãnh vực này, trung thành với lệnh truyền của Chúa Kitô, Đấng sáng lập Hội Thánh, Hội Thánh luôn luôn có mặt qua những công việc nhằm cống hiến cho những người đang cần được nâng đỡ về vật chất, những không làm cho họ cảm thấy nhục nhã, cũng như không coi họ chỉ là đối tượng cần được giúp đỡ, nhưng là giúp họ thoát ra khỏi những điều kiện bấp bênh, bằng cách cũng cố phẩm giá con người của họ. Trong tâm tình sốt sắng tạ ơn Thiên Chúa, cần phải ghi nhận là đức bác ái tích cực không bao giờ ngừng hoạt động trong Hội Thánh, thậm chí ngày nay, đức bác ái còn gia tăng một cách đáng khích lệ qua nhiều hình thức. Về mặt này, cần được nhắc đến phong trào tự nguyện, được Hội Thánh khích lệ và cổ võ bằng cách kêu gọi mọi người cộng tác để nâng đỡ và khích lệ trong những bước đầu của phong trào này.

Ngày nay, muốn vượt qua não trạng vị kỷ đang lan tràn, cần có sự dấn thân một cách cụ thể trong tình liên đới và bác ái, bắt đầu từ trong gia đình, qua việc vợ chồng biết nâng đỡ nhau, rồi các thế hệ biết lãnh lấy trách nhiệm đối với nhau. Chính vì thế, gia đình cũng được định nghĩa là cộng đoàn lao động và liên đới. Tuy nhiên, có khi gia đình quyết định đáp ứng trọn vẹn ơn gọi của mình, nhưng lại không tìm được sự nâng đỡ cần thiết về phía nhà nước và thiếu những nguồn lợi cần thiết. Vì thế, phải cấp thời cổ võ không phải chỉ những chính sách về gia đình, nhưng còn cả những chính sách về xã hội mà đối tượng chính yếu là gia đình, nhưng chính sách giúp cho gia đình có những nguồn lợi chính đáng và những phương thế nâng đỡ hữu hiệu cả trong việc giáo dục con cái lẫn việc chăm sóc người già cả, để họ không phải xa lìa tổ ấm gia đình, đồng thời tăng cường những mối liên kết giữa thế hệ trước với thế hệ sau[[101]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn101).

Ngoài gia đình ra, còn có những nhóm xã hội trung gian khác đóng vai trò hàng đầu và vận dụng những hệ thống liên đới đặc biệt. Những nhóm này đã đạt được sự trưởng thành của những cộng đoàn đích thực và họ củng cố hệ thống xã hội, tránh cho xã hội khỏi rơi vào tình trạng quần chúng vô ngã và vô danh, là những điều thật đáng tiếc hay xảy ra trong xã hội hiện đại. Chính nhờ sự giao thoa của bao mối quan hệ mà con người sống và *“nhân cách”* xã hội tiến triển. Ngày nay, cá nhân thường bị đè bẹp giữa hai cực là nhà nước và thị trường. Thực vậy, đôi khi dường như họ chỉ hiện hữu như là người sản xuất và người tiêu thụ hàng hóa, hoặc như người bị nhà nước cai trị, trong khi đó người ta quên đi rằng đời sống xã hội không nhằm mục đích nhà nước hay thị trường, bởi vì đời sống xã hội tự nó có một giá trị duy nhất mà cả nhà nước lẫn thị trường phải phục vụ. Con người tiên vàn là một hữu thể tìm kiếm chân lý và ra sức sống theo chân lý đó, ra sức đào sâu chân lý bằng một cuộc đối thoại không ngừng giữa những thế hệ đã qua và những thế hệ đang tới[[102]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn102).

*50. Di sản văn hóa*

Văn hóa dân tộc có đặc tính là tìm kiếm chân lý một cách cởi mở; Chân lý này được đổi mới qua mỗi thế hệ. Thực vậy, gia sản gồm những giá trị được lưu truyền và thủ đắc, luôn luôn bị những người trẻ đặt thành vấn đề. Đặt vấn đề không đương nhiên là phá hủy hay tiên thiên từ chối, nhưng đặt vấn đề có nghĩa là đưa ra thử nghiệm trong đời sống riêng của mình. Thông qua cách nghiệm chứng sinh động như thế, các giá trị ấy trở nên sống động hơn, hiện tại hơn và cá nhân hơn, bằng cách phân biệt trong truyền thống cái gì có giá trị, cái gì giả dối hoặc sai lầm, hay thay thế những hình thức già nua cũ kỹ bằng những hình thức thích hợp với thời đại hơn.

Về vấn đề này, cần nhắc lại rằng việc loan bao Tin mừng phải đi sâu vào văn hóa các dân tộc, bằng cách củng cố nỗ lực tìm kiếm chân lý nơi nền văn hóa đó và giúp nền văn hóa đó hoàn tất nỗ lực thanh lọc và đi vào chiều sâu[[103]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn103). Tuy nhiên, khi một nền văn hóa tự đóng kín và tìm cách tồn tại với những cách sống cũ kỹ, từ chối mọi thứ thay đổi và đối chiếu trong vấn đề chân lý về con người, thì nền văn hóa ấy trở nên cằn cỗi và đang trên đà suy sụp.

*51. Phần đóng góp của Giáo hội trong vấn đề văn hóa*

Mọi hoạt động của con người đều diễn ra trong một nền văn hóa và phản ứng đối chiếu đối với nền văn hóa đó. Để kiến tạo một nền văn hóa thích hợp cần mỗi người phải tham gia, phải phát triển sức sáng tạo trí tuệ và sự hiểu biết về thế giới và con người. Ngoài ra, họ còn phải đầu tư vào đó những khả năng tự chủ, hy sinh cá nhân, biết liên đới và sẵn sàng cổ võ công ích. Để thực hiện điều đó, nhiệm vụ hàng đầu và quan trọng nhất được thực hiện nơi tâm hồn con người, và cách con người dấn thân để kiến tạo tương lai của mình lệ thuộc vào quan niệm họ có về chính họ và về định mệnh của họ. Giáo hội góp phần đặc biệt và quyết định vào văn hóa đích thực chính trên bình diện này. Giáo hội cổ võ phẩm tính của những cách thế hành động nào của con người góp phần làm thành hình một nền văn hóa xây dựng hòa bình, ngược với những mô hình văn hóa khiến cho con người mất hút trong đám đông, coi thường vai trò sáng kiến và tự do của họ, cũng như chỉ xác định sự cao cả của con người nơi những kỹ thuật tạo ra xung đột và chiến tranh. Giáo hội thi hành công tác phục vụ đó bằng cách rao giảng chân lý về việc sáng tạo thế giới, thế giới mà Thiên Chúa đã đặt vào tay con người để con người làm cho nó phong phú và kiện toàn nó nhờ sức lao động của mình; Giáo hội cũng thi hành công tác phục vụ đó bằng cách rao giảng chân lý về ơn cứu chuộc, nhờ đó Con Thiên Chúa đã cứu thoát mọi người và đồng thời nối kết họ với nhau, làm cho họ có trách nhiệm đối với nhau. Kinh Thánh thường xuyên dạy chúng ta về việc tích cực dấn thân phục vụ tha nhân và đòi hỏi mọi người phải có một thái độ đồng trách nhiệm.

Đòi hỏi này không dừng lại ở giới hạn gia đình, thậm chí dân tộc hay quốc gia, nhưng nó liên quan một cách tiệm tiến đến toàn thể nhân loại, đến độ không ai được coi mình như người xa lạ hoặc dửng dưng đối với số phận của một phần tử khác trong gia đình nhân loại. Không một người nào có thể quả quyết rằng mình không chịu trách nhiệm về số phận của người anh em mình (x. St 4,9; Lc 10,29-37; Mt 25,31-46) ! Thái độ ân cần và tận tâm lo lắng cho người thân cận vào lúc họ đang cần – thái độ này ngày nay được dễ dàng hơn nhờ có những phương tiện truyền thông xã hội mới mẻ giúp cho con người xích lại gần nhau hơn – có một tầm quan trọng đặc biệt trong việc tìm kiếm những phương thức giải quyết các xung đột quốc tế mà không cần phải dùng đến chiến tranh. Chẳng khó khăn gì khi phải quả quyết rằng sức mạnh khủng khiếp của những phương tiện hủy diệt – ngay cả những nước nhỏ hoặc trung bình cũng có – cũng như những quan hệ ngày càng chặt chẽ giữa các dân tộc trên toàn trái đất làm cho sự hạn chế những hậu quả của một cuộc xung đột trở nên rất khó khăn hoặc thực tế không thể được.

*52. Phát triển và phản chiến*

Đức Benedicto XV và các Đấng kế vị đã hiểu rõ nguy cơ này[[104]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn104), và chính bản thân tôi, nhân cuộc chiến tranh thương đau vừa xảy ra tại vùng vịnh Péc xích, tôi đã lặp lại tiếng kêu: *“Đừng bao giờ còn chiến tranh nữa!”* Đừng, đừng bao giờ còn chiến tranh nữa, một chiến tranh hủy diệt mạng sống của những người vô tội, một chiến tranh đầy chém giết, và đảo lộn cả cuộc đời của những người chém giết, một chiến tranh để lại đàng sau một chuỗi những hận thù và ghen ghét khiến cho càng khó tìm ra một giải pháp đúng đắn cho chính những vấn đề đã làm cho chiến tranh bùng nổ ! Cũng như cuối cùng đã đến lúc bên trong các nhà nước, hệ thống bảo thủ cá nhân và những việc cấp bách bây giờ là phải thực hiện một bước tiến tương tự trong cộng đồng quốc tế. Đàng khác, không nên quên rằng: tận gốc rễ của chiến tranh, thường có những động lực thực sự và trầm trọng, đó là những bất cộng, sự tước đoạt những khát vọng hợp pháp, sự bần cùng và khai thác đám người tuyệt vọng không còn thấy khả năng thực sự có thể cải thiện điều kiện sống của mình nhờ những phương thế ôn hòa. Chính vì thế, tên gọi khác của hòa bình là phát triển[[105]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn105). Cũng như phải có một trách nhiệm tập thể để tránh chiến tranh, thì cũng cần có một trách nhiệm tập thể để cổ võ việc phát triển. Trên bình diện nội bộ của mọi xã hội, đó là điều có thể và là một bổn phận phải xây dựng một nền kinh tế xã hội nhằm phục vụ công ích; cũng cần có những can thiệp thích hợp để thực hiện điều đó trên bình diễn quốc tế. Muốn được như vậy cần phải có một cố gắng to lớn để tạo sự cảm thông và hiểu biết lẫn nhau và để làm cho lương tâm thêm bén nhạy. Đó chính là nền văn hóa đáng mơ ước vì nó gia tăng sự tin tưởng đối với những khả năng nhân bản nơi người nghèo, và như thế là tín nhiệm vào khả năng họ có thể cải thiện điều kiện sống nhờ làm việc, hoặc có thể đóng góp tích cực vào sự thịnh vượng kinh tế. Nhưng để đạt tới đó, người nghèo – cá nhân hay quốc gia – cần phải được cung cấp những điều kiện sống thuận lợi có thể đạt được một cách sụ thể. Sáng tạo ra những điều kiện ấy, đó chính là mục đích của cuộc bàn thảo quốc tế nhằm cổ võ phát triển; điều này giả thiết ngay cả phải hy sinh những ưu thế về lợi nhuận và quyền lực, là những điều mà các nền kinh tế phát triển nhất vẫn tự hào[[106]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn106).

Điều đó có thể đòi phải có những thay đổi quan trọng trong những lối sống đã ổn định, hầu hạn chế những hoang phí tài nguyên thiên nhiên và năng lực con người; để mọi dân tộc và mọi người trên trái đất có thể sử dụng những tài nguyên và năng lực đó theo mức độ thích đáng. Thêm vào đó, cũng cần phải khai thác những tài nguyên mới về vật chất và tinh thần, kết quả của sức lao động và của văn hóa các dân tộc ngày nay đang bị gạt ra ngoài lề, như thế gia đình các dân tộc mới đạt tới chỗ phong phú toàn diện của con người.

**Chương VI**

**Con người là con đường của Giáo hội**

*53. Giá trị độc đáo của mỗi con người*

Đứng trước nỗi khốn cùng của giai cấp vô sản, Đức Lêô XIII đã viết: *“Chúng tôi đề cập đến vấn đề này với niềm xác tín và với tất cả quyền hạn của chúng tôi (…), chúng tôi im lặng thì nhiều người sẽ xem chúng tôi là thờ ơ với bổn phận của mình”*[[107]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn107). Suốt một trăm năm qua, Giáo hội đã nhiều lần bày tỏ tư tưởng của mình trong khi theo sát với đà tiến không ngừng vấn đề xã hội. Và Giáo hội làm như thế không phải là để tìm lại những đặc quyền trong quá khứ hoặc để áp đặt quan điểm của mình. Mục tiêu duy nhất của Giáo hội là thể hiện mối quan tâm và trách nhiệm của mình đối với con người đã được chính Đức Kitô uỷ thác cho: con người đó, như Công đồng Vat.II nhắc lại, là tạo vật duy nhất trên trái đất mà Thiên Chúa đã muốn dựng nên vì chính họ và Người đã có dự định cho họ được dự phần vào ơn cứu độ vĩnh cửu. Đó không phải là con người *“trừu tượng”* nhưng là con người thực tế, con người *“cụ thể”*, *“mang lịch sử tính”*. Đó là vấn đề *“mỗi con người”*, vì mỗi con người đều nằm trong mầu nhiệm cứu chuộc, và qua mầu nhiệm này, Đức Kitô đã mãi mãi liên kết với từng người[[108]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn108). Do đó Giáo hội không thể từ bỏ con người và *“con người”* là con đường của đầu tiên Giáo hội phải đi qua để chu toàn sứ vụ của mình (…), con đường này đã được chính Đức Kitô vạch ra, đó là con đường nhất thiết đi qua mầu nhiệm Nhập Thể và mầu nhiệm Cứu Chuộc[[109]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn109).

Đó là nguyên tắc và là nguyên tắc độc nhất gợi lên giáo thuyết của Giáo hội về xã hội. Nếu Giáo hội đã dần dần triển khai giáo thuyết đó một cách có hệ thống, đặc biệt kể từ thời điểm mà chúng ta đang kỷ niệm, chính là do học thuyết phong phú đó của Giáo hội đã nhắm đến con người trong thực tế cụ thể của họ là tội lỗi và công chính.

*54.* Đặc biệt ngày nay, giáo thuyết về xã hội quan tâm đến con người xét như được hội nhập vào một hệ thống phức tạp của những tương quan giữa các xã hội hiện đại. Những khoa nhân văn và triết học giúp hiểu rõ con người được đặt ở trung tâm của xã hội và giúp họ hiểu rõ hơn mình là một hữu thể mang tính xã hội. Nhưng chỉ có niềm tin mới mạc khải cho họ trọn vẹn căn tính đích thực của mình, và chính niềm tin mới là khởi điểm của giáo thuyết của Giáo hội về xã hội, và Giáo hội dựa vào những đóng góp của các khoa học và triết học để trợ giúp con người trên đường cứu độ.

Thông điệp RN có thể coi như một đóng góp quan trọng vào việc phân tích kinh tế, xã hội của cuối thế kỷ XIX nhưng sở dĩ thông điệp này có được giá trị đặc biệt là vì nó là một văn kiện của huấn quyền đi đúng với sứ vụ rao giảng tin mừng của Giáo hội đồng thời với nhiều văn kiện khác cùng loại. Do đó có thể suy ra rằng giáo thuyết về xã hội tự nó có giá trị như một công cụ để loan báo tin mừng: xét như thế, giáo thuyết này đã loan báo cho mọi người về Thiên Chúa và mầu nhiệm cứu độ nơi Đức Kitô, và cũng vì thế nó mạc khải cho con người về chính mình. Dưới ánh sáng đó và chỉ dưới ánh sáng đó, giáo thuyết ấy quan tâm đến các vấn đề khác như: các quyền con người nơi mỗi cá nhân và đặc biệt nơi *“giai cấp vô sản”*, gia đình và việc giáo dục, những nghĩa vụ của nhà nước, việc tổ chức xã hội về mặt quốc gia và quốc tế, đời sống chính trị, văn hóa, chiến tranh và hoà bình, việc tôn trọng sự sống từ khi thụ thai cho tới lúc chết.

*55. Thiên Chúa giải thích lý do hiện hữu của con người*

Giáo hội nhận được từ mạc khải của Thiên *Chúa “ý nghĩa về con người”*. *“Để nhận biết con người, con người thực, con người trọn vẹn, phải nhận biết Thiên Chúa”*, như Đức Phaolô VI đã nói, và ngay sau đó ngài trưng dẫn Thánh nữ Catarina Xiena, vị thánh này đã diễn tả cùng một ý tưởng đó dưới hình thức lời cầu nguyện: *“Lạy Thiên Chúa vĩnh cửu, trong bản tính của Chúa, con nhận biết bản tính của con”*[[110]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn110).

Vì thế, trong thực tế, khoa nhân học kitô giáo là một chương trong thần học, và, cũng vì thế, giáo thuyết của Giáo hội về xã hội, khi quan tâm lưu ý đến con người và đến cách sống của họ trong thế giới, *“thuộc về (…) lãnh vực thần học và đặc biệt thần học luân lý”*[[111]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn111). Như thế, chiều kích thần học thật cần thiết vừa để giải thích cũng như để giải quyết những vấn đề hiện nay trong việc chung sống của con người. Thật cũng nên lưu ý rằng điều đó có giá trị vừa cho giải pháp *“vô thần”*, một giải pháp đã loại trừ một trong những thành phần nền tảng của con người, đó là chiều kích thiêng liêng, và vừa cho những giải pháp gợi lên do chủ trương buông thả và tinh thần hưởng thụ, đây là những giải pháp viện nhiều cớ khác nhau để tìm cách thuyết phục con người về sự độc lập của họ đối với Thiên Chúa và mọi luật lệ, trong khi giam hãm họ trong một thứ ích kỷ rốt cuộc chỉ nguy hại cho chính họ và cho người khác.

Khi loan báo cho con người ơn cứu độ của Thiên Chúa, khi bày tỏ cho con người sự sống của Thiên Chúa và thông ban sự sống đó cho họ qua các nhiệm tích, khi hướng dẫn đời sống họ bằng các giới luật mến Chúa, yêu người, Giáo hội đóng góp vào việc làm phong phú phẩm giá của họ. Nhưng cũng như Giáo hội không bao giờ có thể hủy bỏ sứ mạng tôn giáo và siêu việt của mình đối với con người, thì cũng thế, Giáo hội nhận thấy rằng công cuộc của mình hôm nay đang gặp phải những khó khăn và những trở ngại đặc biệt. Bởi đó Giáo hội dấn thân với những nỗ lực và những phương thế luôn luôn mới mẻ cho việc Phúc âm hóa nhằm bảo đảm việc thăng tiến toàn thể con người. Trước thềm thiên niên kỷ thứ ba, Giáo hội vẫn luôn là *“dấu chỉ và bảo đảm tính cách siêu việt của ngôi vị con người”*[[112]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn112), cũng như Giáo hội đã từng luôn cố gắng làm như thế ngay từ buổi đầu trong khi đồng hành với con người suốt chiều dài lịch sử. Thông điệp RN là một dấu chỉ đầy ý nghĩa về việc đó.

*56. Hiểu biết giáo thuyết của Giáo hội về xã hội*

Trong dịp kỷ niệm 100 năm thông điệp đó, tôi muốn cám ơn tất cả những ai đã có công nghiên cứu, đào sâu và truyền bá giáo thuyết của kitô giáo về xã hội. Để được như vậy, không thể thiếu sự cộng tác của các Giáo hội địa phương và tôi mong ước rằng việc kỷ niệm 100 năm này phải là cơ hội cho một đà tiến mới để nghiên cứu, truyền bá và áp dụng giáo thuyết này trong nhiều lãnh vực.

Đặc biệt tôi mong ước rằng người ta phổ biến và áp dụng giáo thuyết ấy trong những quốc gia mà, sau sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực, dường như người ta hoàn toàn mất định hướng khi đứng trước nhiệm vụ tái thiết. Về phần mình chính các nước Tây phương cũng đang gặp phải nguy cơ là coi sự sụp đổ đó như cuộc chiến thắng một chiều của hệ thống kinh tế của mình và vì thế, không quan tâm ngay đến những chỉnh đốn cần thiết trong hệ thống đó. Còn đối với thế giới thứ ba, hơn bao giờ hết, họ đang gặp phải những hoàn cảnh thê thảm của sự kém phát triển ngày càng gia tăng.

Đức Lêô XIII sau khi đã đưa ra những nguyên tắc và những chỉ dẫn để giải quyết vấn đề thợ thuyền, đã đưa ra khẩu hiệu: *“Ước chi mỗi người đừng trì hoãn việc góp phần mình kẻo vì chậm trễ mà sự dữ vốn rất trầm trọng lại trở thành bất trị”*. Và ngài thêm: *“Về phần Giáo hội, Giáo hội sẽ không bao giờ thiếu sót bổn phận mình bằng bất cứ cách nào”*[[113]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn113).

*57. Sứ điệp của Giáo hội về xã hội*

Đối với Giáo hội, sứ điệp Tin mừng về xã hội không được coi là một lý thuyết nhưng trước hết phải coi là một nền tảng và nguồn động lực để hoạt động. Được thôi thúc bởi sứ điệp đó, một số kitô hữu tiên khởi đã chia sẻ của cải mình cho những người nghèo, điều đó cho thấy rằng dù nguồn gốc xã hội khác nhau nhưng việc chung sống hài hòa và liên đới là có thể được. Trải qua các thế kỷ, nhờ sức mạnh của Tin mừng, các đan sĩ đã khai thác đất đai, các tu sĩ nam cũng như nữ đã thiết lập những bệnh viện và những viện tế bần, những hội từ thiện, cũng như những người nam nữ thuộc đủ mọi hoàn cảnh sống đã dấn thân trợ giúp những người túng thiếu và những người bị gạt ra ngoài xã hội, với niềm xác tín rằng lời của Đức Kitô *“những gì các ngươi đã làm làm cho một trong các anh em hèn mọn nhất này của ta, là các ngươi đã làm cho chính mình Ta”* (Mt 25,40) không thể chỉ là một lời cầu chúc đạo đức suông nhưng phải trở thành một sự dấn thân sụ thể trong cuộc sống.

Hơn bao giờ hết, Giáo hội nhận thức rằng sứ điệp về xã hội sẽ phải trở nên khả tín qua chứng tá bằng việc làm hơn là do sự mạch lạc và hợp lý nội tại của sứ điệp đó. Từ niềm xác tín ấy dẫn đến sự lựa chọn ưu tiên về phía người nghèo, sự lựa chọn này không bao giờ mang tính cách loại trừ và phân biệt đối xử với những nhóm người khác. Thực sự, sự lựa chọn này không chỉ giới hạn vào nghèo đói về vật chất. Ta biết rõ ràng, nhất là trong xã hội ngày nay, có những hình thức nghèo đói, về mặt kinh tế cũng như về mặt văn hóa và tôn giáo. Tình yêu của Giáo hội đối với người nghèo đói là điểm chính yếu và là thành phần trong truyền thống bền vững của Giáo hội, đã thôi thúc Giáo hội quay về với thế giới mà trong đó, mặc dù có những tiến bộ về mặt kỹ thuật và kinh tế, sự nghèo đói vẫn đe dọa trở nên rất trầm trọng. Tại những nước Tây phương, nơi có nhiều hình thức nghèo đói của những người bị gạt ra ngoài xã hội, những người tuổi tác và những bệnh nhân, những nạn nhân của nền văn minh tiêu thụ và nhất là sự nghèo đói của rất nhiều người tị nạn và di dân; tại những nước đang phát triển, người ta thấy đang manh nha những khủng hoảng sẽ thê thảm nếu người ta không kịp thời có những biện pháp phối trí trên bình diện quốc tế.

*58. Cổ võ cho công lý*

Tình yêu thương đối với con người, và trước hết đối với người nghèo, nơi họ, Giáo hội nhìn thấy Đức Kitô, được diễn tả cụ thể bằng việc cổ võ công lý. Việc cổ võ này sẽ không bao giờ được thực hiện nếu người ta không coi người đang túng thiếu, người xin sự nâng đỡ để sống, như người quấy rầy hoặc như gánh nặng, nhưng coi đó là lời mời gọi để làm việc nghĩa, một cơ may để nên phong phú hơn. Chỉ có ý thức đó mới đem lại cam đảm để dám đương đầu với những nguy cơ và những biến đổi trong mọi nỗ lực đích thực nhằm trợ giúp người. Quả thực, không phải chỉ là việc cho đi những thứ dư thừa nhưng là mang lại sự trợ giúp sao cho toàn bộ những dân tộc bị gạt ra ngoài cũng như bị loại trừ được hội nhập vào chu kỳ phát triển về mặt kinh tế và nhân bản. Điều này có thể thực hiện được, không những do của cải dư thừa được sản xuất dồi dào trên thế giới, nhưng nhất là bằng cách người ta đổi lối sống, thay đổi những kiểu thức sản xuất và tiêu thụ, những cơ cấu quyền bính đã được thiết lập đang điều hành các xã hội hiện nay. Cũng không phải là phá hủy những công cụ tổ chức xã hội đang chứng tỏ có hiệu năng, nhưng chính là hướng những công cụ ấy theo một quan niệm chính đáng về ích lợi chung của toàn thể gia đình nhân loại. Ngày nay đang diễn ra cái gọi là *“hoàn cầu hóa nền kinh tế”*, đó là một hiện tượng không thể chối bỏ được, vì nó có thể tạo nên những cơ hội đặc biệt để sống tốt đẹp hơn. Nhưng người ta luôn cảm thấy rõ rệt hơn sự cần thiết là kèm với việc quốc tế hóa về mặt kinh tế ngày cang gia tăng, cần có những cơ quan quốc tế hữu hiệu nhằm kiểm soát và điều chỉnh để hướng dẫn chính nền kinh tế đến công ích, điều mà không một quốc gia nào, cho dù là thế lực nhất trên địa cầu, có khả năng thực hiện được. Để đạt được kết quả như thế, phải gia tăng sự phối hợp giữa các quốc gia lớn. Và, trong tổ chức chuyên biệt, những phúc lợi của đại gia đình nhân loại phải được lưu ý một cách công bình. Đồng thời trong khi ước lượng những hậu quả do những quyết định của mình, các quốc gia và những cơ quan đó phải luôn luôn quan tâm đúng mức đến các dân tộc và những quốc gia không mấy quan trọng trên thị trường quốc tế nhưng lại đang phải gánh chịu những thiếu thốn cơ cực nhất, thê lương nhất và cần được nâng đỡ nhiều hơn để phát triển. Chắc chắn rằng còn nhiều việc phải làm trong lãnh vực này.

*59. Sự hiện diện của Thiên Chúa trong lịch sử*

Để công lý được thể hiện và để những mưu tính của con người nhằm thực thi công lý đạt được thành quả, thì nhất thiết cần có ân sủng của Thiên Chúa. Nhờ ân sủng, cùng với sự cộng tác của tự do con người, sự hiện diện mầu nhiệm của Thiên Chúa Đấng quan phòng, sẽ được thực hiện trong lịch sử.

Sự đổi mới mà người ta cảm nghiệm được nhờ việc theo Đức Kitô phải được thông truyền cho những người khác trong thực tế cụ thể của những khó khăn của họ, của những cuộc đấu tranh, những vấn đề và những thách đố của họ, sao cho tất cả những điều đó được soi chiếu và trở nên nhân bản hơn nhờ ánh sáng đức tin. Quả thực, đức tin không chỉ giúp tìm ra những giải pháp, mà còn giúp chịu đựng một cách nhân bản, những hoàn cảnh khổ đau, để trong những hoàn cảnh đó, con người không bị băng hoại và không quên đi phẩm giá cũng như ơn gọi của mình.

Ngoài ra, giáo thuyết về xã hội còn có một liên quan hệ trọng với các môn học khác (interdisciplinaire). Để đưa chân lý độc nhất liên quan đến con người vào trong những bối cảnh xã hội, kinh tế và chính trị khác nhau và biến đổi liên tục, giáo thuyết ấy phải đối thoại với những môn học khác nhau chuyên về con người. Giáo thuyết đó tiếp thu những hỗ trợ của những môn học ấy và giúp định hướng những môn học ấy, trong một nhãn giới rộng lớn hơn, nhằm phục vụ con người, được nhận biết và yêu mến trong sự viên mãn của ơn gọi mình.

Bên cạnh chiều kích liên hệ hỗ tương này, cũng cần nhắc đến chiều kích thực dụng và theo một nghĩa nào đó, là chiều kích thực nghiệm của giáo thuyết này. Học thuyết xã hội của Giáo hội hình thành do sự gặp gỡ giữa đời sống và lương tri kitô giáo với những hoàn cảnh của thế giới, và biểu lộ trong những nỗ lực được thực hiện bởi những cá nhân, những gia đình, những chuyên gia về văn hóa và xã hội, những chính trị gia và những chính khách nhằm đem lại cho giáo thuyết ấy mô hình cũng như việc áp dụng cụ thể vào lịch sử.

*60. Sự hợp tác của mọi người thiện chí*

Khi nêu lên những nguyên tắc giải quyết vấn đề thợ thuyền, Đức Lêô XIII viết: *“Một vấn đề quan trọng như thế này đòi hỏi những hoạt động và những nỗ lực của những người khác”*[[114]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn114). Ngài xác tín rằng, những vấn đề quan trọng gây nên do xã hội công nghiệp chỉ có thể được giải quyết bằng sự hợp tác mọi sức lực. Khẳng định đó trở thành một yếu tố vĩnh cửu trong giáo thuyết của Giáo hội về xã hội, và điều đó đã giải thích rõ ràng lý do tại sao Đức Gioan XXIII đã gửi thông điệp của Ngài về hòa bình cho *“mọi người thiện chí”*.

Tuy nhiên, Đức Lêô XIII buồn phiền nhận thấy rằng những ý thức hệ thời đại Ngài, đặc biệt là chủ thuyết tự do và chủ nghĩa Macxit đã từ chối sự hợp tác. Kể từ đó đã có biết bao nhiêu điều thay đổi nhất là những năm gần đây. Ngày nay thế giới ngày càng ý thức hơn việc giải quyết những vấn đề nghiêm trọng mang tầm mức quốc gia cũng như quốc tế, không phải chỉ là vấn đề về sản xuất kinh tế hay tổ chức pháp chế hoặc xã hội nhưng đòi hỏi chấp nhận những giá trị nhất định về đạo đức và tôn giáo, cũng như phải có một sự thay đổi về não trạng, về lối sống và về những cơ chế. Giáo hội đặc biệt cảm thấy bổn phận phải đóng góp vào công việc đó, và như tôi đã viết trong thông điệp SRS, có hy vọng hợp lý rằng ngay cả đông đảo những người không tuyên xưng tôn giáo nào vẫn có thể đóng góp để đem lại cho vấn đề xã hội một nền tảng đạo đức cần thiết[[115]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn115).

Cũng trong văn kiện đó, tôi đã kêu mời Giáo hội kitô giáo và tất cả những tôn giáo lớn trên thế giới, hãy đồng tâm làm chứng cho những xác tín chung về phẩm giá của con người được Thiên Chúa tạo dựng[[116]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftn116). Quả thực, tôi xác tín rằng hiện nay cũng như trong tương lai những tôn giáo sẽ có vai trò quan trọng nổi bật hơn trong việc duy trì hòa bình và việc thiết lập một xã hội xứng với con người.

Đàng khác, đòi hỏi tất cả mọi người thiện chí hãy sẵn sàng đối thoại và cộng tác, và điều này đặc biệt đối với những người cũng như những nhóm có trách nhiệm riêng trong những lãnh vực chính trị, kinh tế và xã hội, dù ở tầm mức quốc gia hay quốc tế.

*61. Những thách đố mới*

Buổi đầu của xã hội công nghiệp, chính sự xuất hiện của một thứ *“ách gần như nô lệ”*đã đòi buộc vị tiền nhiệm của tôi phải lên tiếng để bênh vực con người. Giáo hội vẫn trung thành với nhiệm vụ đó suốt 100 năm qua. Quả thực, Giáo hội đã can thiệp vào thời kỳ hỗn độn vì đấu tranh giai cấp, sau thế chiến thứ I, để bênh vực quyền con người khỏi bị bóc lột về kinh tế và ách thống trị của các hệ thống cực quyền. Sau thế chiến thứ II, Giáo hội tập trung những sứ điệp về xã hội vào phẩm giá của con người bằng việc nhấn mạnh rằng của cải vật chất được dành cho mọi người, về một trật tự xã hội không còn áp bức và dựa trên tinh thần hợp tác và liên đới. Giáo hội không ngừng nhắc lại rằng con người và xã hội không chỉ cần những của cải này, nhưng còn cần những giá trị thiêng liêng và tôn giáo. Ngoài ra, Giáo hội vì ý thức rằng có rất nhiều người không được sống trong cảnh sung túc của thế giới Tây phương, họ đang phải chịu những nỗi khốn cùng của những xứ đang trên đà phát triển và ở trong một tình trạng vẫn còn *là “dưới ách gần như nô lệ”* nên đã cảm thấy và hiện đang cảm thấy buộc phải tố cáo thực trạng này hết sức minh bạch và thẳng thắn, mặc dù Giáo hội biết rằng những lời kêu gọi của mình không phải luôn luôn được mọi người sẵn sàng chấp nhận.

Một trăm năm sau khi ban hành thông điệp RN, Giáo hội vẫn còn đang gặp phải những *“sự việc mới”* và những thử thách mới. Chính vì lẽ đó, việc kỷ niệm 100 năm này phải củng cố tất cả những ai thiện chí và đặc biệt người tín hữu trong nỗ lực của họ.

*62. Trước ngưỡng cửa của thiên niên kỷ thứ ba*

Thông điệp này muôn nhìn lại quá khứ nhưng nhất là hướng đến tương lai. Cũng như thông điệp RN, thông điệp này đứng trước thềm kỷ nguyên mới và với sự trợ lực của Thiên Chúa, thông điệp muốn dọn đường cho kỷ nguyên đó.

Sự mới mẻ chân thực và vĩnh cửu nơi muôn vật luôn luôn bắt nguồn từ quyền năng vô biên của Thiên Chúa, Đấng đã phán: *“Này đây ta đổi mới mọi sự”* (Kh 21,5). Nhưng lời này nói đến sự thành toàn của lịch sử, khi Đức Kitô *“trao vương quyền lại cho Thiên Chúa Cha… và như vậy, Thiên Chúa có toàn quyền trên muôn loài”* (1Cr 15,24.28). Những người kitô hữu biết rõ rằng, sự đổi mới mà chúng ta đang mong đợi trong sự viên mãn của nó khi Chúa trở lại, đang hiện diện kể từ khi tạo dựng thế giới, và đúng hơn, từ khi Thiên Chúa làm người nơi Đức Giêsu Kitô, và với Người, nhờ Người Thiên Chúa đã thực hiện một *“cuộc sáng tạo mới”* (2Cr 5,17; Gl 6,15).

Trước khi kết thúc, một lần nữa, tôi xin tạ ơn Thiên Chúa toàn năng đã ban cho Giáo hội ánh sáng và sức mạnh cần thiết để đồng hành với con người trên bước đường dương thế hướng về vận mạng vĩnh cửu của mình. Bước vào thiên niên kỷ thứ ba, Giáo hội cũng sẽ tiếp tục trung thành lấy con đường của loài người làm của mình, vì nhận thức rằng Giáo hội không thể đi một mình mà cùng đi với Đức Kitô, Chúa của mình. Chính Người cũng đã đi qua con đường nhân loại là hướng dẫn nhân loại, mặc dù nhân loại không ý thức điều đó.

Cầu xin Đức Maria, Mẹ Đấng cứu chuộc, Mẹ luôn ở gần Đức Kitô trên bước đường Người đến với nhân loại, và đồng hành với nhân loại, Mẹ đã đi trước Giáo hội trong cuộc lữ hành đức tin, xin Mẹ đồng hành với nhân loại bằng sự can thiệp đầy tình mẫu tử hướng về thiên niên kỷ tới, trong sự trung thành với Đấng *“hôm qua cũng như hôm nay”*và *“như vậy mãi đến muôn đời”* (x. Dt 13,8). Người là Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, nhân Danh Người với tất cả tấm lòng rộng mở, tôi ban phép lành cho mọi người.

Làm tại Rôma, gần đền Thánh Phêrô, ngày 01.5.1991 ngày lễ Thánh Giuse Lao Động, năm thứ mười ba triều đại giáo hoàng của tôi.

GIOAN PHAOLÔ II

[[1]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref1) Lêo XIII, Thông điệp Tân Sự 15.5.1891. Nguyên văn thông điệp này k có số đoạn, bản dịch Pháp văn dựa theo cách đánh số trong tập “Le Discours Social de l’Eglise Catholique”, do CERAS thực hiện trong bộ “L’Eglise et Société” (Le Centurion) Paris 1985/1990. Bản dịch các đoạn trích dẫn cũng dựa theo nhà xuất bản này, nhưng có một vài thay đổi.

[[2]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref2) x. Piô XI, thông điệp Quadragesimo anno 15.5.1931; Piô XII, sứ điệp Truyền thanh 01.6.1941; Gioan XXIII; thông điệp Mẹ và Thày 15.5.1961; Phaolo VI, tông thư Tám mươi năm 14.5.1971

[[3]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref3) x. TĐ. QA, III

[[4]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref4) TĐ LE, 14.9.1991; TĐ SRS 30.12.1987

[[5]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref5) x. Thánh Irene Adversus Haereses, I,10,1; III,4,1

[[6]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref6) Lêo XIII RN, số 38

[[7]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref7) x. Chẳng hạn Lêo XIII, TĐ Arcanum Divinae sapientiae 10.2.1880; TĐ Diutunum, illud 29.6.1881; TĐ Libertas praestantissimum 20.6.1888; TĐ Graves de communi 18.1.1901

[[8]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref8) RN, số 1

[[9]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref9) nt, số 1

[[10]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref10) x. nt số 15

[[11]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref11) x. nt, 16 về những hoàn cảnh lao động; số 44, về những hiệp hội thợ thuyền chống Kitô giáo.

[[12]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref12) nt số 31; cũng xem số 20

[[13]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref13) nt , 34

[[14]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref14) nt, 27

[[15]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref15) x. LE, các số 1,2,6

[[16]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref16) x. RN các số 3-12

[[17]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref17) x. nt, 7

[[18]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref18) x. nt các số 6-8

[[19]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref19) x. nt các số 37-38, 41

[[20]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref20) nt, số 38

[[21]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref21) x. nt, 33

[[22]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref22) nt, 33

[[23]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref23) nt, 34

[[24]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref24) nt, 34,3

[[25]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref25) nt, 34,4

[[26]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref26) x. Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền

[[27]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref27) x. RN, 27

[[28]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref28) x. nt, 32

[[29]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref29) nt, 32

[[30]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref30) x. Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền: Tuyên ngôn về việc loại trừ mọi hình thức không khoan nhượng (intolerance)

[[31]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref31) x. Vat.II TD; Gioan Phaolo II, thư gửi các nguyên thủ quốc gia 01.7.1980; Sứ điệp ngày thế giới hòa bình 1988

[[32]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref32) x. RN, 3-9,34,38

[[33]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref33) nt, 29

[[34]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref34) x. SRS, 38-40; xem thêm Gioan XXIII, MM

[[35]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref35) x. RN, 20-21; QA.III; Phaolo VI, Bài giảng Bế mạc Năm Thánh 25.12.1975; Sứ điệp ngày thế giới hòa bình 1977

[[36]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref36) SRS,

[[37]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref37) x. RN, 6,9,34,39

[[38]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref38) GS, 24

[[39]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref39) RN, 3

[[40]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref40) x. SRS, 15,28

[[41]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref41) LE, 11-15

[[42]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref42) x. QA.III

[[43]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref43) RN 26-29

[[44]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref44) x. LE, 20; Diễn từ tại tổ chức lao động quốc tế (OIT) ở Genève, 15.6.1982; Phaolô, diễn từ tại tổ chức trên 10.6.1969

[[45]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref45) x. LE, 8

[[46]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref46) x. QA, 14

[[47]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref47) x. Tđ Arcanum divinae sapientiae 10.2.1880; Tđ Diuturnum illud 29.6.1881; Tđ Immortale Dei 1..11.1885; Tđ Sapientiae christianae 10.1.1890; Tđ Quod apostolici muneris 28.12.1878; Tđ Libertas praestantissimum 20.6.1888

[[48]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref48) x. Lêo XIII, Libertas Praestantissimum, 10

[[49]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref49) x. Sứ điệp ngày thế giới hòa bình 1980.

[[50]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref50) x. SRS, 20

[[51]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref51) x. PT, 11.4.1963

[[52]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref52) x. Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền 1948; PT, IV; Buổi họp kết thúc hội nghị về an ninh và hợp tác tại Châu Âu (CSCE) Helsinki 1975.

[[53]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref53) x. PP, 61-65

[[54]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref54) x. Sứ điệp ngày hòa bình thế giới 1980

[[55]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref55) x. GS, 36,39

[[56]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref56) x. Tông huấn Christifideles laici 30.12.1988 , các số 32-44

[[57]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref57) x. LE, 20

[[58]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref58) x. Huấn thị Libertatis conscientia 22.3.1986 về tự do kitô giáo và giải phóng.

[[59]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref59) x. Diễn từ tại hội nghi hội đồng kinh tế Tây Phi (CEAO) nhân dịp 10 năm “Appel pour le Sahel” (Ouagadougou, Burkina – Faso 29.10.1990

[[60]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref60) x. PT, III.

[[61]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref61) x. SRS, 27-28; PP, 43-44

[[62]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref62) x. SRS, 29-31

[[63]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref63) x. Văn kiện bế mạc Hội nghị Helsinki và hiệp ước Vienne Lêo XIII, thông điệp Libertas praaestantissimum, 5.

[[64]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref64) x. RM 07.12.1990, 7

[[65]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref65) x. RN, 3-12, 35

[[66]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref66) x. RN, 18,19.

[[67]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref67) x. QA, II; Piô XII, Sứ điệp truyền thanh 01.6.1941; MM; PP, 22-24.

[[68]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref68) GS, 69,71

[[69]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref69) x. Diễn văn đọc trước các Giám Mục Châu Mỹ Latinh tại Puebla 28.1.1979; LE, 14; SRS, 42.

[[70]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref70) x. SRS, 15.

[[71]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref71) x. LE, 21.

[[72]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref72) x. PP, các số 33-42.

[[73]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref73) x. LE, số 7.

[[74]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref74) x. nt, số 8.

[[75]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref75) x. GS, 35; PP, 19.

[[76]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref76) x. SRS, 34; Sứ điệp ngày hòa bình thế giới 1990, số 19.

[[77]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref77) x. Tông huấn Reconciliatio et paenitentia 02.12.1984, số 16; QA, III.

[[78]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref78) x. SRS, số 25.

[[79]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref79) x. nt, số 34.

[[80]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref80) x. RH 04.3.1979, số 24.

[[81]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref81) x. GS, 24.

[[82]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref82) x. nt, số 41.

[[83]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref83) x. nt, số 26.

[[84]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref84) x. nt, 36; OA, các số 2-5.

[[85]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref85) x. LE, số 15.

[[86]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref86) x. nt, số 10.

[[87]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref87) x. nt, số 14.

[[88]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref88) x. nt, số 18.

[[89]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref89) x. RN, các số 32-33.

[[90]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref90) x. nt, số 27.

[[91]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref91) x. Lêo XIII, Libertas praestantissimum, số 10.

[[92]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref92) x. GS, 76.

[[93]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref93) x. nt, số 29; Piô XII, sứ điệp truyền thanh lễ Giáng Sinh 24.12.1944.

[[94]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref94) x. Vat. II, tuyên ngôn về tự do tôn giáo (Dignitatis humanae).

[[95]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref95) x. RM, số 11.

[[96]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref96) x. RH, số 17.

[[97]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref97) x. Sứ điệp ngày hòa bình thế giới 1988 và 1991; Dignitatis humanae, các số 1-2.

[[98]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref98) x. GS, 26.

[[99]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref99) x. nt, số 22.

[[100]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref100) x. QA, số 1.

[[101]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref101) x. Tông huấn Familiaris consortio 22.11.1981, số 43.

[[102]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref102) x. Diễn từ tại UNESCO 02.6.1980.

[[103]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref103) x. RM, các số 39,52.

[[104]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref104) x. Benedicto XV, tông huấn Ubi primum 08.9.1914; Piô XI, sứ điệp truyền thanh 29.9.1938; Piô XII, Sứ điệp truyền thanh 24.8.1939; Gioan 23, PT, III; Phaolô VI, Diễn văn tại Liên hiệp quốc 04.10.1965.

[[105]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref105) x. PP, các số 76-77.

[[106]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref106) x. Tông huấn Familiaris consortio, số 48.

[[107]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref107) x. RN, 13.

[[108]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref108) x. RH, số 13

[[109]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref109) x. nt số 14.

[[110]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref110) Phaolô VI, Bài giảng bế mạc Công đồng Vat. II, 07.12.1965.

[[111]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref111) SRS, 14.

[[112]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref112) GS, 76; x. RH, số 13.

[[113]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref113) RN, số 45.

[[114]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref114) x. nt, số 13.

[[115]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref115) x. SRS, số 38.

[[116]](https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2012/03/08/bach-chu-nien/#_ftnref116) x. nt, số 47.